

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ-BIẾN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ V — BỘ MỚI SỐ 72 — 1-1-1962

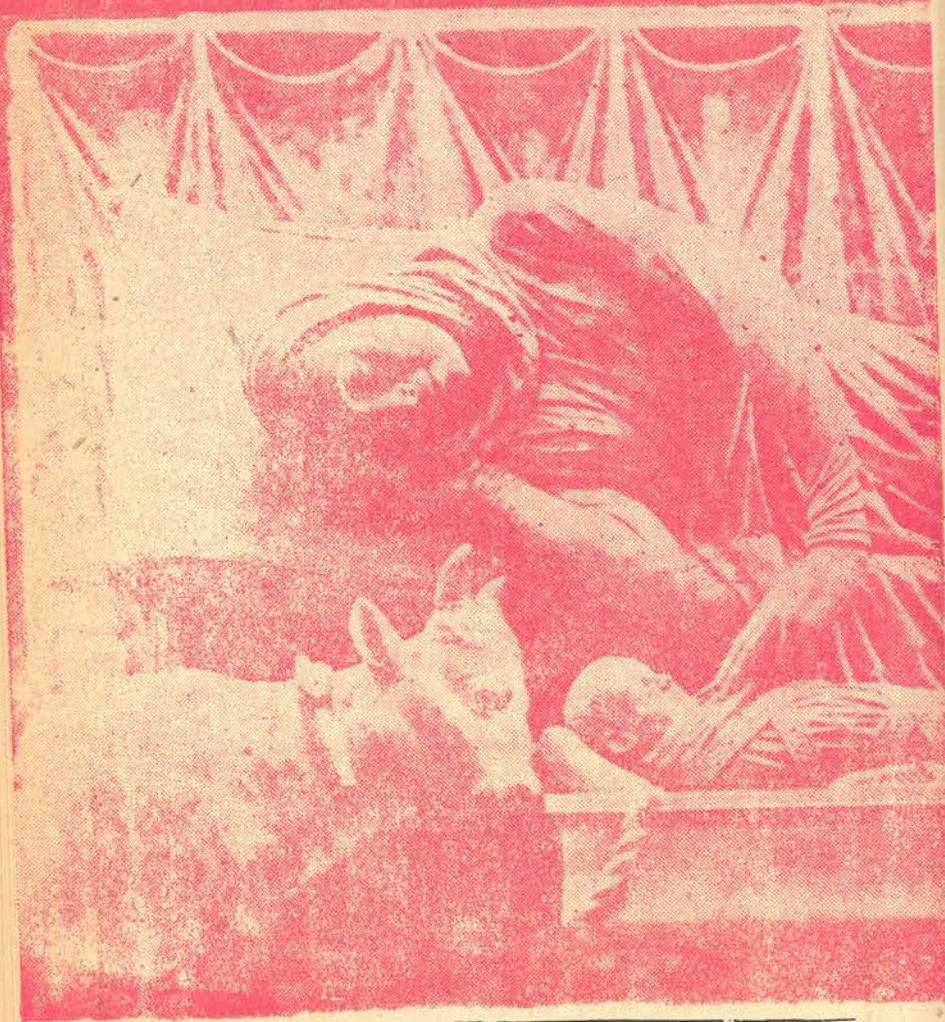
1.— Đêm Giáng-sinh của Chúa Jê-sus, có các con vật hầu Chúa không ?	Diệu Huyền	6 — 9
2.— Bữa ăn bất ngờ đêm Giáng-sinh (truyện ngắn)	Hoàng-Thắng	10 — 13
3.— Một con chó biến thành ông già Noël	Thùy-Nhân	14 — 16
4.— Alléluia ! (thơ)	My-Son	17
5.— Người khách lạ trong rừng Vienne	Từ-trầm-Lệ	18 — 24
6.— Chiếc nhẫn cười đêm Noël (truyện ngắn)	Cô Thanh-Nguyên	25 — 29
7.— Câu chuyện thằng côm (thơ)	Phương-Tấn	30
8.— Kỳ giả thuở trước	Tế-Xuyên	31 — 35
9.— Thượng-đế trong thơ	Đường Thiên Lý	36 — 43
10.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn Vỹ	44 — 49

11.— Răng thông (truyện ngắn)	Thầm Thệ Hà	50 — 54
12.— Những áng thơ hay	Thầm Thệ Hà	55 — 60
13.— Những người dân bà lừng danh	Tân Phong	61 — 66
14.— Đêm Noël (thơ)	Huỳnh-Minh-Tôn	67 — 68
15.— Minh ơi !	Diệu Huyền	69 — 75
16.— Mặc-Tử lái sanh	Thiếu Sơn	76 — 81
17.— Một giấc mơ hoa	Duyên Hồng	82 — 88
18.— Răng cùn đáng đoán bài toán	Ba Tèo	89 — 90
19.— Mẹ và con (truyện dịch)	Thầm Thệ Hà	91 — 97
20.— Chuyện lạ kim cổ	Điền-Sơn	98 — 102
21.— Bệnh hoạn (thơ)	Kiều Trung Phương	103
22.— Thầm mơ (thơ)	Kiều Mộng Thu	104
23.— Sách báo mới	Phồ Thông	105 — 106
24.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn Vỹ	107 — 111
25.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	112 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỒ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lá cải của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
★ Bài lá cải không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

Đêm Giáng-sinh...



Một bức chạm trên vách tường Nhà-Thờ Chartres (Thế-kỷ XVII)

... của Chúa JESUS.



★ ĐIỀU-HUYỀN

Lor

*Qu'an lai saison qu'ai jaule
Au monde Jésus-chri vin,
L'âne et le ben l'échaufin
De le sofle dans l'étaule
Ou di que cé pòvre bête
N'ure pas vu le pòpon
Qu'elle se mire lai genon
Humbleman boissant ai tête*

(LA MONNOYE)



Ừ A và bò là hai con thú vật mà người ta thường thấy trên các bức vẽ và các sách thuật lại đêm Giáng-sinh của Jésus Christ.

Ngoài ra còn có bầy cừu, và bầy chó của các người chăn chiên, cũng tỏ nét vui mừng hân-hoan khi thấy Chúa ra đời. Theo bài hát Noel xưa mà tôi trích một đoạn đầu in trên đây, thì có cả những con beo, gấu, cọp, ngựa, chó sói, mừng-rỡ, thuận-hòa với nhau, âu-yếm nhau như anh em, và cả đêm Chúa giáng-sinh các loài thú-vật ấy không ăn, không uống, không cắn lộn nhau, không ăn thịt nhau. Trong bóng tối, có Đức Bà Maria với chồng là Joseph, có các « Vua Đạo-sĩ », các người chăn chiên, tất cả đều tỏ lòng sùng bái.

**Dịch Nguyên-văn
đoạn thơ cũ
trên kia :**

Khi đến mùa tuyết-đầu
Jésus-Christ ra đời,
Con lừa và con bò hơ Ngải
Bằng hơi thở trong chuồng
Người ta bảo rằng những
con vật ấy

Không nhìn thấy rõ hai-
nhi

Vì chúng quỳ gối xuống
Cung kính cúi đầu,

(Bài hát Noel xưa ở xứ
Bourgogne, của La
Monnoye)

Từ mấy thế-kỷ nay, các tranh ảnh ấy
và bao nhiêu sách, báo, đều thuật rõ-ràng
như thế, và ai cũng thấy, ai cũng biết, coi
đó như chuyện hiển-nhiên chắc-chắn vậy.

Nhưng ai chịu khó nghiên-cứu trong
Thánh-Kinh, thì lại thấy nói rất dè-dặt hơn.
SAINT MARC và SAINT JEAN không
nói gì đến việc ấy cả. SAINT MATTHIEU
có nói nhưng rất ít thôi. Nơi chương I và
II, Saint Matthieu chỉ kể chuyện các vị
Đạo-sĩ từ phương Đông đến Jérusalem để
mừng Vua Juif mới ra đời. Tuyệt-nhiên
không nói gì đến Hang đá, cái Máng cỏ,
con Lừa, con Bò. Cũng không có một câu
nào nói đến các người chăn chiên, và bầy
chó của họ.

SAINT LUC, nói rõ hơn một tý :
«Vừa lúc đến Bethléem, Marie đã chuyển
bụng và sinh ra một con trai đầu lòng. Bà
lấy tá quần con và đặt con nằm trong một
máng cỏ bởi vì Marie và Joseph không tìm
được chỗ trong khách-sạn» (Saint Luc, II-6
và 7). Saint Luc không nói gì đến các vị
Đạo-sư và các đoàn Lạc-dà chở đầy vàng,
hương, v. v... cũng không nói đến con Bò
và con Lừa ở bên cạnh Chúa Jésus mới
ra đời.

Trong Thánh-Kinh không hề có ghi
chép sự hiện-diện của các con Thú-vật ở

lên lộn với người trong đêm Noel, thế, thì tại sao và từ đâu có những
con thú vật kia như ngày nay chúng ta thấy trong các sách Đạo và các
tranh vẽ, các tác-phẩm văn-chương của đạo Gia-tô ?

Theo nhiều nhà Sử-học nghiên-cứu, thì họ cho rằng có lẽ điển-tích
kia đã có trong các sách rất xưa từ lúc khởi-thủy của kỷ-nguyên Gia-
tô-giáo, mà Giáo-hội gọi chung bằng danh-từ « Apocryphes ».

Nhà Văn danh tiếng Pháp Daniel-Rops, tác-giả quyển sách « Jésus et
son temps », bình-luận các sách Apocryphes như sau đây :

« Các sách ấy rất là lộn-xộn, tuy rằng do những tên tác-giả lừng-danh
viết ra, nhưng quyển này chép theo tài-liệu của quyển kia, thêm bớt nhiều
chi-tiết tùy theo mỗi địa-phương, mỗi thời-đại, không xác nhận những sự
thật nào cả, nhưng đọc rất lý-thú, và rất hấp dẫn...

« Thí-dụ như cái Hang đá, do đâu mà có ? Đó là do Protévangile
Jacques, apocryphe ở Thế-kỷ thứ II, biên chép trong một thời-đại Do-
thái rất sùng-tín. Nơi chương XVIII, Jacques có ghi rằng lúc bà Marie
sinh con, thì ông Joseph đặt con trong một hang đá vôi, nơi đây người
ta thường nhốt các đàn cừu và bò... »

Nhưng tuyệt-nhiên trong THÁNH-KINH không có câu nào nói đến
Hang đá, máng cỏ, bò, lừa, chó, cừu, v.v... Và ngay trong các tranh
vẽ và tranh chạm trên đá, trên tường hồi đầu kỷ-nguyên Tây-lịch cũng
không hề có các loài vật kia.

Mãi đến Thời Trung-cổ (Moyen-Age) người ta mới thấy ở Arles và
ở Sainte-Amboise de Milan, các bức tranh đầu tiên mô-tả Đêm Noel có
một con Lừa và một con Bò. Thế-kỷ thứ VI, cũng có một bức vẽ trên
chai tả đêm Noel với một con Lừa và một con Bò đứng hầu hai bên
máng cỏ.

Nhưng các tranh vẽ ấy vẫn còn hiếm-hoi, và phải đợi đến Thế-kỷ
XII và XIII, mới thấy xuất hiện trên các cổng Nhà thờ, chạm trên gỗ,
trên kiến, trên ngà, những con Lừa và con Bò lẫn-lộn với Người ta
trong đêm Noel. Sau đó các nhà điêu-khắc, họa-sĩ, lại thêm những con
Chó, những con Cừu, Lạc-dà, Ngựa, chung quanh máng cỏ của L'Enfant-Jésus.

Qua Thời-kỳ Phục-Hưng (Renaissance — Thế-kỷ XV và XVI) thì
các tranh vẽ có các loài thú vật trong đêm Noel mới thật là thịnh-
hành, và từ đó đến nay người ta mới nhìn thấy quen mắt, tưởng như
đã có thật từ hồi Chúa Jésus giáng sinh vậy.

DIỆU-HUYỀN



BẮT NGỜ ĐÊM

BUỔI chiều hôm đó, ông Duy tuyên-bổ với vợ :

— Này em, có tin bực mình đây nè ; đêm mai chúng mình không thể ăn chung bữa ăn nửa đêm được. Sở anh cũng có tổ-chức bữa tiệc ăn nửa đêm ngay trong hăng. Tất cả nhân-viên đều tới dự, lẽ dĩ nhiên anh không thể nào từ chối được.

Bà Duy lặng lẽ thở dài. Bà biết mình không thể nào phiền trách chồng về chuyện đó được. Chính bà cũng dự-định Noel năm nay tổ chức một bữa ăn đêm linh đình để cùng thụ-hưởng một cách vui vẻ. Nhưng giờ đây hăng làm việc đã chiếm trọn chồng bà rồi.

Giáng

Sinh

Bà tính chiều hôm sau sẽ không đi đâu hết cùng cho người làm nghỉ để đi dự lễ nhà Thờ.

Chiều hôm sau, khi nhận thư do người đưa thư mang tới, bà Duy thấy một tấm thiệp mời dự bữa ăn bắt ngờ đêm Giáng-Sinh do một hăng trong khu-vực bà ở tổ-chức.

Cho rằng người ta gửi nhầm tới nhà mình, bà Duy vội mang tới hăng để trả lại họ.

Ngoài đường phố, dân chúng đi lại vui vẻ tấp nập. Từng cặp, từng cặp tươi cười, hớn hờ. Bà Duy cảm thấy lòng mình trẻ hẳn lại.

— Không, thưa bà, không hề có sự nhầm lẫn trong việc gửi tấm thiệp đâu, bà quản lý hăng tổ chức «Bữa ăn bắt ngờ đêm Giáng-Sinh» trả lời khi bà Duy trao trả tấm thiệp.

Vì muốn cho bữa rê-vây-ông có thêm nhiều sự bất ngờ nữa, chúng tôi đã cho rút thăm để tặng thêm ít vé khỏi trả tiền để gửi cho những người ngoài. Và bà là một trong những người được trúng.

Nhưng... bà Duy nói...

Ngay lúc đó, tiếng reo hò nổi lên ầm ỹ làm bà Duy phải ngưng nói chuyện. Người ta đón chào chiếc xe ca có chăng biểu-ngư của ban tổ chức «Bữa ăn bắt ngờ đêm Giáng-Sinh».

Chiếc xe này sẽ chở những thực-khách có giấy mời tới địa điểm dự tiệc.

★

Ngồi bên chiếc bàn khuất trong cùng, ông Duy nhắm nháp ly

ruợu. Quán ăn nơi đồng quê này rất khoáng đặng, mát mẻ. Ông Duy thường tới đây ăn uống mỗi khi có áp-phe.

Một người bồi tiễn lại hỏi ông cần dùng gì nhưng ông lắc đầu trả lời :

— Chưa vội lắm, tôi còn chờ nhà tôi tới.

Bà Duy chưa hề đến quán này bao giờ và sự thật, ông Duy không hề có ý định chờ đợi bà tới. Người mà ông chờ, chính là cô An, người tình của ông. Cô An đã nhận lời dự buổi rê-vây-ông nơi đây với ông Duy.

Hai người mới quen biết nhau chừng hai tháng nay. Giữa hai người đàn bà — bà vợ già và cô tình nhân trẻ tuổi — ông thấy cô An xinh đẹp, vui tươi, nhí nhảnh và thông minh biết bao !

Kể ra ông Duy vẫn yêu thương vợ nhưng ông vẫn thích cô An vì cô gái trẻ này đã làm cho một người đàn-ông trung-niên như ông cảm thấy mình trẻ hẳn lại và yêu đời.

Vì muốn cho vợ khỏi nghi ngờ, ông đã đặt điều nói rằng

của mình tổ chức ăn rê-vây-ông tại hãng.

Cảm thấy sốt ruột vì chờ đợi đã quá lâu, ông Duy kéo tấm màn che cửa sổ để nhìn ra lộ : chiếc xe 2 ngựa của người yêu vẫn chưa đến.

Thần thờ ông ngắm quanh phòng : phòng ăn được trang hoàng rực rỡ, từng giây kim-tuyến nổi nhau trên trần, cây thông Noel nhấp nháy đèn xanh đỏ nhưng vắng vẻ. Chỉ có ông và một thanh niên đang ngồi xem báo cách ông hai bàn.

Ông Duy vội gọi bồi tới hỏi.

— Chúng tôi chỉ nhận dành hai chỗ mà ông đã gọi điện-thoại đặt trước mà thôi, vì ông là khách quen, ăn thường xuyên ở đây...

Người bồi dơ tay chỉ người thanh niên rồi nói tiếp :

— Còn ông kia là cháu của ông quản-lý nhà hàng. Tất cả bàn ăn ở đây đều đã được đặt giữ chỗ trước từ một tháng nay. Và đêm nay chúng tôi tiếp những người tới dự bữa ăn bắt ngờ đêm Giáng-Sinh... À, thưa ông, chiếc xe ca chở khách đã tới.

Quán ăn ồn ào hẳn lên... Rồi một tiếng gọi : «Anh Duy !»

Ông Duy cuống cuống khi nhìn rõ vợ mình tiến lại kéo ghế ngồi cạnh ông.

Bà Duy vui-yê kể cho chồng nghe lý-do tại sao bà có mặt ở đây. Ngay lúc đó, một thiếu nữ vội vã bước vào phòng ăn : chính là cô An.

Ông chủ nhà hàng vội lên tiếng :

— Xin lỗi cô, nhà hàng chúng tôi đã hết chỗ rồi ạ !

— Tại sao vậy ? Chỗ của tôi đã được đặt trước bởi...

Khi nhìn rõ ông Duy, cô gái ngưng lời, mặt đỏ gay, mồm lắp bắp không rõ tiếng làm ông chủ quán hoảng sợ có chuyện không hay sẽ xảy ra. Ông vội dẫn cô gái tới bàn của chàng thanh niên rồi nói :

— Nếu ông đây vui lòng chấp nhận và không có sự gì phiền phức, chúng tôi sẽ xếp đặt chỗ ngồi cho cô ở đây.

Bữa ăn rê-vây-ông đã là cả một cực - hình đối với ông Duy.

Suốt bữa ăn, ông phải dự-kiến — mà không dám để lộ ra nét mặt — một cảnh-trạng hết sức bức bối : cô An vui vẻ — đôi khi thân mật thái quá — với chàng thanh niên ngồi cùng bàn.

Ông nhận thấy lúc này nàng có vẻ khá-ổ, tầm thường hết sức !

Đang tức tối, khó chịu, ông giật mình khi bà Duy lên tiếng :

— Nè mình, bây giờ em hiểu

rõ rồi. Chính mình đã đặt-để câu chuyện về trùng điệp mời để em tới đây...

Người chồng vội trả lời một cách dịu dàng (đầy giả dối) :

— Đúng thế ! Tôi muốn dành cho mình một sự ngạc nhiên thích thú và tôi thiết nghĩ, cái mốt này đã thành-công...

(Phỏng theo Réveillon-Surprise của JACQUES ALÈGRE)



★ Nội trợ

Cô vợ «tiểu-thơ» mới cưới. Chồng đi làm việc trưa về nhà thấy dọn trên bàn chỉ có nồi cơm khê với hai trái chuối và chén nước mắm, tỏ vẻ ngạc-nhiên, hỏi vợ :

— Ủa, em, bữa nay ăn thế này thôi à ?

Cô vợ cười dè-là, đáp :

— Em đang tức mình đây nè. Em đã nấu nồi canh rồi, em đang xào miếng thịt bíp-téc không dè bị lửa lèm cháy hết miếng thịt, cháy luôn mấy miếng khoai tây, em phải lấy nồi canh tưới hết, lửa mới tắt đó ...! Ăn cơm với chuối chấm nước mắm tạm vậy, anh nhé !

Một con chó biến thành



nhưng không phải người ta chết ai ai cũng dễ tiếng. Và lại cũng có tiếng thom, tiếng thú và phần nhiều đều là mục nát với cỏ cây.

Một con chó chết mà có mồ mả, có mộ bia, được người đời truyền tụng, được sách báo đề cao. Đó là chó Shep ở một làng heo lánh bên Mỹ.



Làng này tên là Prairie gần thị trấn Montana tại tiểu-bang Missouri. Tháng 8 năm 1936, một xe tang tiến tới nhà ga theo sau chỉ độc trội có một con chó. Người nằm trong hòm là một lão chăn chiên nghèo. Khi người

★ THÙY-NHÂN

ông già

NOËL



Ở I tục
thường
nói : «Cọp chết để da người ta
chết để tiếng.» Cọp chết để da,

ta khiêng chiếc quan tài lên xe thì chó ta thốt ra một tiếng rên náo ruột rồi muốn nhảy lên xe. Nhưng nó bị nhơn-viên nhà ga cản và buộc lòng phải ngồi nhìn chuyển xe đem chủ nó đi mất. Đêm đó nó ngủ trên đường rầy để chờ người chủ thương yêu của nó.

Một ngày có 4 chuyển xe tới, chuyển nào cũng có mặt nó ở ga. Mặc dầu trời mưa to hay nắng nó cũng không bỏ công-việc của nó làm. Nó nhìn từng khách bộ

ÔNG GIÀ NOEL

hành xuống xe. Nó đánh hơi cả những toa hàng-hóa. Mắt nó hình như muốn hỏi từng người xem có ai biết chủ nó ở đâu. Nhưng rồi nó phải thất-vọng. Nó ngó cho khuất dạng chuyển xe rồi gục mặt xuống với trăm chiều buồn thảm.

Nhơn-viên nhà ga gọi nó bằng đủ thứ tên nhưng đến tên Shep thì nó tỏ vẻ quen thuộc vì người ta đã gọi đúng tên của nó. Trước hết nó không muốn sống chung đụng với người vì lòng nó chỉ chứa đựng một tình yêu. Ông trưởng ga biết chỗ nó ngủ nên mỗi tối đều để tại đó chút ít đồ ăn. Ăn rồi nó phải đi 1.200 thước mới tới sông để uống nước.

Một đêm giông-gió bão-bùng nó buộc lòng phải đến nương mình ở trước phòng ông trưởng Toán. Ông này mơn trớn và dụ được nó vào nhà. Ông giành cho nó một chỗ ấm áp trong căn phòng của ông.

Mặc dầu có chủ mới nó vẫn không quên chủ cũ và một ngày 4 lần nó vẫn ra đón xe. *Cứ như thế suốt năm năm trường.*

Nhưng tuổi một ngày một già,

sức một ngày một yếu, nó đi đứng khó khăn. Rồi nó điếc. Rồi nó dui. Nhưng nó vẫn lần mò ra đường rầy rước chủ.

Ngày 12-1-1942, Shep lẻ thân tới giữa đường rầy để đón chuyển xe 10 giờ 17 phút. Nó ngồi đợi. Chuyển xe lần lần bỏ tới. Người ta tưởng nó sẽ nhảy qua một bên để tránh. Nhưng nó chậm lụt quá. Nó nhảy trễ mất một giây nên nó đã gặp chủ nó ở bên kia thế-giới.

Nhơn-viên Hỏa-xa kiếm cho nó một chỗ đất tốt ở trên một cái đồi trước nhà ga. Ông Trưởng Ga đóng cho nó một chiếc quan tài. Hưởng-đạo sinh khiêng nó đi chôn. Dân làng dựng cho nó một tấm mộ bia có hình nó, có tên nó do những hòn sỏi xếp lại thành chữ SHEP và sơn trắng.

Nhơn-viên nhà ga làm một chiếc đèn rọi để mỗi đêm khi chuyển xe tốc-hành đi ngang thì rọi sáng tấm mồ của nó. Đồng thời, trưởng ga, chiêu đãi viên, những phu khuôn vác và tất cả nhơn-viên trên xe đều đem chuyển chó Shep mà nói ra với mọi người.

Rồi chính ông trưởng xa Shields viết một cuốn sách nhỏ, đem in và bán cho công-chúng thân được số tiền 200 đô-la. Cuốn sách nhỏ nói về chó Shep.

Cuối năm 1946, gần tới lễ Noel người viết tiểu-truyện của Shep tới thăm một trường dạy trẻ điếc và mù ở Montana. Ông dùng hết 200 đô-la mua đồ chơi và bánh kẹo cho một trăm trẻ nhỏ học trong trường.

Năm đó Shep biến thành ông già Noel người đem hạnh-phúc đến cho bày trẻ điếc và điếc.



Sau đêm Noel nói trên thiên-hạ đua nhau quyên tiền để gây dựng nên một quỹ cho nhà trường lấy tên là «quỹ Shep». «Quỹ Shep» lên tới 50.000 đô-la không kể những khoản ghi trong chúc-thơ của những nhà từ-thiện.

«Quỹ Shep» dùng để mua đồ chơi cho con nít, để tổ-chức những cuộc du-lịch, những cuộc

nghe mát, để cấp học bổng cho chúng nó ở Trường Đại-học.

Thường-thường chỉ có 10% học-sinh ở các trường điếc được theo đuổi tới đại-học.

Vậy mà dưới sự bảo trợ của Shep lớp học chót của trường Montana có 9 trò thi vô đại-học không có một trò nào thi rớt. Kết quả rực rỡ: 100%.



Tới nay chó Shep còn là ông già Noel mỗi năm tới viếng bày trẻ bất hạnh tại trường điếc và điếc ở Montana.

Tấm lòng thiết-thạch trung-kiên của nó đã cảm hóa loài người và thúc giục cho họ thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau.

«Cọp chết để da, người ta chết để tiếng». Nhưng cũng khó tạo nên một danh-tiếng như danh-tiếng của chó Shep ở Montana.

THÙY-NHÂN

ALLELUIA !

Đêm thánh này, quỳ bên máng cỏ
Phút thiêng-liêng đã đến cạnh đây rồi
Chúa Ngồi Hai sấp ngực xuống hôn tôi
Mình Thánh chúa sẽ cùng tôi làm một
Máu Thánh chúa cùng máu tôi hòa-hợp
Ôi, mầu nhiệm vô cùng là mầu nhiệm đêm nay
Nghe rõ trong tim nhịp máu mới cuồng say
Nghe hơi thở ngọt ngào nguồn ân sủng
Chờ Chúa xuống, tôi sắp mình thờ phượng
Tròn càn-khôn yên lặng tôn-sùng
Mỗi câu kinh mỗi thorn phúc trăm-hương
Tay làm dấu chạm tơ nhung nhạc gấm
Cung khiêm dâng Người trọn niềm đạo-hạnh
Chờ đêm nay Đấng cứu-chuộc ra đời
Đời Sion hào-quang rực rỡ sáng ngời
Đàn châu báu cao cung châu Thánh-Tử
Hồn thơ tôi từ bao lâu mơ ngủ
Đêm Giáng-Sinh reo nức nở trong lòng
Dọn linh-hồn tôi mới mở trình trong
Chép cho trọn tình tôi yêu kính Chúa
Lời trình-thơ như trái non căng nhựa
Như không gian xưa giữa cánh địa-đàng
Sáng bằng tinh-đầu ngọc với nguyệt-cầu vàng
Còn chưa đủ tung-hô Trời Vô-Tận
Khiêm tốn quỳ đây. Thánh-đường sáng lạ.
Chỉ đầu chờ mưa triều-lộc Chúa ban.
Chợt nửa đêm nghe thần nhạc tấu vang
A léluia ! Alleluia ! Đất trời ca đón Chúa
Hiền-thảo mừng Người riêng đây lệ ứa.

MY-SƠN

(Dalat)

N GUỜI
đàn ông
đi như
thế đã lâu rồi, đi
không chủ đích,
không định hướng,
đến đâu không biết

là mình đang ở đâu. Vóc người
mập mạp, đầu chụp một chiếc nón
nồi u, nồi cục, ngoài khoác một
chiếc áo toại, anh ta cứ bước
thẳng trước mặt với những bước
dài, trong một cõi im lặng mênh
mông.

Vì người ấy không nghe có
tiếng ghiên siết của tuyết
dưới bước giày của anh, người ấy
cũng không nghe có tiếng gió
đang lay động mớ tóc rậm của
những thân cây trong rừng.

Người khách lạ

★ TỪ-TRÂM-LỆ

Nhưng những gì không làm nên
tiếng động thì anh lại nghe : Anh
nghe tiếng nhấp nháy của những
vì sao trên vòm trời lạnh lẽo, và
mùi vị của hơi băng giá, mùi vị
của hơi đất, một cành cây chiếu
sáng trong lớp sương giá, tất cả
những âm thanh không tiếng ấy
ca hát trong anh.

Chiều này, anh bỏ đi dễ trốn
cái mà Cherubini (1) gọi là « cái
chuồng gấu của anh », cái gian

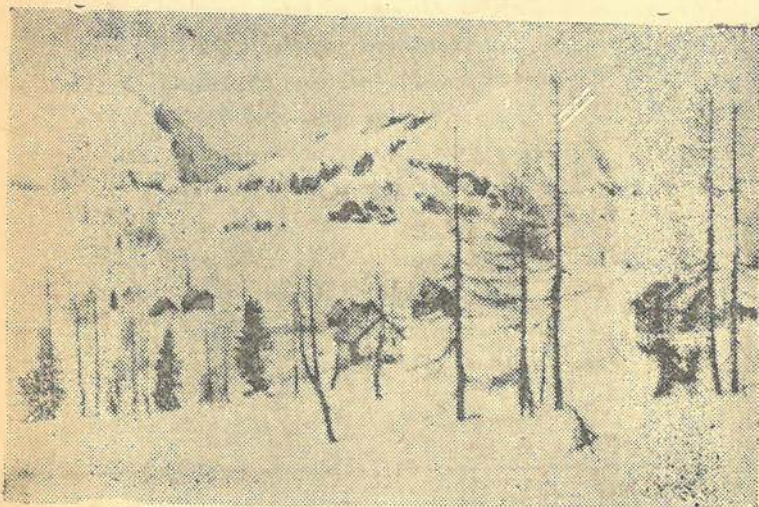
trong rừng Vienne

(Đây là chuyện thật, tôi dịch tặng những
tâm hồn đau khổ, và đã để mất mất niềm tin
tưởng ở Con Người).

nhà tồi tàn mà nước tắm trong
ngày trước qua ngày sau còn đọng
vũng trên sàn nhà đến khi đi
phải lội bì bõm trong nước ngay
trong nhà, mà nơi đó những đồ
ăn còn lại của những bữa ăn
nghèo nàn của anh, những miếng
phó-mát, những đoạn xúc-xích
vắt vương nằm đầy đó bên những
tờ nhạc của anh. Trên tường thì
hoen ố những vệt dài màu vàng,
đó là những dấu vết còn lưu lại
của những quả trứng không tươi
mà anh câu kính ném lên đấy. Và
ở chính giữa tất cả những thứ
hồn độn, dơ bẩn ấy, đứng yên
ồn một cách thái bình bức chân
dung sang trọng và mỹ lệ của
Ludwig, ông nội của anh,
nhạc sĩ ở Triều - đình Boon.
mất khi anh chỉ mới là một
đứa bé con mà cha nó, sau
khi nhậu say, đánh đập nó để
bắt buộc nó phải ngồi lại ở cây

dương cầm làm việc thêm một
tiếng đồng hồ nữa.

Ông nội anh có một gương mặt
trang trọng, bóng ửng, người
thường mặc một chiếc áo toại lót
bông màu xanh lục viền da thú.
Người mất vào một buổi tối Nô-
En, và Nô-En, đối với đứa cháu
trao mang cái họ của người, nó
dính liền với cái nỗi buồn rầu to
lớn đầu tiên, của nó. Và đêm nay,
nó bỏ trốn cái hang thú của nó, vì
trong thành Vienne, ở sau mỗi
khung cửa sổ đều bùng lên những
ngọn nến của cây thông cô-truyền,
những ánh sáng hồng rạng rỡ soi
tỏ những gương mặt hoan lạc, đàn
ông, đàn bà, trẻ con, tất cả đều
có người để họ yêu thương và có
người để yêu thương họ. Cả thành
phố trọn vẹn đều bùng nổ lên
một nỗi vui tung bùng làm đau
cái con người mang niềm xót xa,
yếu thế ấy.



Anh ta đã bỏ đi trốn. Một mình, luôn luôn một mình. Cứ bước dùa lên trước, không chủ đích, không định hướng. Bị vây kín, bị chôn chặt giữa bốn bức tường tai điếc đặc của anh, như trong một nấm mồ. Chao ơi! những người cho anh ta là « một kẻ hèn học, bướng bỉnh, yếu thế » kẻ từ mấy người anh em ruột của anh. Chao ơi! giá mà họ biết được Anh không đủ can đảm để dám nói lên rằng : « Các người thử la lên, thử hét lên đi, tôi không nghe được gì đâu... »

Một tiếng cười vang lên như tiếng sấm động, ngắt nhịp bước của anh. Anh ta tự chế nhạo chính anh, há một ngày nọ anh đã chẳng có ghi : « Tôi muốn chụp nắm định mệnh ngay ở miệng của nó, chắc chắn rằng nó chẳng bẻ cong tôi nổi đâu. Chao! thật là đẹp, cuộc đời ! » Nhưng, cái định mệnh ấy đã bẻ gãy anh ta đôi-vai dựng đến đất. Giulietta, nàng tiên, người thiếu nữ yêu dấu, mà cái tuổi trăng rằm đã gây dậy nên anh lắm yêu đương, lắm can đảm. Giulietta, người thiếu nữ đầu tiên đã làm cho anh mơ đến một tổ ấm gia-đình, nàng tiên yêu-dấu ấy đã thích chọn nhận lời cầu hôn

của bá tước Wenceslas von Gallenberg.

Rồi Joséphine Brunzwick, người mà anh gọi trong tình thân mật là Pips hay Pepi, người ấy đã trở thành bà bá-tước Deym. Rồi Magdalena Willman, có một giọng nói êm thắm tuyệt vời, nàng cũng vậy, cũng rồi lại trốn lánh anh, và Bethina nữa, rất dịu dàng, cũng trở thành bà Von Arnym. Hỡi ôi! có chăng có sự hiện-hữu của Người Yêu Bất Diệt trên cõi đời này? « Bất diệt cho anh! Bất diệt cho tôi! Bất diệt cho chúng ta! » Và sau những ngày đính-hôn rất êm-dềm, rất âu yếm, nàng Thérèse, đến một ngày nọ, đã chọn cho anh chỉ là người bạn thân nhất của nàng thôi!

Trong đêm nay, họ ở đâu, những người tình-nhân bội ước vong thề kia, những người mà những nét hung bạo của con người thiên tài đã làm cho sợ hãi và mặc dù vậy, đã nói về con người ấy : « Những tình-cảm của anh ấy trong trắng như của một người em gái... ». Giờ này, họ đang làm lễ Nô-En với chồng và con trong những gian nhà sang cả, rực rỡ ánh nến kiêu xa, trong

tiếng nổ rộn ầm cúng của những thân gỗ bốc lửa cao trong lò sưởi và họ kêu vũ chung quanh cái cây mãi mãi xanh tươi, tượng trưng cho cái gì chẳng bao giờ qua đi, chẳng bao giờ tàn, mất...

Và anh vẫn lang thang đi, một mình, đơn độc, trong một thế giới không tiếng và không lời, với trong anh, xôn xao một vầng âm thanh bàng bạc mệnh mang, cái điệu khoan thai đoan âm-giai của những mối tình chết đi và những hạnh phúc tan tành.

Cái lạnh càng lúc càng se sắt, cắt da, khiến anh nhớ lại anh có một thẻ xác nổi một mối đi hàng hai mươi cây số trong tuyết giá, đột ngột, nặng trĩu trong anh. Anh thở mạnh ra : « Mình đang ở đâu đây? ». Anh đang ở giữa một cánh rừng thần tiên mà mỗi cành cây là một mảnh ren sương giá, dưới một vòm trời u sẫm mà mỗi ngôi sao là một hạt kim cương.

Anh vẫn tiếp tục đi. Từ xa, ở cuối một con đường nhỏ biệch ra một cái trang. Ở nơi trang ấy, bên trước một bức rèm cây có một cái gì sắc trắng, và trong cái gì sắc trắng ấy, như có một ngọn lửa

trong cây đèn chong, một ánh sáng. Anh rảo gấp bước lên : « Một túp liêu tranh tẻ mảy đi nữa cũng được việc cho mình... »

Đó không phải là một lều tranh, mà là một nơi để săn bắn, cất với một kiểu-thức duyên dáng : hai cái tháp nhỏ hộ vệ mặt tiền có một dây cột, những pho tượng nam và nữ thần có vẻ sinh-dòng trang-trí trên mi nhà. Anh nhẹ bước đến bên. Nhưng bên sau khung cửa kính, anh lại gặp lại những gì đã khiến anh bỏ trốn đi ở Vienne. Chung quanh một cây thông Nô-En nhấp nháy những con sao và những tuổi lá bạc, những ngọn nến hồng, có một thiếu phụ trẻ, một người đàn ông trẻ và ba đứa bé... Chao ôi! trong đêm nay, là lễ lạc, là vui tươi, trên khắp trái đất, trong những thành phố to cũng như ở những ngôi nhà trắng dấu mình trong rừng!

Một tiếng gõ vào cửa làm người trong ngôi nhà trắng e ngại : những kẻ sung sướng, những kẻ hạnh phúc không có đợi chờ ở sự tình cờ mang đến thêm hạnh phúc cho họ. Người chồng hạ cái

ổng cối đang sôi khói xuống, đặt cần thận lên bàn rồi bước ra mở cửa.

Người lạ mặt đang đứng trước chủ-nhân có đôi mắt màu lơ xám, đây về nhân từ, nhưng cũng chứa chan buồn bã, trên một gương mặt nổi nần với hai lưỡng quyền nhô cao, má lõm, chề cằm, đây về cương nghị. Mái tóc rất nhiều, rối bời lên như bị gió xáo trộn.

Người khách lạ nói :

— Tôi đi vào trong rừng và thấy rằng tôi đã lạc. Tôi lạnh quá,

— Mời ông vào — chủ nhân đáp — ông đến đây, thật quý hóa quá. Chúng tôi vừa vận sắp sửa làm lễ...

Người khách lạ bước vào trong. Anh không mỉm cười với ngọn lửa ấm áp trong lò sưởi, cũng chẳng mỉm cười với ba đứa bé đang nhìn anh với vẻ như hơi sợ hãi, nhưng anh ngừng trên chúng một cái nhìn trầm ngâm, một cái nhìn hiền hậu bẩm sinh, đánh tan đi nỗi e sợ ở chúng và làm chúng vững dạ lại. Gian phòng có vẻ quê mùa, nhưng bày biện tinh tế. Trên tấm trường bằng vải Jony, mắc những

chân-dung của ông cha chủ-gia. Những bức tiêu-họa sắp thành dải mô-phông. *Những thiên-thần nhạc-sĩ* của Fra - Angelico. Ba đứa bé đã liú lo trở lại, nhưng nếu người khách lạ không nghe tiếng chúng, anh nghe tim anh tấu lên những nhạc khí. Như do bản-năng, anh đưa tay về chiếc dương cầm đặt ở một góc phòng.

— Ông biết đàn không ? Chủ nhân hỏi. Và với một cử chỉ của bàn tay, chủ nhân mời khách ngồi vào chiếc dương cầm.

Khách như chẳng có nghe câu hỏi của chủ nhân, nhưng hiểu cái cử chỉ. Anh bước chậm chậm đến bên cây đàn, giở nắp đàn lên và, với dáng trầm mặc, lặng-lẽ nhìn mặt đàn. Đôi vợ chồng và ba đứa con đứng im nhìn theo khách, lòng thấy nổi lên một niềm lo-lắng dễ hiểu, cùng lúc với một nỗi kính trọng khó hiểu.

Thoạt tiên, khách đưa bàn tay sẽ sắp dạo qua trên mặt đàn ; khách vẫn có cái cử động luôn luôn như thế khi dạo đàn. Đoạn, khách đánh lên đôi hòa-âm trầm, và chậm chậm, với cái vẻ uy-nghiêm thần-bí mà đã khiến cho

ngày xưa, bao kẻ bội vong tưởng thấy yêu khách, khách đánh lên một bản mục-ca vừa nhìn mấy đứa bé bị chinh - phục say mê trong tiếng đàn. Một bản Nô-En nhỏ, rất đơn giản, rất dịu-dàng.

Phồ-khúc gia, chỉ với cái phép lạ của những âm-thanh, đã diễn lên cái dễ-tài rạng-tỡ ấy rõ-ràng cũng như lời nói và hình ảnh.

“ Vì Thiên-thần bảo lũ mục đồng : Ta báo cho các người hay một nỗi vui mừng to tát. Một bà mẹ trẻ vừa sanh hạ một vị Vua, mà tên tuổi sẽ bất tử. Một hài nhi vừa sanh ra cho chúng ta trong buổi hôm nay, và người ta gọi hài nhi ấy là Chúa cao cả. ”

Và lũ mục đồng đi đến thành Bethléem. Vì rằng đâu có chỗ cho một gia đình nghèo nàn ở các khách-sạn của thành phố ấy, lũ mục đồng đi tìm và gặp bà Marie và ông Joseph trong một chuồng bò, và nằm trong cái máng là kẻ mà mấy vị thiên thần ca hát làm lễ sự giáng sanh. Đứa bé chỉ được hơ ấp bằng hơi thở của một con lừa và một con bò.

“ Nó được nuôi sống bằng một chút sữa, trong khi, Nó là kẻ nuôi sống cho đến con chim hèn mọn nào ! ”

Và khắp cõi trời đều hoan hỉ, trái đất vui mừng ngây ngất, và lũ mục-dồng trở về, vừa ca hát nỗi vui mừng, rất to đến những mục-dồng khác hỏi :

— Ai mà các anh đi xem thế, hỏi các anh mục đồng ? Hãy nói cho chúng tôi được biết sự gì vừa xuất hiện trên quả đất ?

— Chúng tôi đã thấy Nó, đó là một trẻ sơ-sanh, và tiếng đồng ca của các thiên thần xưng tụng vị Chúa tể.

— Chiếc dương - cầm hát : “ Sáng danh Chúa cả trên trời. Hòa Bình cho những người thiện chí trên cõi thế. ” Tiếng hòa âm chót ngân lâu ra, và những đường tơ của nhạc khí không còn rung động nữa mà con tim của những người hiện diện còn rung động không thôi.

Khi người nghệ sĩ quay lại phía chủ nhân, khách thấy trên mặt người chồng người vợ và ba đứa con óng ánh những giọt nước mắt. Và trong cái nhìn của

họ mà sự kinh-phục hòa lẫn với đôi chút kinh-sợ, khách đọc thấy một câu hỏi : « Người này là ai? Là ai đây, người khách lạ đi lang thang trong rừng giữa cái đêm này với mái tóc rối bù mà chơi đàn tợ một thiên thần trên thượng giới ? »

— Ich bin Ludwig Van Beethoven (Tôi là Ludwig Van Beethoven).

Đôi vợ chồng và ba con sụp quỳ xuống, tay chấp lại : trong cái đêm này, cái đêm chúa Giáng-sinh, sự viếng thăm ngẫu nhiên của người nhạc sĩ đại danh há chẳng phải là do một phép lạ ? Họ không biết, những người sung sướng ấy, họ không biết được rằng, trời ban tặng cho họ một thiên-vật trên cõi trần ; người đã cho họ một món tặng-vật vua chúa ấy lại là người trơ trụi nhất, cô độc nhất, và tuyệt vọng nhất trên cõi đời.

Nhưng Beethoven chỉ cảm thấy giờ đây trong người một

niềm thương mến êm ả bao la. Và, trong khi người nhìn ngắm, trong một khung cảnh mê-hoặc toàn hảo ấy như trong một giấc mộng, đôi vợ chồng hạnh phúc ấy, ba đứa trẻ xinh đẹp ấy, một đoạn của Homère đến trong trí nhớ của người :

« Thế rồi, bình minh với những ngón tay hồng dâng lên và mang ánh sáng đến cho chư thần và cho người cõi thế. »

Ba đứa nhỏ êm bước đến bên người, như bị một sức hút thời miên. Người vuốt ve tóc chúng với đôi bàn tay, đôi bàn tay thần diệu, và lầm bầm :

— Đây rồi ! một ngày vui trong lành...

(Nguyên-tác của Jean Witold)
TỪ-TRÂM-LÊ dịch

(1) Chérubini, (1760-1842)
một nhạc sĩ tên tuổi gốc người Ý, đồng thời với Beethoven.



● DANH NGÔN

Muốn tưới nước hoa hồng phải tưới luôn cả gai hồng.
(Tục-ngữ AI-CẬP)

24

ÔM nay 24 tháng 12 dương lịch, các tiệm ở Đại-lộ Nguyễn - Huệ trưng bày đồ chơi trẻ em tập-nập kẻ vào người ra. Hàng bày cả trên vỉa hè : xe tăng, tàu lặn, búp-bê lẫn-lộn với bông hoa bằng giấy màu rực-rỡ. Máng cỏ lớn nhỏ, xen những cảnh thông điệu-dàng, treo lủng-lẳng vài con ngỗng, con gà, vãi, hộp kẹo...

Không tiệm nào, nơi nào, có bán đồ chơi mà Dũng không dừng lại xem mê-mẩn. Vinh chịu con, kiên-nhẫn đứng chờ.

Thiên-hạ đông quá, Vinh dường như ngập thở ; nhưng thấy con tung-tăng, vui-vẻ, vô-tư, chàng không nỡ bảo về. Hai cha con tiếp-tục trôi theo làn sóng người nong nạc mùi : nước hoa, phấn-sáp, mùi thuốc lá, mồ hôi... Giữa một âm-thanh hỗn hợp : kèn, trống, rao hàng, còi xe, tiếng trẻ con reo mừng, la khóc...

Bỗng bé Dũng nắm tay chàng lắc mạnh :



chiếc nhẫn cưới đêm Noël

★ THANH-NGUYỄN

— Ba, chiếc xe tăng này chiến quá, khắc ra lửa, có đèn nữa. Mua cho con đi ba !

— Chà ! con khi biết đánh

trống, nhảy đầm ngộ quá, sao ba hồng mua cho con hả ba ?

Mỗi lần nghe con nói, Vinh cảm thấy như muôn ngàn mũi kim châm vào da thịt.

Chàng nhỏ giọng :

— Con quên sao Dũng ! Lúc con đòi đi xem ba dặn con thế nào ? Con đã hứa với ba là không được đòi bất cứ món gì.

Như nhớ lại, Dũng tiu-nghịu, sịu mặt, tặc lưỡi :

— Họ chưng làm gì nhiều đồ chơi đẹp quá xá vậy ba ?

Vinh nói rất nhỏ đủ Dũng nghe :

— Họ bày cho mình xem chơi, hiểu chưa !

Dũng la lớn :

— Sao ông này ông mua cho con ông được đó ba ?

Vinh lật đặt nắm tay con dặt ra ngoài. Bé Dũng dùng-dăng :

— Bây giờ ba phải dẫn con qua đường Tự-Do coi nữa chớ con không chịu về đâu !

Vinh buồn rầu :

— Ba mới chơn quá, giờ này,

má con có lẽ đang đợi cơm. Thôi, về đi con !

Thật, Vinh không muốn đi xem nữa. Lòng chàng khổ-sổ lắm rồi !

Tiệm nào, hàng nào cũng có người mua búp-bê, xe tăng, tàu lặn hoặc vài hộp kẹo bánh cho con. Còn Vinh, trong túi vốn-vẹn có 15 đồng. Lúc chiều, chị Vinh nhét vào bóp đủ hai cha con đi xe và uống nước mía. Tiền đâu mua cho con món đồ chơi mắc tiền ; thứ rẻ cũng vài chục bạc. Có ráng mua cho Dũng để bù lại chàng nhịn ăn sáng, cũng không được, còn hai em nó phân bì chịu sao nổi.

Vinh là Thư-ký một hãng buôn, lương-bổng ít-oi. Vợ chồng Vinh hết sức tiện-tận vẫn thiếu - hụt.

Ngày chàng gặp Thu : người con gái đậm-thắm, hiền-lành, Vinh quyết lòng xây tổ ấm. Vinh hốt hụi, vay nợ, sắm-sửa nhà cửa, tiệc cưới.

Nợ trả lần hồi còn vài tháng mới hết thì Thu sanh bé Dũng. Vinh lại đeo thêm nợ để lo cho vợ con.

Vì thiếu sữa, Thu cho Dũng

bú sữa bò, thêm một khoản chi-phí mà Vinh phải bớt cả cà phê sữa buổi sáng.

Chị Vinh tiếp-tục mỗi năm sản-xuất thêm một đứa. Lương Vinh như còm thêm với tiếng khóc chào đời của con. Đôi má cốp lại dưới vầng trán đã hằn những nét sâu, đôi mắt chàng luôn-luôn lơ-dờ, mệt-mỏi.

Chàng nhịn bao nhiêu thứ cho gia-đình được đầy-đủ. Nhưng, rất cuộc sống qua ngày là may.

Vì bao-lực, ưu-phiền, ăn uống thiếu sinh-tố, Vinh đau phổi. Sợ vợ buồn, chàng cố giấu bệnh tình, thuốc men qua loa, ngày ngày đạp chiếc xe cũ rích đi làm việc như thường. Có những lúc cơn sốt hành hạ, chàng uống vài viên ký-ninh cho qua chứ tiền đâu tiem thuốc.

Vinh nghĩ : chẳng biết ngày nào chàng được sống yên-lành, đầy đủ hơn. Nhớ lại phận mình có lẽ suốt đời cơ-cực, Vinh rơm-rớm nước mắt nhìn bao nhiêu người sang trọng, quần áo nhồn-nha, mua cho con hàng ngàn bạc đồ chơi không tiếc.

Dũng buông tay cha chạy vội

vào đám đông, kiếng chân nhìn vào tủ :

— Ông già râu trắng ba ơi !

— Chà ! Ông dễ thương quá.

Ba nói cho con biết tại sao họ chưng ông già râu trắng trong tủ ?

Vinh đưa con qua đường, sang công viên trước Quốc-Hội. Đặt con ngồi xuống ghế đá đoạn ôn-tồn :

— Đó là ông già Nô-ên. Người Pháp gọi là « Père Noël ». Tục truyền ngày xưa, đêm Chúa Giáng-Sinh, ông ta hiện xuống, đi từng nhà có trẻ nít, ông treo đồ chơi trên đầu giường hay đặt bên gối của đứa bé. Sáng hôm sau, hay nửa đêm hôm ấy đứa bé thức-giác thấy đồ chơi reo mừng vui-vẻ vì được quà bất-ngờ.

Dũng im-lặng, như suy-nghĩ điều gì quan-trọng. Bỗng đứng phắt dậy, nắm vai cha lay mạnh :

— Về ba, về ! Đi xe về ghen hông ! Con muốn về mau-mau, ăn cơm lẹ-ẹ, đi ngủ thật sớm. Vái tối nay, ông già râu trắng đứng trong tủ đồ hiện xuống, cho con chiếc xe tăng khạc lửa,

còn em Thúy, em Phượng mỗi đứa một con búp-bê.

Vinh nhìn con thỏ dài hời-hận. Chàng tự-trách sao không tìm cách khác giải-thích; bây giờ con hy-vọng quá rồi biết tính sao đây?

Chàng tưởng tượng: gương mặt buồn-bã, thất-vọng của con lúc thức giấc, và đôi mắt thèm muốn khi chạy theo trẻ con hàng xóm, để hưởng đôi phút sung-sướng: nhìn chiếc xe bé tí biết chạy, biết ngừng. Chàng gục xuống, hai tay ôm đầu, lòng đau như cắt.

Vinh không còn phân-biệt nhà cửa, đường-sá, xe-cộ và người đang tới lui rộn-rịp. Chàng chỉ thấy chiếc xe tăng chạy vòng quanh, phun ra những làn lửa đỏ mà Dũng thích say-mê. Vinh đưa tay lên trán như xóa đi một ám-ảnh, vô-tình chiếc nhẵn cười chạm vào mắt.

Một tia sáng lóe lên, tim chàng hời-hộp. Luồng sinh-khí ở đầu vừa thổi vào buồng phổi sắp ứ-ngập.

Phải, ta đeo nó làm gì khi mà tình-nghĩa vợ chồng đã khấn-

khít, chân-thành. Kỷ-niệm ngày cưới nhau đầu quý bằng sự vui mừng hồn-nhiên của các con. Tuổi trẻ ngây-thơ, ta phải gây cho chúng nó một niềm tin trong sạch trên cõi đời đầy-dẫy giả-dối này.



Nửa đêm, giữa lúc chuông ngân vang dội gần xa báo tin Đấng Cứu-Thế ra đời. Đêm thiêng-liêng, mà ánh sáng diệu-huyền tràn ngập khắp trần-gian. Trong căn gác nghèo nàn, nhỏ hẹp vùng ngoại-ô Thủ-Đô, bé Dũng thức-giác. Em dụi mắt ngó lên đầu giường reo to:

— Ba, má ơi, dậy coi ông già Nô-ên cho con chiếc xe tăng, có hai con búp-bê cho Thúy, Phượng nữa!

Vinh chỗi dậy bước xuống giường, Dũng vỗ chiếc xe đặt lên tay:

— Con mừng quá ba, ba nói trúng ghê! Phải ông còn đây, con hôn bộ râu ông dặn sang năm, ông đừng quên cho Dũng đồ chơi nữa.

Vinh ôm con vào lòng, hai hàng

nước mắt rưng-rưng.

Sang năm, anh còn gì để bán đặt mua đồ chơi cho con? Bình-tình nguy-hiểm, thuốc men thiếu-thốn, chàng có chịu nổi đến đêm Nô-ên năm tới không?

Chàng cảm thấy ông già Nô-ên sẽ chết một lượt với chàng trong lòng Dũng.

Chị Vinh vừa thức, giọng ngáy ngủ:

— Cha con bây làm ồn quá!

Chị đầu có ngờ. Chồng chị vừa trải qua một đau-khổ trầm-lặng, nát lòng: dịp may cho vi-trùng mặc sức bành-trướng.

Sáng mai, vì tiếc tiền, chị cứ cần-nhân chồng cho hã chó nào hiểu được « nỗi lòng của một người cha ».

THANH - NGUYỄN
(14 - 11 - 61)



★ BỊ TÙ VÌ TRỄ MỘT CHUYẾN XE

Một người tù mới vừa bị giải vào khám. Các bạn tù bu chung quanh hỏi:

— Anh bị tội gì vào đây?

— Bị trễ một chuyến xe.

— Ồ, trễ một chuyến xe đâu có phải là một tội sát nhơn mà bị vào khám chứ?

— À, nếu không trễ chuyến xe đó thì tôi đã qua khỏi biên-giới, và giờ này tôi đã ở trên đất Cam-Bốt rồi, đâu có bị vào khám.

Cô LAN - ANH

Câu chuyện thẳng cảm

Con gục khóc vào lòng tay Thượng-đế,
 Ngửa linh-hồn :
 Xin bưng-bít đau thương.
 Phạt văng đăm-mê, tội-lỗi chán-chường.
 Ôn thánh sủng, con tin-dồ ngoan đạo...
 ... Vút tám-thề nghe buồn lên hải-đảo,
 Chết đuối hình-hài trong biển loạn kiều-xa.
 Con tội tình chi ?
 Thằng bé hiền-hóa,
 Tuổi 17 hồn hiện-sinh da-diết !
 Buồn thảng năm, buồn lương-lai hủy-diệt,
 Sống hao-mòn trong thế-giới mệnh-mống.
 Giả-dối, chua cay, đói khát, gồng công,
 Thượng-đế hỡi, con van Ngài cứu rồi.
 Đói tay hèn yếu, võ-vàng xưng tội,
 Còn chút này ôm hoài-bảo mai sau.
 Thượng-đế thương yêu, tình-khiết nhiệm mầu,
 Xin đoái-lương lòng thành tâm kẻ-lẽ...
 ... Con uất-ức, nhìn tấn tuồng thế-hệ :
 Sống điên cuồng trong bóng tối không-gian ;
 Đua đòi vương tôn ! khanh tướng ! thời-gian,
 Miệng gặm thét mở hành-trang quyền-quý.
 Ừ họ sung-sướng, xem đời hoa mỹ !
 Rõ khô-hải,
 Con bưng mặt cười khan...
 Người hôm nay, con ngưỡng vọng hy-hoàng...
 Dù năm tháng đã hao-mòn linh-thề.
 Chừ gục khóc vào lòng tay Thượng-đế,
 Ngửa linh-hồn :
 Xin bưng-bít đau thương.
 Phạt văng đăm-mê tội lỗi chán-chường,
 Ôn thánh sủng, con tin-dồ ngoan đạo...

PHƯƠNG . TẤN
 (H. V. Đà-Nẵng)



(Tiếp theo P.T. số 71)

K H I đã rành nghề rồi, anh thôi gõ đầu trẻ, chuyên chú vào trường văn trận bút. Anh cộng sự thương trực với tuần báo « Indochine Nouvelle » của Hoàng Nhữ Nam và tuần báo « Phóng sự » của mấy người em ra vốn tự lực khai thác.

Chính trong tờ báo Pháp nói trên, anh hoạt động đặc lực hơn hết trong trách-vụ bình vực dân nghèo là cái mục tiêu anh thiết tha mong đạt được.

Anh còn ghi lại trong ký ức của nhiều đồng-nghiep hai vụ tranh đấu bằng ngòi bút của anh : vụ binh vực tá điền ở Thanh Quới và Vụ Thê (Long-Xuyên) và vụ chống lại

nạn độc quyền « đứng bến » xe dò của Sáu Thanh ở Cần-thơ.

Vụ thứ nhứt gồm hai việc Chủ điền cướp ruộng đất của nông dân. Dưới chế-độ Pháp thuộc, những nông-dân không hiểu rõ luật lệ khai khẩn đất hoang, cứ tưởng rằng rừng già ở những nơi xa xôi khổ ho cò gầy chỉ có muối mòng và đĩa vát, thì ai đến khai-khẩn cũng được, và khi thành ruộng là mình làm chủ khoảnh đất mà mình đã tưới bằng bao nhiêu mồ hôi nước mắt.

Khi thành điền rồi, họ thấy sở đặc điền đến đo đất rồi sở tài-chánh cho người đến thầu thuế hàng năm. Họ tin chắc sẽ có ngày làm chủ chánh thức

miếng đất của họ. Họ có ngờ đâu còn những thủ-tục pháp-lý phiền phức để xin bằng-khoản tức là chứng chỉ sở hữu quyền chánh thức của họ. Điều mà họ không ngờ hơn hết là «ông Vinh-lý đến đặc điền» là do đơn xin của một kẻ xa lạ nào đó mà họ chưa hề biết mặt biết tên. Kẻ ấy biết rõ nơi đất hoang đã được người nông dân đốt nát khai-khẩn thành ruộng, bèn xía vào, chỉ mắt công làm cái đơn gởi cho Tham-biện chủ tỉnh khai rằng chính y đã bỏ tiền ra khai thác nay đã thành-quả, vậy xin sổ Đặc-điền đến đo đất và cấp bằng-khoảng... Cố nhiên, kẻ cướp mồ hôi nước mắt của nông dân ấy đã có biết «phải quấy» với nhà hữu-trách rồi để công việc trôi lợt.

Còn người nông-dân gặt hái được một hai mùa, tưởng là tương lai vững chắc, song bỗng thấy kẻ lạ mặt đến cho hay y làm chủ thửa ruộng. Anh nông dân muốn ở lại làm ăn thì phải theo điều kiện tá-diên mướn đất. Người nông dân vỡ mộng, bàng hoàng chẳng biết ra sao. Đến khi hỏi ra lẽ, thì mới hay mình không có giấy tờ, còn người «chủ mới» có đủ bằng khoán, dùng luật pháp, nếu ra tới «ba tòa quan lớn» mình cảm chắc sự thất

kiện trong tay. Có đưa ra một mớ biên lai đóng thuế chăng? Thì trước tòa, tên «chủ mới» khai chính y đóng thuế vì trong biên-lai không đề rõ tên ai.

Mánh lới cướp đất của nông-dân đại đề như trên. Có những điền-chủ chỉ có 2 bàn tay trắng mà nhờ mánh lới vận - động, đã đầu hôm sớm mai thành chủ hơn ông mấy trăm mẫu ruộng phi nhiều.

Nhưng nếu có những nông dân chịu đòi lấy kiếp tá điền để tiếp tục làm ăn, thì năm 1926 đã xảy ra vụ đồng Nộc Nạn, tại đó nông-dân phản công lại, giết chết một viên cảnh sát trưởng và một viên phó, đều là người Âu-châu, cùng vài nhơn viên tùy tùng là làng và lính. Những kẻ này đã nhàn danh pháp luật mà đến Nộc Nạn đòi lại «quyền sở hữu» cho những chủ điền ăn cướp dưới thể bài «hợp pháp». Bèn nông dân cũng có một số bị chết và bị thương.

Năm 1936 lại xảy ra một vụ đồng Nộc-Nạn nữa ở Thanh Quới : 2000 mẫu ruộng của nông dân bị một vị đốc phủ chiếm đoạt đúng theo pháp-lý. Nhưng may nó không đến đòi đòi hỏi máu đào tưới lên 2000 mẫu đất ấy đã tưới bằng bao nhiêu mồ hôi, nước mắt... Ấy là nhờ

có ngòi bút của ký giả Lê Trung Nghĩa bình vực nông dân, phanh-phui lên mặt báo.

Vị Đốc-phủ nói trên hồi 1936 gần như «ông Vua không mao» trong thế giới Thực Phong. Ông ta từng làm Nghị trưởng Hội Đồng Quản hạt, có chơn trong Đại Hội Đồng Kinh tế, ra vào phủ Toàn quyền, Thống-Đốc như đi chợ. Ông lại có biết bao bộ hạ «dưới trường» chỉ hô một tiếng là kẻ nào nghịch với ông sẽ biết tay.

Ấy vậy mà ký-giả họ Lê xuống tận Thanh Quới, tiếp xúc với cả ngàn gia-đình nông-dân, để điều tra đưa sự thật ra ánh sáng. Đến bây giờ, ai nhớ lại vụ ấy cũng tự hỏi sao ký giả ấy đem thân vào hang hùm, ô răn mà vẫn bình an vô sự, phải chăng vì uy tín của nghề viết báo đã khiến cho «ông vua không mao» kia không dám động chạm đến một cây bút dám hy sanh.

Cả một năm kiên gan bền trí, Lê Trung Nghĩa hết viết báo lại trực tiếp lên phủ Thống-Đốc xin yết-kiến thủ lãnh xứ Nam-kỳ để bày tỏ tất cả dân-tình ở Thanh-Quới. Vị Thống-Đốc hồi đó là ông Pagès, bạn thân của viên đốc phủ nói trên kia, khiến ông khó xử-trí. Song dư-luận xôn xao quá và ông cũng sợ phải gánh

lấy trách nhiệm một vụ Nộc-Nạn thứ hai, nên ông phải nhờ Lê Trung Nghĩa điều-tra lại cho kỹ, làm một bản tường trình gởi riêng cho ông.

Vụ này kéo dài đến năm sau, ông Pagès cứu xét các bản báo cáo chánh thức so sánh với bản tường trình của ký giả họ Lê, thấy không còn xử ức nông dân được nữa. Ông nghĩ ra một giải pháp : lấy công-diền ra bồi thường đã 2000 nông dân Thanh Quới, để bù lại một chữ ký mà viên Chủ tỉnh đã lỡ đặt vào đơn «xin khẩn đất» của vị đốc phủ. Như vậy là «hòa cả làng» mà «quyền lợi» hợp pháp nhưng bất hợp đạo trời, của ông đốc phủ cũng được bảo vệ.

Sau này, tôi có dịp gặp ông Đốc-phủ ấy và được nghe ông than phiền rằng : «Lê Trung Nghĩa đã viết báo cho tôi, đã từng được tôi giúp đỡ mà nỡ lòng hại tôi, không kẻ gì tình nghĩa nữa.»

Tôi không cãi lại lời trách móc của ông lý luận theo điệu trưởng giả, nhưng tôi nhớ câu này mãi, và cũng phục một anh ký-giả đã quên được những ân-nghĩa nhỏ mọn mà chỉ biết có công tâm và quyền-lợi của đồng bào đau khổ.

Bình vực xe đồ, chống nạn độc quyền bến xe

Nói đến Lê-Trung-Nghĩa, các anh em ký-giả tiền-chiến còn nhớ việc chống với nạn « Sáu Thanh » ở Cần-thơ, do cũng cây viết của họ Lê dám đâm lảnh nữa.

Sáu Thanh hồi đó, bị người ta hoảng sợ chẳng thua gì Năm Lửa vì tất cả xe đồ ở Cần thơ đều phải sống dưới chế-độ độc quyền của anh ta... Xe nào muốn làm ăn yên ổn phải đóng cho Sáu Thanh một số tiền và sở dĩ Sáu Thanh « làm vua bến xe » được tự-do như nắm một giang sơn riêng biệt trong tay là vì anh ta đã mua được hết cả cò bót.

Viên cò Robert, là chánh ty Cảnh-sát Công-an Cần thơ đã che chở cho cái nạn độc quyền này.

Ai mà không tuân lệnh nộp tiền « mãi lộ » thì đừng có hòng làm ăn; nếu không mất mạng thì cũng phải lên cò bót hay vào tù một cách dễ-dàng như trở bàn tay.

Trước tai nạn ấy nó đè nén trên anh em làm nghề xe đồ, ký-giả Lê - Trung - Nghĩa năm 1937 bình bút cho tuần báo

« Indochine Nouvelle » đã đề-nghị với Chủ-nhiệm đề oho anh đi Cần-thơ mở cuộc điều tra viết một thiên phóng sự đăng lên báo.

Lê-Trung-Nghĩa trước khi ra đi, đã bị những bạn thân ngăn cản : « Anh không biết những tay anh chị đứng bến sao mà đụng vào quyền lợi của họ làm chi cho nguy-hiểm đến tánh mạng. Vả lại quan thầy của họ ghê gớm lắm, có thể dùng đủ mảnh lời hợp pháp mà căng lưới bắt anh hại anh đến ngồi tù ».

Lê Trung Nghĩa cảm ơn lời khuyên của anh em, nhưng máu hăng say với sự mạng cao cả của nghề làm báo đã khiến anh coi thường tất cả mọi hiểm nguy. Người ta nhắc đến cái chết của Bác-Vật Còn ở Bạc-liêu đề anh coi chừng. Vì đã dám đụng đến độc quyền của « ông Vua Muối » mà ông Còn đã bỏ mạng.

Nguyên hồi Pháp thuộc, việc làm muối ở trong tay một nghiệp chủ giàu có lớn ở tỉnh này, không ai dám động đến. Khi ông Huỳnh văn Còn đi du học ở bên Pháp về với cái bằng Bác-vật, ông lại không đi làm công-sở, mà xin khai thác ruộng muối ở Bạc-liêu, đề phá độc quyền muối. Ít tháng sau, người

ta thấy tử thi Bác-vật ấy nằm ngoài bờ ruộng, với những vết thương do dao nhọn gây ra.

Tòa điều tra sơ-sài rồi cho chôn cất. Thủ phạm không thể tìm ra được.

Sau này, có nhiều ông dự thăm mới đến tỉnh Bạc-liêu, lục lại hồ sơ Bác-vật Còn, tỉnh mở cuộc điều tra trở lại thì bỗng nhiên sáng hôm sau, ông thấy trên bàn giấy của ông có một bao thơ đựng một số tiền lớn với bức thơ có một câu văn tắt:

« Xin ông đừng nhọc công điều-tra vô-ích vì không thể nào tìm ra thủ phạm đâu. »

Ông nào liêm khiết thì trình bao thơ ấy lên thượng cấp; ông nào kèm trong sạch thì êm luôn.

Ông nào quyết tâm điều tra thì bị dời đi lĩnh khác.

Vụ Bác-vật Còn chết oan đã gây phần nộ cho em ruột ông là H. V. C. Ông C. đã sang Pháp học luật và học cả trường Trình Thám nữa với lời nguyện rằng khi về nước sẽ rửa hận cho oan hồn anh ông. Nhưng khi thành tài rồi thì vụ án bị mặt đã chìm đắm vào dĩ vãng xa quá rồi, không còn chút manh mối nào, đề tìm ra sự thật nữa. Trạng sư H. V. C. đành bó tay, không đạt được ý nguyện.

Anh em bạn của Lê Trung Nghĩa đem vụ Bác-vật Còn ra làm một vi-dụ điển hình về chế-độ độc quyền ở một xứ thuộc địa; họ khuyên nhà viết báo ấy đừng dưng đến một sức mạnh Thực Phong. Nhưng họ Lê không nghe và một hôm người ta đã thấy bóng dáng anh bảnh khảnh ở nơi bến xe đồ, tiếp xúc với anh em làm nghề vận tải và chở hành khách. Những người có tài liệu quan trọng cần trao cho anh, được anh tiếp họ ở khách sạn mà anh ở trọ.

Anh ung-dung hoạt động, đi chỗ này tới chỗ kia, tiếp xúc với mọi người, đề có thể tìm ánh sáng trong một vụ độc quyền ở cái tỉnh lớn có tiếng là « thủ đô miền Tây ».

Anh làm cho nhiều người phải khó chịu và chắc là người bức mình nhưt là viên chủ tỉnh khi đọc những bài phóng sự trên báo « Indochine Nouvelle » với cái tựa « La pègre de l'Ouest » — (Bọn đạo tặc miền Tây). Một tỉnh lớn sống trong một chế độ có luật pháp mà lại là trung tâm cho một đám người sống ngoài pháp luật, chỉ biết luật của võ nghệ thì thật là nhục nhã cho người cầm đầu tỉnh ấy.

(Còn nữa)

THƯỢNG ĐỂ TRONG THƠ

★ ĐƯƠNG-THIÊN-LÝ

Những người đã vắng mặt : ● Tản-Đà
★ Quách-Thoại ● H. C. ★ Liên-Chép
● Nguyễn-Nhược-Pháp ★ Hàn-Mặc-Từ
● X. D.

TRONG cuộc sống quay cuồng, ngược xuôi vất vả của con người, năm năm tháng tháng ngày ngày vo tròn trong lo âu nặng nhọc, đau khổ nhiều hơn là tươi vui, buồn phiền nhiều hơn là sung sướng, nghèo hèn đã khổ giàu sang rồi cũng khổ ; những mảnh đời lận lợi gieo neo khổ theo đường áo com mưa gió, thì những trang công hầu danh tướng cũng khổ theo đường bóng dáng phù hoa. Mà đức Thích. Ca Mâu-Ni ngài đã thấy con người vốn nghiệp dĩ đã mang buộc chặt lấy cái khổ mãi vào thân rồi ai cũng than lên rằng :

Đời là bể khổ ! Nhưng càng khổ, con người như càng muốn dẫn thân vào bụi trần ai vì luật đấu tranh sinh tồn vẫn hằng ngày vây chặt lại mà tham vọng dục tình của con người cứ lồng lộn vươn lên. Nhưng khắp trên mọi cạnh góc của cuộc đời khổ ải, suốt trong tháng năm tuổi tác của đời người vất vả ngược xuôi ; làm sao khỏi có những phút dừng bắt chợt, một phút tâm tư thoát khỏi đồng gai chông để vươn lên cùng với một khoảng gì nhẹ nhàng siêu thoát. Nhờ những phút bắt chợt rung mình trước biển sống quay cuồng ấy ; mà tự cổ, bao nhiêu con đường giải thoát đã được vạch ra, mỗi nẻo một trăng hoa, mỗi đường mỗi sáng dọi cho nhân loại

THƯỢNG ĐỂ TRONG THƠ

hướng về.

Hôm nay, bên thềm đêm sinh nhật Đức Jésus Christ, chúng tôi muốn nhắc đến những phút bắt chợt trong thơ về ý niệm Thượng-Đế, là một cái gì cao hơn cuộc đời để nưon tựa, kêu xin, ấp ủ tâm hồn khi thi nhân khổ đau và tuyệt vọng. Chúng tôi sẽ không nói đến trường hợp những tập thơ Công-giáo dày cộm của những tín đồ ngoan ngoan dành hết thi tứ và thi cảm của mình để ngợi ca Thượng-Đế. Vì đó là trường hợp khẳng định của những người đã muốn làm thơ như thế và đã sống cả cuộc đời như thế. Mà dành cả cảm tình của mình đối với những văn thơ vô tình mang trong ấy trọn vẹn ý nghĩa trông nhờ Thượng-Đế, dù chỉ những nét mơ hồ như *cao xanh, hồn vũ trụ* hay *nhờ trời, ơn tạo hóa* đều là một dấu hiệu sáng dọi trong cuộc đời hỗn mang hắc ám, một cái gì thiêng liêng mầu nhiệm có thể làm cho lòng người vui bớt khổ đau đi mà bắt chợt thi nhân thốt lên thành tiếng. Trong đó lắm khi có cả những người muốn phủ nhận

niềm trông nhờ ấy. Hoặc trường hợp của những người :

... *Không phải là một tín đồ Công giáo.*

Thiếu niềm tin không quỳ lạy cầu kinh.

Nhưng đêm nay lòng rạo rỡ bình minh.

Và xao xuyến như tín đồ xao xuyến.

Ôi Jésus ! ôi Jésus kính mến !

BÀNG BÁ LẦN

Thi-sĩ, với cuộc sống phóng túng một thời, vốn đã được mệnh danh là những người « mục hạ vô nhân », họ ít sùng kính cái gì có nhiều người tôn sùng, họ ít sợ cái gì bởi nhiều người sợ hãi, mà họ chỉ biết nghệ thuật và thương mến rất nhiều dù là thương mến vu vơ. Họ dâng cao và nâng niu tâm hồn, nhưng lại hay bỏ phể linh hồn. Những người thường thấy mình là trung tâm điểm của vũ trụ, để rồi sau mỗi trận đòn định mệnh, bắt chợt họ nhận ra mình, là cây cỏ, mà trên mình, trên cuộc đời đang có một cái gì đáng cho con người ngửa tay cúi đầu.

Đáng quý và đáng thương ở chỗ đó.

Giờ đây, tính mạng con người và sinh mạng quả đất đang mong manh nhỏ bé dần trước những đe dọa của chiến-tranh thảm khốc nguyên tử, bỗng nhiên ta thấy mồ chôn nhân loại như đang đào sẵn đó đây... Nhưng rồi mùa sinh nhật vẫn về, đêm sinh nhật của miền Nam tự-do heo heo lạnh chỉ đủ để tăng giá trị ấm áp của những mối đoàn tụ gia đình, tiếng chuông các nhà thờ bắt đầu đổ vang xa, chúng ta thử cởi bỏ mọi ràn buộc, mọi lo lắng khổ đau trong vài giây lát, để làm một con người, chỉ có Thượng-Đế trước mắt, để đọc lại đôi vần thơ của những người đã khuất: ở bên kia thế giới loài người, và ở bên kia biên giới cuộc đời. Để rồi sau đó, noi theo người Công-giáo, chúng ta hãy giúp lời cầu nguyện cho họ.

★

● Trước hết ta tìm vào một Thi - Sĩ mang tiếng ngông, một con người kết hợp giữa đôi trào thơ mới và thơ cũ: Tân-Đà Nguyễn khắc Hiếu. Trong cuộc sống tưng quẩn vất vả, dù chưa

đến nỗi dở dở ương ương như ông Tú Vĩ-xuyên, nhưng Tân-Đà cũng gần không ít:

*Người ta hơn tôi cái giàu sang
Tôi cũng hơn ai cái sự nghèo*

Cái phân nghèo của Tân-Đà là một cái nghèo đáng quý, cái ngông của Tân-Đà là một cái ngông đáng thương, vì đã không sách động được những gì cho tình nhà nợ nước mà tác giả đã gửi tâm sự vào «Tấm dư đồ rách và lời thề non nước». Nhưng đã ngông thì còn mấy kẻ gì đến đâu nữa, ấy thế mà lồng trong một đêm nằm mộng, Tân-Đà đã để lộ cái «thiên lương» và ông trời ra:

*Bẩm quả có tên Nguyễn khắc Hiếu
Đầy xuống hạ giới về tội ngông
Trời rằng không phải là trời đầy
Trời định sai con một việc này
Là việc «thiên lương» của nhân
loại...*

Đã ngông, mà còn vì đại-sự thiên lương của nhân loại, mà việc này cũng chỉ có Trời giúp mới làm được, Tân-Đà đã chọn lấy thơ văn để hướng nhân loại theo thuận lẽ trời nên đã cầu nguyện rằng:

*Nhờ Trời oan con mà bán được
Chưa biết con in ra mấy mươi*

Ông Trời là cái ông chi chi, thật ra chưa có ai trưng tả rõ được, ngoại trừ trong đức tin của người Công-giáo; ở đây Tân-Đà nhận có ông Trời, là một phần cao xa hơn, một điều quyền phép hơn và rất tinh thông soi sáng đến hành động của vạn vật:

Trời dần ngồi cao, trời rất thấp

Ngần ấy cũng cho chúng ta thấy, ý niệm về Thượng-Đế có khi trong sáng, có khi mờ mờ có thể bắt đầu trong mọi trường hợp, mà trong thơ Tân-Đà là một.

● Gần đây hơn, một nhà thơ trẻ tuổi đã sớm trút bỏ nợ trầm luân, cho hồn bay vào phiêu bồng mang theo bao hoài bão đẹp, Thi-sĩ Quách-Thoại của xuân mộng và yêu đương đã đến với cuộc đời bằng những giọt thơ đượm buồn, yếm thế. Người ấy sống một cuộc đời dễ dài lang bạt, với những đêm đi ngâm thơ dưới mưa và ngủ hành lang phố vắng. Người ấy đã mang trên mình bao dấu vết bầm nát của thế kỷ chiến tranh, của một thế

hệ thanh niên khắc khoải; nên chúng ta không lạ gì trên cuộc hành trình bi đát đó đã khơi nguồn cho Quách-Thoại bắt chọt nghĩ đến một sự thiêng liêng huyền bí! màu nhiệm nào đã làm cho Thi-sĩ lãng mạng, không phải là tín đồ Công-giáo lại hạ bút viết lên những câu thơ thế này:

Ta nhìn lên

Hồn vũ trụ hiện về

Ơi thiêng liêng

Ta sụp lạy

Tình dâng lên Thượng-Đế...

Để rồi đến khi chết đi, dù Quách-Thoại đã chết thật «trần trụi không cơm áo» nhưng nhà thơ này chắc hẳn đã hái được một nạm ánh sáng cuối cùng để ra đi vì tin rằng, tình mình đã thanh thoát dâng kết cùng hồn thiêng vũ trụ.

● Và H. C. «Người Thi-sĩ đã nguyện Cầu Thượng-Đế. Một đợt lặn nhưng vốn nghiệp đi hoang». Vâng, vốn nghiệp đi hoang, nên chàng H.C. giờ này vẫn còn bênh bồng trong một khu rừng cháy nắng, mà những viên đá của biền chứng

vật chất đã dề lấp những suối mát và hoa lành cho đời chàng đang khô héo, cho thơ sầu chàng không tiếng hát ngân lên. Người ta chỉ biết đến Thi-sĩ Huy-Cận của "Lửa thiêng" ngày nào, mà người ta không biết đến Thứ-trưởng Cù-Huy-Cận trong một tổ chức độc tài, vì tên chàng đã chết từ ngày đời chàng thay áo mộng và thơ chàng đã khô héo trên môi. Nhưng cho đến bây giờ, cái nhân sinh quan mà chàng đã phát họa, từ xưa, đây con người theo Huy-Cận :

— « Bình thệ xương để chứa
linh hồn »

Như vẫn còn đứng lăm cho đến bao giờ, dù chàng có lần phải chối rằng : con người là con vật kinh tởm. Khi tất cả bạn của chàng lần lượt đứng dậy quanh chàng như trăm hoa đua nở và giai nhân mùa xuân để đòi nói lên câu của chàng là đúng, vì trên bình thớt xương phải có một nạm hoa linh hồn tinh anh và thanh thoát... Cứ như thế, rồi cuộc đời Thy Sĩ Huy-Cận có thể ví như một bản nhạc ngàn cung, dù đang chấm phá mệnh mông, đảo ngược bẽnh bồng thật nhiều để rồi cũng trở về chủ âm mà hết. Huy-Cận

mở đầu cuộc đời làm bằng nguyên
cầu Thượng-Đế và chắc rồi ngày
tàn Thượng-Đế cũng đến với
chàng vì đời chàng cũng chỉ là
một kiếp phù hoa giữa bể khổ
trăm luân, nhưng ngày tàn của một
thi sỹ thường mát mẻ êm đềm
hơn ngày tàn của một cán-bộ chính
trị, nhất là đối với chính sách dùng
người của chủ nghĩa Mác-xít.
Ngày ấy chắc Huy-Cận phải thốt
lên lại những lời tiếc rẻ sau đây
mà ngày xưa chàng tiếc rẻ, đến
ngày sau quá muộn màng :

Quá hiền nên vụng lĩnh
Tôi đã phá đời tôi
Điên rồi khi vụt tỉnh
Hạnh phúc đi xa rồi !

Thật vậy, Huy-Cận đã phá dòi chàng bằng những cuồng ngôn tích cực nhất, sau khi chàng biết kêu xin rằng :

Tôi đã khóc những đêm gần đến
chết
Thuở trần gian xin Thượng-Đế
thương tôi.

Khổ đau xưa sẽ vượt thời gian
dồn về cho chàng Huy Cận và
có lẽ sẽ như ngày nào, sau mỗi
chuyến đi hoang, chuyến đi

hoang cuối cùng, chàng vẫn sẵn
có những tiếng kêu thương của
thuở trước :

Hỡi Thượng-Đế, tôi cúi đầu
 tra lại
Linh hồn tôi đã một kiếp đi
 hoang
Sầu đã chín, xin người thôi hỡi
 hái
Nhận tôi đi dù địa ngục, Thiên
 đường...

● Thượng-Đế đối với Huy Cận không còn là một ý niệm lơ mơ, mà sáng tỏ hiển hiện, đến với Huy Cận ngày xưa bằng những đường thơ nhuộm sâu bóng ánh, cũng như chân chất mộc mạc mà thi ca bình dân đã tìm đến ông Trời :

«Dậm chân ba tiếng kêu Trời
Trời kia để lại nợ đời em mang»

May :

«Ngán hơi kên chẳng thấu trời
Nỗi lòng em bậu biết mấy đời
giải oan»

Cũng chỉ là những tiếng thốt lên của con người, khi chẹt chân há miệng kêu lên một tiếng : Trời ơi ! Vì con người sinh ra

giữa đời cũng như là :

Ra đi cái sự đã liều
Mưa mai không biết nắng chiều
không hay

Khám phá và xây dựng của con người thật ra chẳng đáng kể là bao, đối với công trình của Tạo-Hóa, con người có tài ba uy lực bao nhiêu rồi cũng chẳng chạy qua khỏi ông thầy định mệnh, dân tộc Việt - Nam không phủ nhận giá trị lao động, vì có thể nói rằng Việt-Nam là một quốc gia «có nhiều lương tâm trong trắng và nhiều bàn tay đen dũi» nhất. Nhưng trên tất cả vẫn luôn có một Đấng chí tôn chi phối đời sống mỗi người. Đấng thiêng liêng cao cả ấy hiện ra từ trên một Đế-vương đến mọi hàng dân giả, từ thời phong kiến xa xăm đến tự do dân chủ mới ngày nay :

Kìa núi vàng bệ bạc,
Cớ sách trời, sách trời định phần
(Quốc ca thời Pháp thuộc)

Và :

Xin Thượng-đế ban phúc lành
cho Người...
(Ghi ơn Ngõ Tổng Thống)

Tuy khác nhau về điểm trị nước an dân hoàn toàn, nhưng đã chung trong ý niệm có ông Trời vậy.

● Đi xa hơn nữa, dù Thượng Đế chỉ là một điểm rất mờ xuất hiện trong thơ, mà chúng ta phải suy gẫm, hình dung thật lâu mới thấy; như những vần thơ tranh đấu ngày xưa của Liên-Chóp, trước một thời bóc lột đè nén của thực dân Pháp, con người bị tước đoạt hết phẩm giá, con người phải vùng vẫy tranh đấu, thế rồi trong thơ tranh đấu của Liên-Chóp ngày nào dù sặc mùi gươm súng, nhưng rồi cũng là một tiếng thất thanh:

*Nhục đá mang hờ hững hơi cao
xanh !
Chiếc thân tàn oằn oại trước
thanh danh*

Liên-Chóp đã đòi nhân vị của con người ngay trên cao xanh và đến Nguyễn Nhược Pháp, thi sỹ của Ngày xưa bình dị và quái đản, dù Thượng-Đế không thoáng qua trong thơ chàng nữa, nhưng linh hồn chàng vẫn lảng vảng một ý niệm của linh thiêng:

*Tường lại cờ xưa vàng chói lọi
Nên yêu người cũ hồn trên cao...*

Và có lẽ cũng từ những ý niệm thiêng liêng này mà người ta mặc khải đến dần với Thượng Đế. Như trường hợp của thi sỹ đau và thương trong cuộc đời một bệnh nhân linh hồn róm máu:

● Hàn Mặc Tử, nhắc đến Hàn Mặc Tử, người ta yêu thơ thi sỹ thì ít mà thương muôn cuộc đời một nghệ sỹ thì nhiều, cuộc đời của một người hy sinh cho tình yêu và nghệ thuật. Phảng phất trong thơ Hàn Mặc Tử ban đầu cũng chỉ những dấu linh thiêng lơ mờ:

*Những nét buồn buồn tơ liễu rêu
Những lời năn nỉ của Hư-vô...*

Để rồi qua bao đợt hành phá của bệnh hủi, phút cuối cùng của đời mắt rời ánh sáng, đôi môi thốt lên tiếng tiếc hờn Hàn Mặc Tử đã bắt gặp Thượng-Đế qua bao tình thương của:

*Marte ! hồn tôi ớn lạnh
.....
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn
trời mến...*

Tuổi trẻ của chàng đã ôm vào thính không bao tiếng nói của tình yêu và một thế kỷ mơ mộng người mẹ hiền của Thượng-Đế.

● Cũng để kết thúc, là đây Xuân-Diệu người bạn của Huy-Cận, người em của Kim Oanh, Baudelaire... và là người lính kín văn nghệ của các triết gia Engles, Mark hôm nay. Xuân-Diệu đã từng băn khoăn cái lo lắng của mọi người và cho đến bây giờ chắc gì Xuân-Diệu đã thoát khỏi:

*« Linh hồn ta u ẩn tựa ban
đêm »
Vì khoa học đã đến xa bao
nhiều, cái huyền bí của vũ trụ
vẫn còn huyền bí:*

*Trăng, đĩa ngọc giữa mâm trời
huyền-bí
Trăng, vó mộng đã muôn đời
Thi-sĩ...*

Những huyền bí đó đã buộc Xuân-Diệu nghĩ rằng có Tạo-Hóa và đem lời trách móc:

*Tạo-Hóa không tình cảm
Sinh ra tôi đã nghèo*

Rồi Xuân-Diệu vạch ra con đường giải thoát bằng hy sinh đời mình cho một niềm cao cả:

*Cho tôi đau mà bớt khổ loài
người,*

*Tôi nguyện sẽ chết trên Cây
Thánh giá...*

Con đường đó, ngày nay có trên tám trăm triệu con người đang đi dưới một giáo hội thâm lặng, nhưng chàng Xuân-Diệu đã phải tách qua một ngõ u trầm khác, lãng quên những gì êm ái mà ngày xưa chàng mơ ước. Thượng-Đế đối với Xuân-Diệu, không còn là một ý niệm, mà chính Thi-sĩ đã quỳ dưới chân người, để rồi vì quả thật: « Qua một phút huy hoàng rồi chợt tối » — Đời chàng không biết còn u tối đến bao giờ?



Tiếng thơ sẽ còn dài không bao giờ dứt, cũng như con người ngửa trông lên cao xanh không bao giờ hết, ý niệm Thượng-Đế trong thơ không phải hiếm hoi có bấy, nhưng tác giả bài này chỉ biết và nhớ có chừng ấy, viết ra với niềm hy vọng rằng: Trong những dịp khác, các bậc đàn anh soi sáng sức tích phong phú thêm lên cho, để gọi là món quà nhẹ nhàng êm ái trao nhau, giữa một hiện tại đang hồi hộp, lo âu và khắc khổ bên bờ vực thẳm của chiến tranh nguyên-tử.

*Dẫn chứng lịch sử
và xã hội hiện đại*

D G O À I xe-kéo ra, không còn phương-tiện lưu thông hoặc chuyên-chở nào khác. Thường-dân đi xe-kéo bánh sắt, các Quan lớn đi xe-kéo bánh cao-su. Tuy nói là thường-dân, nhưng cũng chỉ có hạng thường-dân khá-giả, nhà giàu, hoặc các Thầy Thông, Thầy Ký, mới có tiền đi xe-kéo bánh sắt. Còn hầu hết nhân-dân đại-chúng đều đi bộ. Họ đi bộ từ làng này sang làng khác, từ Huyện này sang Huyện kia, từ Tỉnh này sang Tỉnh nọ. Họ leo đồi, vượt núi, lội bến băng sông, đầu đội nón lá, chun đi không, dưới trời nắng chan-chan, hoặc trong đêm khuya mờ-mịt.

Mỗi kỳ nghỉ-hè, người ta thấy

những đám thanh thiếu niên học sinh trọ học ở tỉnh trở về quê nhà cách xa hàng 40, 50 cây số.

Vài ba ngày sau buổi học cuối cùng, thường là những đêm 14, rằm, trăng sáng vàng-vặc, các em rủ nhau từng nhóm độ 5, 10 trò, từ chín, mười, đến mười - hai mươi-ba tuổi, quê-quán cùng một Huyện, hay một Phủ. Chúng hẹn gặp nhau tại một nhà-trọ nào đó, sau khi cơm nước no-nê, và khởi-hành lúc hàng-phố bắt đầu « đổ đèn ». Mỗi trò xách một chiếc « va-li » đan bằng tre, hoặc bằng mây, đựng áo quần sách-vở. Muốn tiện-lợi, đỡ mỗi tay xách, vài ba trò rủ nhau mượn một đòn gánh khá dài, cột chung « va-li »

thành một chùm đeo lưng-lồng ở giữa, và thay phiên nhau khiêng trên vai đi từng chặn đường. Dưới ánh trăng xanh, trên « đường-cái quan » dài thăm thẳm, hai bên là đồng ruộng mênh-mông nhái kêu ột-ệch, các em thiếu-niên vừa đi vừa đùa-ngịch, chuyện trò cười dõn, để quên bớt nỗi đường xa vạn dặm.

Đường vắng-tanh vắng-teo, tuy là quan-lộ, không một bóng người lai-vãng. Đêm đã gần khuya, các em đi được mười cây số đã mệt-mỏi, tiếng cười tiếng nói thưa dần, bắt đầu hoang-mang sợ-sệt... Tất cả đều lặng-lẽ, âm-thầm.

Một vài trò mang guốc, cũng sợ cả tiếng guốc, xách guốc trong tay.

Theo lời các bậc Cha Mẹ đã từng căn-dặn trước, mỗi trò đều có đem theo sẵn trong mình một con dao bằng sắt, hoặc cầm một nhánh dâu (loại dâu cho tầm ăn), để tự-vệ trong lúc đi ngang qua nhiều nơi có « ma », những khu rừng rậm, những khóm cây, những gò hoang có nhiều mò-mả, những cầu cống... đã nổi tiếng là có nhiều « ma-quái »,

« yêu-tinh ». Cha mẹ thường dặn các trò : « Hễ có Ma hiện hình ra, thì con lấy roi dâu quất nó, nó sẽ chạy mất ! Không thì con đá ra quần, lấy nước đá lau trên mặt, thì Ma, Yêu, không dám hút hồn con... Con có cái dao bằng sắt, Ma không dám tới gần con... ». Đó là những phương pháp trừ Ma rất thông-dụng mà em bé học-trò nào cũng biết, và cũng phòng-thủ sẵn-sàng trong khi đi học xa, hoặc đi về nghỉ-hè và toàn là đi bộ. Thời-kỳ ấy, « Ma Quỷ » nhiều lắm, ở khắp các nẻo đường, các góc cây, các nghĩa-địa, các bến sông, các am miếu, ở ngay trong tỉnh thành cũng có vô số những chỗ có Ma. Nhưng sự thực, nghe đồn-đài về « Ma » thì nhiều, mà chưa ai gặp một con Ma, hay trông thấy một con Ma lần nào. Các em học-sinh đi bộ suốt đêm như thế, cho đến lúc « gà gáy sáng », hoặc hùng đông thì vừa đến Huyện, rồi chia tay ai về nhà nấy. Có kẻ còn đi năm bảy cây số nữa. « Học-trò Nhà nước » từ khoảng 1910 đến 1920, là con cháu các ông Hương, ông Xã, một số ít nhà giàu, và các quan, ở Phủ-Huyện

và ở tỉnh. Thanh niên nhà nghèo hầu hết đều lo làm ruộng, hoặc các nghề thợ thuyền, chài lưới.

Ngày ở trường làng, học hành không tốn kém chi cả, cũng thường chỉ là con các nhà khá giả mới cấp vở đến trường học A.B.C. Con nhà giàu và con cháu các ông Tú, ông Cử, ông Nghè còn trung - thành với Đạo - lý Khổng-tử, Mạnh - tử, vẫn chưa theo phong-trào Tây-học. Phần đông ở nhà hưởng « thú điền viên », đá gà, uống rượu, đi bầy chim, câu cá, đánh cờ... Một số xoay sang học nghề Thuốc Bắc, và số Tử-Vi.

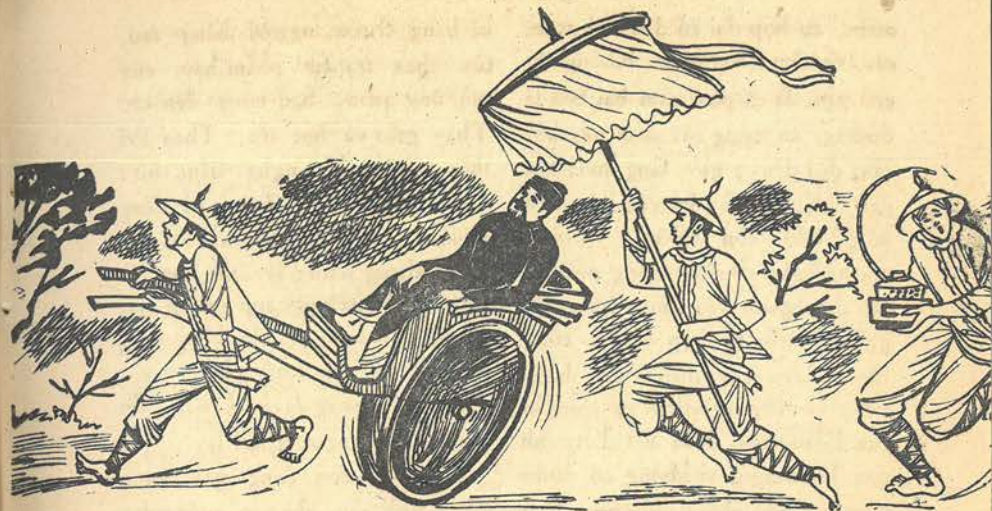
Ban ngày, đường quan-lộ cũng vắng người. Vì xe cộ không có, trừ thỉnh-thoảng một vài chiếc xe kéo bánh sắt, uế-oải, chậm-chạp còn tệ hơn xe ngựa ngày nay. Xe hơi mỗi ngày chỉ có **MỘT CHIẾC** từ trong Nam chạy ra, một chiếc từ ngoài chạy vào : đó là chiếc « Xe Thor », của một hãng Pháp, tên là S.T.A.C.A, chở hành-khách sang, và chở thư bưu-điện. Chiếc xe hơi chạy vùn-vụt trên quan - lộ, kêu như sấm dậy, mỗi ngày một lần, là cả một biến - cố quan - trọng

hàng ngày. Hai bên đường người ta sợ, lật đặt tránh xa, hai bên đồng ruộng trâu bò hoảng kinh, chạy tán-loạn.

Ông Tuần-vũ (tỉnh nhỏ), hay là ông Tổng-đốc, (tỉnh lớn) là vị « Quan-lớn An-Nam » đầu-tỉnh, mỗi lần ngồi trên chiếc xe-kéo bánh cao-su đi đâu ra ngoài tỉnh, cũng là cả một biến-cố lớn-lao vậy. Có lính-lệ (lính hầu trong dinh Quan) đi trước dọn đường, tay luôn luôn cầm chiếc roi mây, và thái-độ hung-hăng, hách-dịch đối với hết thảy mọi người hai bên hàng phố.

Những người đi đường đều phải đi né ra hai bên lề, để tránh cả một quăng đường dài trước mặt « Quan lớn », không được có một người qua lại. Người lính kéo xe Quan, bước chậm chậm, như chó Quan đi dạo mát. Một người lính theo sau, dương cao một cây lọng che trên đầu Quan, mặc dầu trời đã mát.

Năm 1920, nhân dịp ngày giỗ đức Khổng-Tử, « Quan Tuần » có gởi giấy mời « Quan Đốc - học » trường Tỉnh và lần đầu tiên Quan yêu-cầu cho học trò trường Nhà-nước đi dự lễ.



Tuần-em về nhà thưa lại với anh Hai và cha mẹ, để được đến tụ-hợp với học trò cùng lớp tại nhà Thầy giáo lớp Năm, đúng 7 giờ tối, theo lệnh của Quan Đốc-học. Học trò lớp nào phải tụ-hợp tại nhà Thầy giáo lớp ấy. Tuần-em ăn cơm vội-vàng, rồi được mẹ thay cho quần trắng mới, áo dài đen mới, để đi dự lễ « Lễ Đức Thánh Khổng » (1). Đến nhà Thầy giáo gặp đông-đủ bạn-bè, đợi Thầy giáo ăn cơm xong rồi Thầy dẫn học trò đi bộ đến Văn-Miến (Đền thờ Khổng-Tử), cách tỉnh-lỵ 3 cây số. Phải đi dò qua con sông lớn. Sông thì rộng, nước thì chảy mạnh, trời thì tối,

con dò thì nhỏ mà học-trò thì đông phải qua dò một lượt với Thầy, nên các em sợ té la khóc om-sòm ! Thầy giáo rầy-la bằng tiếng Tây : « Silence ! » (Im !). Qua bên kia sông, còn phải đi bộ hai cây số nữa mới đến Đền thờ Đức Khổng - Tử. Đến đây, toàn thể học-trò trường Nhà-

(1) Tuy Hán-học đã được chính-thức bãi bỏ, nhưng mỗi tuần học trò lớp Nhất còn học chữ Hán như sinh-ngữ một giờ, sáng ngày thứ Năm. Các Quan Nam-Triều vẫn duy-trì lệ Cúng-tế Đức Khổng-Tử mỗi năm hai kỳ Xuân-Thu.

nước tụ-hợp lại có đến hai trăm cậu, và năm Thầy giáo. Không có chỗ ngủ tất cả phải nằm hai bên lề đường, và trong các đám mía kế cận, đợi đến 5 giờ sáng mới bắt đầu tế-lễ. Gà lồi xóm vừa gáy một hồi, trời còn tối-mù tối-mịt, nhưng nghe chuông trống nổi lên, các thầy giáo vội-vàng thức dậy gọi học-trò tụ họp trước cổng Đền. Lớp nào đứng sắp hàng riêng với lớp ấy, dưới sự chỉ-dẫn của Giáo-viên. Hầu hết học-sinh còn buồn ngủ, vì không có nước rửa mặt nên nhiều cậu chưa tỉnh hẳn, vừa đứng vừa ngủ gật.

Riêng lớp của Tuần-em, Thầy giáo cầm cây đèn bạch-lạp nhìn vào tờ giấy danh-sách để gọi tên, thì thiếu mất bốn trò. Bốn em này còn nằm ngủ trong đám mía, thầy bảo Tuần-em và hai trò nữa đi kiếm nhưng trời tối quá, không tìm thấy. Vừa có lính quan Đốc-học truyền cho các Thầy dẫn học-trò sắp hàng hai đi vào trước Đền. Chiêng trống lại nổi dậy, đèn đuốc sáng trưng. Cuộc tế-lễ bắt đầu.

Các Quan Tỉnh, quan Phủ, quan Huyện, các Thầy Đền-lại, tất cả các công-chức Nam-triều đều mặc Triều-phục đứng cúng,

kê hàng trước, người hàng sau, tùy theo trật-tự phẩm-hàm của mỗi ông quan. Sau cùng đến các Thầy giáo và học trò. Theo lời thầy dặn, hễ nghe tiếng hô: « *cúc cung hưng... bái* » và tiếng chuông tiếng trống điểm theo, các Quan đứng trước lạy, thì học trò cũng phải bắt chước sụp xuống lạy. Nghe hô: « *hưng!*... » thì đứng dậy, « *bái* » thì sụp xuống lạy, v.v... đến khi « *hưng bình thân...* » thì đứng thẳng người, hết lạy.

Tuần-em còn đang giấc ngủ, chưa tỉnh hẳn, khi sụp xuống lạy lần đầu, Tuần nằm ngủ luôn. Mãi khi tế xong, thầy giáo lấy chươn đá mạnh vào mông - dít Tuần, Tuần mới giật mình, lóng ngóng bò dậy, theo đám đông ra về.

Thầy giáo và học trò lại kéo nhau đi bộ 3 cây số về tỉnh và đi dò sang sông.

Đến Ngã-tur cửa Tây, mặt trời đã lên cao « nửa chận đôn gánh » (1). Học-trò nghe phía sau có tiếng lính la hét dẹp đường, và tiếng chuông tiếng trống, tiếng kèn bát âm, liền đứng lại để coi « Quan Tuần-Vũ ».

« Quan-lớn » chủ lễ tế Đức

(1) Bảy giờ sáng.

Không-Tử, trở về tỉnh, cũng đã gần đến Ngã-tur. Đường cái-quan đã được hai chú « Lính Lệ » tiên-phong xua đuổi, dọn dẹp trống-rỗng, không có một người dân qua lại. Vài ba chú « cu-li » xe-kéo bánh sắt đã lật-đật kéo xe chạy sang các ngã đường khác. Những người đàn bà đi chợ, đầu ông làm thợ, đi buôn-bán, đi « làm việc » các sở, đều phải tránh sang một bên, để đường cho « Quan lớn » đi.

Trước tiên là sáu người lính bận áo kẹp-nẹp, cầm cờ đuôi nheo đi hai bên, rồi đến lính khiêng chuông, lính khiêng trống lớn, lính cầm trống nhỏ, tám người lính thổi nhạc bát-âm... « Quan-Lớn » ngồi trên chiếc xe-kéo bánh cao-su, có lính che lọng, lính che tâng, lính cầm cờ, lính bưng hộp trầu (vì Quan-lớn nhuộm răng đen và ăn trầu) lính bưng đĩa thuốc trà, v.v... (1) Thỉnh-thoảng Quan-lớn truyền lệnh đem hộp trầu - cau đã tằm sẵn, hoặc đem bình-điếu thuốc-trà đến, để Quan ăn trầu, hút thuốc, thì cả đoàn lính hầu hạ tùy-tùng đều phải đứng lại một

lát. Quan lớn ăn hút xong truyền lệnh đi, mới lại tiếp tục đi.

Xe-kéo Quan lớn đi qua các đường phố, hai giầy tiệm buôn « Các-Chú » ở hai bên đường đều thi nhau đốt pháo mừng Quan, và mặc áo rộng đứng trước cửa cúi đầu cung-kính chào Quan. Quan lớn ngồi trong xe-kéo, làm nghiêm không chào lại.

Lúc xe Quan Tuần - Vũ đi ngang qua trước mặt Tuần - em và một lũ học-trò đứng xem trên lề đường, Tuần chỉ vào mắt Quan và nói to với mấy đứa bạn nó :

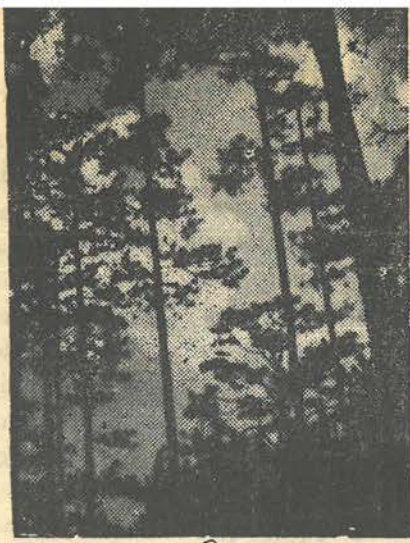
— Mắt Ông-lớn cũng có ghen, tội mày ơi !

« Ông lớn » quay lại, trừng mắt ngó Tuần, Tuần và mấy đứa bạn sợ Ông-lớn sai lính bắt, lật-đật chạy biến mất trong đám đông người đứng coi chặt-ních trước các hè phố...

Chúng chạy về nhà lấy sách vở đến trường... Hôm ấy học-trò đi trễ khỏi bị phạt.

(còn nữa)

(1) thuốc láo, (tiếng Bắc), ở Huế và Trung gọi là Thuốc-trà



Rừng thông

TRUYỆN NGẮN :

★ THÙY-LINH

KHU vực này đây, nhu thuận và trang nghiêm, mơ màng mà linh động, đang sống lên trong tôi. Một ngọn đồi vắng vẻ, một rừng thông hòa âm, một con đường độc đạo, một tượng đá trầm tư. Con đường có những mùa hoa kỳ dị, lá tròn, cánh nhỏ, màu tím pha hồng, nở giữa lúc ban đêm trở lại, sống bằng khát khao hạt sương trinh bạch, tỏa hương dịu dịu bằng khuâng.

Khu vực này đây như đang lắng những tâm-tư sầu bi mà hùng-vĩ, khước từ mọi vết chân chinh-phục, khép kín những cặp mắt thăm dò. Trên kia con đường, một mái nhà cồ kính hoang sơ nghiêng mình bên giếng suối ngọt. Nước trong và lạnh. Buồn. Từ mái nhà ngược lên là rừng hoang um tùm. Bên kia, những lùm cây cồ thụ âu sầu choán một khoảng trời nhiều sao. Ở giữa lối đi, con đường độc đạo xuyên sơn, tượng đá bơ vơ ngự trị.

Mỗi mùa Noel về, tôi trở lại nơi đây, mang trong lòng niềm

yêu vô hạn và sự nhớ nhung khôn cùng. Tôi ngồi bên tượng đá, gục đầu lên bàn tay, đang hình thành một thế-giới trong ý nghĩ. Đám học trò đã xa hẳn. Những đứa trẻ nhỏ nhắn, những đôi mắt sáng ngời, những đôi môi nở hoa, những âm - thanh trong trẻo. Những đứa trẻ da đen, da vàng, da trắng nhìn vào tôi. Ngoan - ngoan. Dễ thương. Đám học trò hiện cách tôi một khoảng trong không - gian. Mỗi đứa đang vui dưới mái nhà thân yêu ấm cúng, nhưng quá gần gũi với tôi. Chúng đang đùa hát trước mặt tôi, rồi đi dần ra, mỗi đứa một ngã. Mỗi đứa đem theo trong lòng hẳn một tình thương bao la như vì sao nhiều ánh sáng. Đi được một đoạn, chúng quay lại, mỉm cười nhìn tôi. Chúng thương tôi lắm. Tôi đứng dậy, chúng dơ cao tay. Ngoắc. Tôi cười trong hồn. Nụ cười của tượng đá mà tôi thường tưởng tượng. Chúng đang đi về mọi ngã, chúng mang tình thương bao la từ tôi đi gieo khắp nơi. Tôi bỗng thấy mình dễ thương.

Tôi chưa bao giờ nhận một thực trạng phi lý nào do cuộc

đời ném vào. Tôi được đời vào đây, khu vực này, bằng một khoảng không thiên nhiên. Tôi sống với bọn trẻ nhiều màu sắc, tiếng nói bập bẹ, và cảm thấy sung sướng. Tôi tập chúng nói. Những cái lưỡi nhỏ nhỏ thè ra, uốn vào. Tôi tập chúng nói bằng một thứ tiếng thuần nhất. Tiếng quê hương tôi. Tôi thường dẫn chúng vào khu vực này, quanh tượng đá, và cho chúng rờ rịt vào tượng đá. Tôi đốt lửa lên, chúng ngồi quanh hát vang, và tôi bắt đầu kể chuyện. Lúc này tượng đá cũng chấp chờn ánh lửa, như hòa vào niềm vui của chúng.

Thế-giới thiên thần hiện ra. Ở đó, những đứa bé được an phận học hành, và lớn lên, chúng đem niềm vui lại cho kẻ khác. Ở đó, tình yêu thương được suy tôn. Ở đó, những đôi mắt nhìn nhau bằng ao ước ấp ủ trong hồn, những bàn tay ấm áp tìm nhau.

Mẹ tôi đang làm gì ? Các em tôi đang làm gì ? Bạn bè tôi đang làm gì. Và anh ơi ? Chắc các người trông ? Không, các người nhớ tôi lắm. Có một

người nhớ tôi lắm.

Tôi đang tưởng tượng. Mẹ tôi ngồi bên ngọn đèn leo lét. Mặt người nhiều lo âu. Các em tôi vây quanh người chờ tin vui do một ông già mang đến vào lúc nửa đêm. Thằng em nhỏ nhất của tôi kháu khỉnh lắm. Nó dễ thương như anh. Mặt nó trong sáng, lanh lẹ và khôn ngoan. Và anh ấy có lẽ đang đi trên một con đường vắng, đầu gục xuống, đèn điện diêm chap choạng từng khúc. Anh đi rất chậm, văng vác có nhiều nếp nhăn. Anh nhớ không cùng. Tôi biết thế.

Noël này tôi không về. Tôi tìm lại khu vực này đây. Tôi nhớ. Tôi tưởng tượng. Tôi tìm cho tâm hồn một sự giải thoát những bầu vú chán chường đã hơn một lần kéo dài trong đời thơ ấu của tôi. Tôi chẳng hiểu vì sao nữa. Tôi đang làm cô giáo, và đang tập tiếng nói quê hương tôi cho bọn học trò ngoan ngoãn. Tôi tập chúng mến thương nhau như cha mẹ yêu tôi, như những người bạn yêu tôi. Ở nơi đây, tôi không bị bóp méo con người thật của tôi bằng những hình thức cạm bẫy

thị-thành. Tôi đang thực hiện tình thương bao la của tôi cho bọn học trò bất chước. Tôi là thần tượng tuyệt đối của chúng.

Tôi không về. Lý do là tôi đang tìm sự yên tĩnh vô biên. Tôi có lý do đích thực. Anh ấy ngại tôi bỏ vợ. Có lẽ. Nhưng không, tôi đang gần anh. Gần quá. Tôi đang nói : « Khi nào anh muốn gặp em, anh hãy đi trên một con đường rất vắng. » Tôi thấy sự thật là thế.

Mùa Noël này lạnh sớm. Tôi mặc áo dạ ngồi bên tượng đá bỏ vợ. Tôi chống cằm lên đây. Mắt nhìn trời cao. Tôi quên hết, vì anh ấy đang hòa vào đó. Con người anh bỗng thấy lớn. Mà sự thật là thế. Anh không còn là một con người tầm thường thua thiệt. Anh là một vũ trụ tình thương.

Một lần nào tôi gặp anh, giữa buổi tiệc, mọi người đang vui, đang nói cười ồn ào. Anh vào. Mọi người thán nhiên bằng đôi mắt sâu và buồn của anh. Trong đôi mắt ấy bỗng sáng lên khi nhìn tôi rồi nhắm lại. Tôi biết rằng anh vừa bắt chợt tiếp thu một

hình ảnh mà anh đang khao khát tìm kiếm. Tôi cúi đầu âm thầm. Anh im lặng vào giữa sự nhộn vui và anh ngồi lên vui theo. Tôi ngạc nhiên một chốc.

Sau đó, tôi âm thầm bảo anh khôn ngoan. Mọi người bỗng ngạc nhiên theo. Anh đang kể chuyện thần tiên. Tôi biết anh cố phá tan bầu không khí thực tại để đưa mọi người vào một thế giới thanh thoi và tươi sáng hơn. Trong câu chuyện anh kể phảng phất một dòng sông, một con đò, một đoàn người áo trắng đi tiên phong phá hàng rào ranh giới, một đêm trăng chan hòa trên mọi lối đi như tình yêu của anh đang trải rộng lên tâm hồn mọi người. Anh nói rất duyên. Rồi anh im lặng. Mọi người suy nghĩ. Tôi liếc nhìn anh và bắt gặp tia mắt bất ngờ như sao đêm ấy.

Tôi ngờ là tôi quá ử-dột. Nhưng tôi đã làm được một công việc lớn lao. Tôi nhìn anh bằng tâm hồn. Anh dẫn tôi đi một đoạn đường trong tưởng tượng. Trên lối đi, tôi bắt gặp hoa nở trái mùa.

Và sự thật anh đã dìu tôi đi những bước yêu thương trên con đường vắng. Thế-giới chúng tôi

dầu sao vẫn còn những con đường đó để chúng tôi đi vào. Tôi cúi đầu, anh cúi đầu, những bước chân song song. Bỗng tiếng chuông nhà thờ đầu đây dội lên. Anh nhìn tôi : « Tình chúng ta là ở đó ». Bàn tay anh gói trọn tay tôi.

Khi qua khỏi một đoạn đường, anh dừng lại, nhìn thẳng vào mắt tôi. Anh nói : « Khi nào anh kể chuyện thần tiên, hãy nghĩ đến đoàn người áo trắng » tôi nhìn lại, tôi đang mặc áo trắng. Tôi nhìn lại, phảng phất hình ảnh đoàn người trong câu chuyện của anh hồi quen tôi. Tôi cười thầm. Hình như anh muốn hôn tôi. Môi tôi hơi nóng.



Không bao giờ tôi quên con người anh trong lúc tập bọn học trò nhỏ bé nói tiếng quê hương tôi. Chính lúc này, tâm hồn tôi cởi mở vô cùng, thanh thoát vô cùng. Tôi giảng cho chúng tình thương. Tình thương nhân loại, tình thương quê hương. Tình thương gia đình. Tôi giảng ý nghĩa và phận sự của con người, đức tính và phiền phức của nó. Tôi thường vẽ hình ảnh một thế giới không có hàng rào dò ranh giới. Thế giới ấy được

thể hiện bằng tình thương con người, góp lại. Tôi không nói nơi đây đã nổi lại tình thương này tình thương khác. Chữ nổi nguy hại. Tình thương bao la, tràn trề.

Tôi không bao giờ nói cho chúng biết rằng vũ trụ do gì tạo nên, thời kỳ nguyên đại đệ nhất và đệ nhị, do thuyết này thuyết khác. Tôi cũng chẳng bao giờ nói một nguyên tắc vật lý nào về sự sinh trưởng của con người. Tôi chỉ kể chuyện Vũ trụ là vũ trụ. Con người do một vị cao siêu là thượng đế sinh ra. Tôi khái quát cho chúng có quan niệm con người cùng một máu mủ, cùng một giống nòi, và cần phải yêu thương nhau.

Tôi cũng chẳng bao giờ nói rằng thế giới có nhiều tiếng nói, nhiều chủng tộc. Tất cả chỉ là tiếng quê hương, tôi tiếng tôi đang nói, tiếng do Thượng-Đế đặt ra. Tôi không thấy sự phi lý nào. Tôi đã làm một công việc hữu ích là chúng yêu thương nhau.

Tôi thường tụ họp chúng xung quanh tượng đá này đây và bảo đây là Người sinh ra tổ tiên loài người, sinh ra thế giới, sáng tạo cuộc đời. Chúng cúi đầu tưởng niệm. Những lúc này tôi đang nhớ đến cha mẹ tôi, em tôi và anh ấy.

Tôi đã lợi dụng tình yêu của

các người yêu tôi để thêm thắp, thêm dệt những màu chuyện lý tưởng cho bọn học trò nhỏ bé thơ ngây. Tôi lừa bịp chúng ư? Không, tôi đang un đúc tâm hồn chúng với tất cả tình thương con người. Tôi xây dựng một lý tưởng cho mai hậu, cho bọn trẻ sắp trưởng thành. Thế giới ấy, người rất yêu thương người, cây xanh rất xanh. Những đôi môi tròn nhỏ xinh xinh ấy nở hoa diễm trắng.

Khu vực này đây đã làm cho đứt khoắc được những ràng buộc hiện tại. Tôi đem tình yêu của anh, của gia đình đi vào nơi đây, hòa vào tình thương bọn trẻ bé như tạo cho mình một ý nghĩa. Tôi là phận gái. Ý nghĩa ấy đã uyển chuyển lắm rồi. An bài lắm rồi. Tôi đã thực hiện một cuộc chịu nạn cứu chuộc, mà tôi là con người được cứu rồi đầu tiên. Sau tôi là anh ấy, là gia đình, là bọn học trò của tôi.

Ngày mai bọn học trò sẽ lớn, tôi sẽ rời khu vực thần thánh thâm u này đây, mang trong lòng niềm kiêu hãnh về yêu anh. Anh sẽ đứng trước cổng nhà. Cửa ngõ mở toan. Anh chợt thấy tôi, sẽ chạy lại. Và anh sẽ la lên: « Em yêu mến ». Tôi cười lên mời anh bằng tất cả tâm hồn chứa đầy tình yêu thương con người.



★ THẨM-THÊ-HÀ

Có đâu thiên.vị người
nào,
Chữ tài, chữ mệnh đời.
dào cả hai.
Có tài mà eậy chỉ tài,
Chữ tài liền với chữ tai
một vần.

Đã mang lấy nghiệp vào
thân,

Cũng đừng trách lẫn
Trời gần, Trời xa.

Thiện căn ở tại lòng ta,

Chữ tâm kia mới bằng
ba chữ tài.

NGUYỄN DU

(Đoạn - Trường Tân - Thanh)

● LỐI THOÁT

Ngẫm hay muôn sự tại
trời,

Trời kia đã bắt làm
người có thân.

Bắt phong . trần phải
phong-trần,

Cho thanh.cao mới được
phần thanh-cao.



Đoạn . Trường Tân -
Thanh là một tiểu-thuyết luận-
đề. Ngay ở phần đầu truyện,
Nguyễn Du đã đặt vấn-đề bằng
hai định-lý triết-học : *Tài mệnh
tương-đố* và *Tạo-vật đố hồng-*

nhân. Để chứng-minh hai định-
lý ấy, tác-giả xây dựng một nàng
Kiều tài-sắc vẹn toàn phải sống
trong cảnh mười lăm năm truân-
chuyên luân-lạc ; sau cùng, nhờ
mãn nghiệp, nàng mới được tái-

hợp cùng người yêu năm cũ và cao-thượng « đem tình cầm sắt đòi ra cầm kỳ ».

Đến phần kết-luận, trong đoạn thơ tạm đặt cái tiêu-đề là « **Lối thoát** », thi-sĩ Tố-Như đã giải-quyết vấn-đề bằng một quan-niệm nhân-sinh. Vậy chúng ta thử phân-tích nội-dung đoạn thơ trên, trước khi nhận-xét giá trị nhân-sinh-quan của tác-giả.



Đọc « **Đoạn - Trường Tân-Thanh** », tuy không đến nỗi như Chu-Mạnh-Trinh ! « **đã toan đúc sẵn nhà vàng cho người quốc sắc ; lại muốn mượn chum phượng thảo kú vía thuyền-quyên** », song ta cũng cảm thấy ngậm-ngùi xót-thương cho con người tài-hoa bạc-mệnh, phải sống trong cảnh « **thanh - lâu hai lượt, thanh - y hai lần** ». Càng xót thương, ta càng thấy thâm-trầm, thăm-thía lời suy-ngẫm của Nguyễn Du.

*Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.*

*Bất phong trần phải phong-trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.*

Lấy cuộc đời nàng Kiều mô suy ngẫm đến cuộc đời của bao nhiêu người khác, tác-giả đã tìm được những bằng chứng cụ-thể để minh-giải một chân-lý : *muốn sự ở đời đều do trời định trước*. Trời đã cho ta cái thân, bắt cái thân ấy phải gian-truân lao-khổ, hoặc cho cái thân ấy được hưởng phần thanh-cao. ta phải luôn luôn lưu-hành theo thiên-lý. Nguyễn Du đã đưa thuyết *Thiên-mệnh* của nho-giáo đến gần với thuyết *Định - mệnh* (prédestination) của Tây-Phương. Và cũng ở trung-tâm-diềm này, Tố-Như đã gặp gỡ thân mật Ôn-Như-Hầu :

**Quyền họa - phúc trời
tranh mất cả,**

**Chút tiện-nghỉ chẳng trả
phần ai.**

**Cái quay bún sẵn trên
trời,**

**Mờ mờ nhân - ảnh như
người đi đêm.**

Trời — theo quan-niệm của Nguyễn Du và phần đông bình-dân ta — là đấng thiêng-liêng uy-quyền nhưng không hề thiên-vị. Tạo-hóa đã cho ta hơn cái

nọ thì phải kém cái kia (*phong vu bi, sắc vu thử*), không ai được đòi-dào cả tài lẫn mệnh. Các nhà triết-học tây - phương quan-niệm đó là « *luật thừa-trừ* ». Vậy có tài, ta chớ nên cậy vào tài, vì người có tài thường gặp tai-họa. Tài với tai luôn luôn gần liền nhau như hình với bóng. Phải chăng vì sự ngẫu-nhiên của ngôn-ngữ hay có sự huyền-bí nào khiến cho hai chữ ấy cùng gặp gỡ nhau trong một khuôn âm?

*Có đấng thiên-vị người nào,
Chữ tài chữ mệnh đòi-dào cả hai,
Có tài mà cậy chỉ tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.*

Mang cái tài thì phải thọ cái tai, cũng như mang cái thân thì phải thọ lấy cái nghiệp. Theo thuyết nhà Phật, *Nghiệp* (Karma) là công việc mình làm kiếp trước tác-động ở kiếp này và công việc mình làm kiếp này tác-động ở kiếp sau. Nói một cách khác, nghiệp là sợi dây vô hình nối liền Nhân với Quả và quyết định sự luân-hồi. Vậy nay ta có bị hoạn-nạn, ấy là vì ta đã mang cái nghiệp do tác - động của

việc ta làm từ kiếp trước. Ta đã gieo nhân, thì phải hái quả, không nên oán-trách tạo-hóa bất-công. Sách Hán-Sử Luận-Ký có viết : « *Thiên giả công dã phi hữu sở thân sơ* » nghĩa là : *trời đất ở rất công, không thân ai sơ ai*. Chỉ có một lối thoát duy nhất là phát triển cái gốc thiện ở lòng ta mới mong một ngày kia được chuyển nghiệp :

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn Trời gần
Trời xa.*

*Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Hiểu được nội dung sâu sắc của đoạn thơ trên rồi, giờ ta thử phân tích và nhận định giá trị nhân-sinh-quan của tác-giả.

Qua đoạn thơ dùng đề kết-luận tác-phẩm « **Đoạn Trường Tân-Thanh** », Nguyễn Du trước nhất xác-định vấn-đề đã đặt ở phần đầu truyện, rồi mới đưa ra một quan-niệm nhân-sinh để giải-quyết vấn-đề.

1.—ĐỂ xác-định vấn-đề.
ông đã dựa vào thuyết *Thiên-Mệnh* của Nho-giáo và thuyết *Nghiệp báo* của Phật-giáo.

Theo Nguyễn Du, con người ai cũng có cái mệnh (nói theo Nho giáo) và ai cũng mang lấy cái nghiệp (nói theo Phật-giáo). Cái mệnh, dưới sự nhận - định của tác giả, không còn giữ trạng thái nguyên-nguyên của Nho-giáo mà nó đã biến đổi và chi-phối bởi một năng-lực thần-quyền : Tạo-hóa. Do đó, ta thấy có sự mâu-thuẫn trong hệ - thống suy-luận của Nguyễn Du. Mệnh do trời định mà nghiệp do người tạo ra. Tại sao Nguyễn-Du có thể xem Mệnh và Nghiệp giống nhau, khi có sự mâu-thuẫn trên phương-diện siêu-hình ? Chính vì Nguyễn Du theo quan niệm « Tam giáo đồng nguyên, vạn vật nhất thể ». Và trên quan điểm này, mệnh và nghiệp gặp nhau, hòa-hợp nhau để quyết-định đời sống của con người, không ai có thể cái mệnh hay thoát nghiệp được. Hai tư-tưởng ấy nương tựa vào nhau, bổ-túc cho nhau để mình giải mọi vấn-đề nhân-sinh.

Ta đơn cử một thí-dụ trong « Đoạn-Trường Tân-Thanh » : Tại sao Kiều tài-sắc mà phải chịu hoạn-nạn truân-chuyên ? Ấy

vì nàng thọ lấy cái mệnh trời, không thể cái được. Tại sao trời lại ban cho nàng cái mệnh ác-nghiệt như thế ? Vì nàng phải mang lấy cái nghiệp, do hành-dộng của nàng tạo ra ở kiếp trước.

Theo đó, Mệnh và Nghiệp hòa đồng với nhau, một phần do người tạo ra, một phần do đấng thiêng-liêng điều-khiển. Nguyễn Du quả có lý khi dùng hai triết thuyết ấy tương trợ lẫn nhau. Và chính hai tư-tưởng đó đã kết thành quan-niệm nhân-sinh của tác-giả.

2. — Để giải-quyết vấn đề, tác-giả một lần nữa lại dựa vào đường lối giải-thoát của Nho và Phật-giáo.

Tác-giả đã thu gọn quan-niệm nhân-sinh của mình qua hai câu :

Thiện căn ở tại lòng ta,

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Thiện-căn là quan - niệm của Nho-giáo. Không-Tử cho rằng : « Nhân chi sơ, tánh bản thiện ». Con người từ nguyên-thủy ai cũng có thiện-tánh, tức là cái gốc

thiện. Vậy phải phát triển cái thiện - tánh mới xứng đáng là người quân tử.

Tâm là quan-niệm của Phật-giáo. Sách Phật bảo rằng : « minh tâm kiến tánh » nghĩa là : làm cho sáng cái tâm để thấy rõ cái tánh. Phật quan niệm mỗi con người có một cái chân tâm sáng suốt vô cùng ; vì con người mê lầm nên chân tâm bị vẩn đục. Muốn tự giải-thoát, con người phải tránh sự mê-lầm, tức nhiên cái tâm sẽ sáng trở lại. Hiện-tượng chân-tâm sáng lại ấy gọi là Như Lai. Như Lai tức là Phật vậy.

Căn cứ theo hai quan-niệm trên, ta thấy Nho chủ-trương xử thế ; Phật chủ trương xuất thế. Hai lý tưởng mâu thuẫn với nhau rõ-rệt. Nguyễn Du đã chiết-trung giáo-lý Nho và Phật vì đã tìm ở đó những điểm tương-đồng. Thiện tánh hay chân-tâm đều là gốc thiện của con người. Tài, sắc thường đổ-ky với mệnh, vậy cần phải nương tựa vào tâm để chuyển mệnh. Tán-thành quan-niệm này của Nguyễn Du, ông Trần Trọng-Kim có viết : « Vũ trụ xoay dần, vạn-vật biến-đổi,

Cái hình-hai của người ta cũng theo cái công-lệ ấy. Nhưng người ta mà biết giữ cái tâm để làm chỗ căn cứ để đối đầu với sự vô-thường của vạn-vật, thì có phải là cái tâm của ta quý hơn cả vạn-vật và lên trên cả vạn-vật hay không ? »

Điểm đặc-biệt trong quan-niệm của Nguyễn Du là dựa vào Phật giáo mà không trở thành yếm-thế, tiêu cực. Trái lại, nhờ phương-pháp chiết - trung sáng suốt, ông đã biến triết - thuyết xuất-thế của nhà Phật thành một quan-niệm nhập-thế tích-cực của loài người. Trong khi lưu-hành theo mệnh trời, con người phải luyện tâm để xử thế, để tránh những cảnh « ma dất lối, quỷ đưa đường », để làm cho nhân cách thêm cao-quí. Và nếu có tài, có sắc, con người phải dùng chúng làm phương-tiện — lấy tâm làm căn-bản — để phụng-sự cho tổ-quốc, cho nhân-loại, cho Chân-Thiện-Mỹ vậy.



Tóm lại, gác ra ngoài những tư-tưởng siêu hình có thể có những điểm dị-đồng đối với những kẻ không cùng chung một tín - ngưỡng, nhân - sinh - quan của Nguyễn-Du thể hiện trong đoạn kết « *Đoạn-Trường Tân-Thanh* » chẳng những là một liều thuốc hồi-sinh cho những tâm-hồn bi-quan yếm-thế, mà còn là một thần-dược kích-thích tinh-thần tranh-đấu hướng-thiện của loài người.

Nhiều nhà bình-giá đã nghiêm-

khắc chỉ-trích truyện Kiều về phương-diện luân-lý. Theo thiên ý, nội cái nhân-sinh-quan lành-mạnh của tác-giả chứa đựng trong đoạn thơ trên cũng đủ chứng tỏ giá trị luân-lý « *Đoạn-Trường Tân-Thanh* » rồi. Ca-ngợi nghệ-thuật thi-sĩ Tiên-Điền là chuyện thừa, nhưng phú-nhận thiện-chí xây dựng của Nguyễn - Du là việc làm thiện-cận, e rằng không xứng đáng làm kẻ hậu-tân nối nghiệp tiền nhân.

THẨM-THỆ-HÀ



★ Tiện về bất Tiện

— Hai vợ chồng em mới thuê căn nhà này được nửa tháng, chỉ ở đây, có điều tiện mà cũng có điều bất tiện.

— Có gì bất tiện ?

— Có lẽ tại vách tường mỏng quá, nên có điều bất tiện là bên này chúng em nói gì, bên hàng xóm họ nghe hết.

— Còn có gì tiện ?

— Tiện, là bên nhà họ nói gì, tụi em cũng nghe hết.

XVI.- BÀ MARIE CURIE



Nhà Nữ Bác-học đã khám phá ra chất RADIUM

★ TÂN-PHONG

Đau đớn... mà
bình - tĩnh...

(Tiếp theo P.T. số 72)



ƯỚC tin
do mấy người
bạn chạy về
báo cho biết

là ông Pierre Curie bị chết vì tai-nạn xe hơi, bà Marie Curie hốt-hoảng, hồi-dồn-dập :

— Pierre chết ? Chết ? Chết thật sao ?

Một hung-họa bất-ngờ bỗng-dưng cướp mất người chồng yêu quý và người cộng-sự duy nhất của nhà Nữ Bác-học còn trẻ tuổi.

Pierre chết, là cả cuộc đời của bà từ đây sẽ hoàn-toàn độn-độc, quạnh hiu. Bà thấy rõ rằng bà đang là nạn - nhân của một Định-mệnh khắc-khe tàn-ác, mà

bà đành chịu vậy, vì bà bất lực, kêu khóc cũng chẳng được nào !

Bà dặn người ta :

— Nhờ quý ông làm ơn đưa hộ xác Nhà tôi về đây cho tôi.

Cặp mắt bà ngờ-ngác như kẻ mất hồn nhưng bà vẫn cố giữ điềm-tĩnh, không ồn-ào náo-động. Bà gửi đứa con gái lớn, Irène, nhờ một bà bạn trông nom hộ đề bà lo việc tống-tang cho chồng. Xong bà ra ngồi trên chiếc ghế đá ngoài vườn, đau-dớn, câm-lặng, không khóc than, không cử-động, đợi người ta đem xác chồng bà về.

Một nhà Bác-học, đệ-tử của ông bà, đến sở Cảnh-sát nhận lãnh Pierre về, đặt xác ông trên một chiếc xe ba bánh của bệnh-viện. Chiếc xe vào cổng nhà bà, nặng-nề, chậm-chạp, bi-ai, tiếng bánh xe kêu kéo-kẹt trên nền đường đầy sạn sỏi. Người ta vừa đặt ông nằm ở giữa nhà, thì bà Marie chạy đến ôm lấy xác chồng. Bà không cầm được hai ngón lệ âm thầm chảy tuôn tuôn trên đôi má. Bà hôn trên mặt ông, trên má ông, trên thân mình ông, trên hai bàn tay ông... Sợ bà xiu,

người ta vội vục bà sang phòng bên cạnh, nhưng bà chạy trở qua, bám chặt lấy xác chồng cho đến khi liệm ông trong quan-tài. Sau đám táng ông Pierre Curie, Bà được chính phủ Pháp tặng một số tiền trợ-cấp lớn, nhưng bà từ chối :

— Tôi không muốn tiền trợ-cấp, vì tôi còn trẻ, tôi còn làm việc được để nuôi sống thân tôi và hai đứa con gái của tôi.

Ngày 13-5-1906, toàn thể Hội-dồng Giáo-sư Đại-học Khoa học đồng - thanh cử bà Marie Curie làm giảng-viên Đại-học đường, thay thế ông Pierre Curie. Đó là lần đầu tiên trong lịch-sử Giáo-giới một người đàn-bà được đề-cử vào ghế giáo-sư Đại-học Khoa-học.

Sáng ngày thứ hai 5.11.1906 là ngày bà khai-giảng lớp học đầu tiên, thiên-hạ nghe danh bà, đều nô-nức đến nghe bà dạy. Các nhà báo đến chụp hình, các nhà trí-thức, các bà quý-phái, các nhà ngoại-giao khắp các nước trên thế giới, đều chen lấn nhau vào trường Đại-học Khoa-học để dự-thính cho kỳ được bài giảng của bà quả-phụ lừng-danh ấy.

Bà Marie Curie giảng về " *Lý-thuyết về ions trong các loại hơi* " Sự thực, không phải người ta chen chúc đến để nghe cho hiểu *ions* là gì, " *lý-thuyết* " thế nào, — những đề-tài hóc-búa, ai mà hiểu nổi ! — nhưng người ta đến để xem mặt nhà Nữ Bác-học thứ nhất của nước Pháp và của Thế-giới, lần đầu tiên dạy tại trường Đại-học Sorbonne ! Người ta đến, vì tính tò-mò, vì lòng ngưỡng phục một Nữ-lưu tài-ba lỗi-lạc, một bậc vĩ-nhân của thế-kỷ XX.

1 giờ 30 phút bắt đầu giảng, mà thiên-hạ đã đến trường Sorbonne từ hồi 12 giờ để giành chỗ. 1 giờ, giảng đường đã chật-ních, ngay những nhân-vật có giấy mời cũng không còn chỗ ngồi, phải đứng. Đúng 1 giờ 30 phút, tiếng trò chuyện xì xầm bỗng im phăng-phắc, người ta chỉ-chỏ nhau, và toàn thể đều đứng lên, vỗ tay dậy phòng :

« Bà Marie Curie đến kia ! »

Người ta hồi hộp chờ đợi xem bà sẽ cảm ơn ông Tổng-trưởng Quốc-gia Giáo-dục như thế nào, (ông này chủ tọa buổi khai giảng),

bà sẽ khen chồng bà như thế nào, vì theo thủ-tục, một vị giáo-sư thay thế cho vị giáo-sư đã qua đời, trước khi khai giảng, phải nói mấy lời khen tặng vị Giáo-sư quá cố.

Bà Marie Curie đứng trước bàn Giáo-sư đầy những máy móc khoa-học về môn Vật-lý của Bà dạy. Bà rất cảm động, nhưng bình tĩnh khế cúi đầu để cảm ơn cử-tọa. Bà chờ cho tràng pháo tay chấm dứt. Thay vì mở đầu bằng lời cảm ơn ông Tổng-trưởng, thay vì nói những lời khen ngợi ông Pierre Curie, bà nhìn thẳng vào đám thính-giả, và cất tiếng thánh-thốt nói :

« *Lorsqu'on envisage les progrès qui on été accomplis en physique depuis une dizaine d'années, on est surpris du mouvement qui s'est produit dans nos idées sur l'électricité et la matière...* »

(Khi người ta kiểm - diểm những tiến-bộ đã thực hiện được trong khoa Vật-lý-học từ mười năm nay, người ta phải ngạc-nhiên thấy sự biến-chuyển trong trí óc của chúng ta về Điện-lực và Thê chất...)

Cứ thế, bà giảng tiếp cả một

bài học khô-khan mà bà vẫn nói cho dễ hiểu, bà không vấp một câu, hùng-hồn, có mạch-lạc, suốt một tiếng đồng-hồ. Bà đã thành-công rực-rỡ, và khi bà chấm-dứt cuối bài, tiếng vỗ tay nổi vang dậy ồn-ào náo-nhiệt thì bà đã lên ra cửa hậu, chuồn mất !...

Lúc ra đi, bà cũng muốn âm-thầm lặng-lẽ như lúc bà đến.



Marie Curie, lúc còn là cô Marie Skłodowska, sinh-viên Khoa-học Đại-học - đường Sorbonne, Cử - nhân Vật-lý-học, (1894)



Bà Nữ Bác-học Marie Curie đang khai-giảng tại Đại-học đường Sorbonne hôm đầu tiên, về thuyết « Phóng-xạ » (5-11-1906)

CHIẾM HAI LẦN HAI GIẢI NOBEL !

Từ khi có giải thưởng Quốc-tế Nobel, chưa có một người đàn ông nào chiếm được giải ấy hai lần. Mãi cho đến ngày nay cũng chưa có ai. Ấy thế mà bà Marie Curie, người đàn bà độc-nhất đã chiếm giải Nobel : lần đầu tiên với chồng, năm 1903 về Vật-lý-học, đến năm 1911, ông Pierre Curie chết rồi, một mình Bà cũng chiếm được giải Nobel lần thứ hai, về Hóa-học !

Hàn-Lâm-Viện Stockholm khi trao giải ấy đã làm nhục Hàn-lâm-viện Pháp trước mặt Thế-giới. Vì khi các người bạn của Bà Marie Curie đề-cử bà vào Hàn-Lâm-Viện khoa-học Paris, bà chỉ thiếu 1 lá thăm nên không được đắc-cử ! Các ông Cụ ở Hàn-Lâm-Viện khoa - học Paris cãi nhau xô-náo, sôi-nổi, và đa số không chịu bỏ phiếu cho Bà, viện lẽ rằng từ xưa đến nay

chưa có người đàn bà nào được nhận vào Viện Hàn-Lâm cả ! Bà Marie Curie không cần. Cho nên khi chính-phủ Pháp tặng bà Bắc-đầu Bội - tinh, là huân-chương quý nhất để dành riêng tặng các người có công lớn với nước Pháp, bà Marie Curie khăng-khái từ-chối.

Các báo Pháp cò-dộng tư-nhân ở Pháp và khắp Thế-giới góp được rất nhiều tiền để lập ra một viện Pasteur và một viện Radium. Viện Radium được đặt dưới quyền giám-dốc của Bà Marie Curie. (1)

Trong trận giặc 1914—18, Bà đem áp-dụng Quang - tuyến X

(1) Giáo-sư Bửu-Hội trước kia có làm việc thường xuyên nơi đây. Rất tiếc mấy năm nay ông làm chính trị, xao-lãng các cuộc Thí-nghiệm về khoa-học.

trong việc cứu chữa hàng triệu Thương-binh. Chính phủ Pháp lại tặng bà Bắc đầu Bội tinh, bà lại từ chối lần thứ hai. Năm 1920, phụ-nữ Mỹ góp nhau được 100.000 Mỹ-kim để mua 1 gramme Radium tặng nhà Nữ Bác-học và mời Bà sang viếng nước Mỹ. Bà đã 54 tuổi nhưng còn khỏe mạnh. Hai cô con gái của Bà, Irène và Eve Curie khuyên bà nhận lời và cũng đi với bà sang Mỹ-quốc. Cả ba mẹ con chỉ đem theo một va-li quần-áo, vừa đủ dùng.

Dân-chúng và chính-phủ Hoa-Kỳ đón tiếp Bà với một niềm vui mừng nồng-hậu đặc-biệt, vô cùng hào-hứng. Vô số những phái-đoàn Nữ sinh-viên, nữ Hướng-đạo, ba trăm phái đoàn phụ-nữ toàn-quốc kéo đến bến tàu, dâng bà toàn những hoa hồng, biều-hiệu tình ưu-ái nồng-nàn. Dân chúng đông nghẹt khắp các nẻo đường. Chờ xe Bà đi qua đề hoan-hô...

Ấy thế mà... một hôm, bà Marie Curie đi Berlin, thủ đô nước Đức, cùng một chuyến xe lửa với một chàng võ-sĩ danh tiếng thời bấy giờ, tên là Dempsey. Xe lửa đến ga, dân chúng đón chờ đề hoan-hô Võ-sĩ Dempsey, một tay «bốc-xo» hạng nặng, còn bà... thì họ quên mất!

Một nhà báo phỏng-vấn, bà chỉ mỉm cười đáp:

— Các anh nên nhớ rằng chúng ta đang sống trong một nước được tự do.

Bà vẫn giữ nguyên vẹn một đời sống giản-dị, bình-dân, khiêm tốn, hoàn toàn phụng-sự cho Khoa-học và Nhân-loại.

Nhà Bác-học Einstein đã phải khen ngợi bà:

« Trong tất cả các danh nhân thế giới, chỉ có một mình bà Marie Curie là không hề bị Vinh-hoa cám-dỗ »

Bà Marie Curie chết năm 1934. Một tang chung làm xúc-dộng cả thế-giới.



● DANH NGÔN

Người nào nói ít thì được nghe nhiều.

(Tục-ngữ NGÀ)

ĐÊM NOËL

Đêm buồn ngoài phố vắng
Đêm buồn trong tình thương
Đường về tìm máu chảy
Giò lá đầy dần chán ! !

Tôi đi ngoài phố vắng
Đêm này đêm NOËL
Tôi không người ngoạn đạo
Tôi không người vô thần !
Tôi còn đi lạc lối
Tôi còn đi tìm tôi
Từ tận cùng tiềm thức
Cho đến giữa cuộc đời
— Ngày xưa chưa được hưởng
Ngày nay chưa bắt gặp
Ngày mai còn bơ vơ
Tôi tìm tôi không có —
Tôi đi theo đường sao,

Tóc long khua gió bắc
Đi chân đất vai trần
Đến trước cửa giáo đường



Lặng nghe hồn mình thờ
Lời kinh trôi lênh đênh
Hồn tôi chường muốn khóc
Mà xin đi quá giang

Nhờ ơn trên đoái tưởng
Cúi xin chút phúc lành

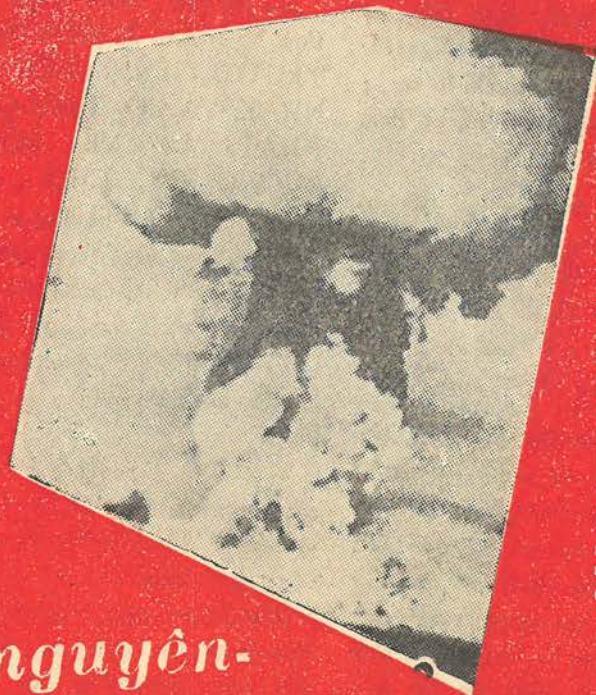
Con không người ngoan đạo
Hồn con đôi tình thương
Mắt con đầy bóng tối
Tóc con đỏ đau buồn
Lửa thời gian đốt cháy
Hai bàn tay chết khô
Nhiều lần con nhẫn nhục
Đi xin lữ trẻ thơ
Từng tiếng ca non dại
Từng tiếng hát vô tư
Cho người con trẻ lại,
Cho hồn thêm bơ vơ ! !

Trái tim mà biết khóc
Nước mắt cũng trào ra.

HUỲNH-MINH-TẤN

Mình ối !

làm sao



tránh Bom

nguyên-
tử ?

BÀ Tú chắc là đi đánh giặc không được rồi đó ! Thường ngày ở nhà, trông thấy bóng dáng một con chuột, hay con thằn - lằn, bà đã hết hồn hết vía, tay đang cầm tách uống nước cũng vội-vàng quăng tách, nhảy lên ghế, lên giường, trốn thật lẹ ! Cho nên dạo này, đọc báo nghe nói Thế-giới có thể có chiến tranh nguyên-tử, bà Tú ăn ngủ không ngon, ngày đêm cứ bị ám ảnh bởi trái bom Nguyên-tử ... Suốt ngày bà chỉ lo sợ 3 thứ đó : chuột, thằn-lằn, và Bom Nguyên-tử !

Hôm nọ, ông Tú nói cho bà nghe về những tai-hại kinh khủng của Bom A, Bom H, báo hại từ đó đến nay bà cứ đeo theo hỏi mãi một câu : « *Mình ơi ! Làm sao tránh Bom Nguyên-tử ?* »

Ông Tú thì lúc nào cũng lạc-quan, chẳng sợ nguyên - tử ... nguyên tảo gì hết cả. Ông cứ bảo : « Hơi đâu mà sợ thế vậy ? Ta chết, thiên hạ cũng chết, có hàng nghìn hàng vạn người cũng chết một lượt với ta, chứ bộ ta chết một thân một mình sao mà sợ ? Đến khi chết, dễ thường sợ mà

khỏi chết được à ? » Nhưng Bà Tú thích sống chứ không thích chết, bà cứ cãi : « Nếu tránh được khỏi chết, thì tại sao không tránh ? Biết trước để đề-phòng, không hơn là bị chết oan, uổng mạng sao ? — Muốn chết vì bom Nguyên-tử không khó gì cả, mà muốn tránh cho khỏi chết cũng chẳng khó gì đâu.

— Tránh cách nào, mình nói rõ-ràng cho em nghe đi.

— Dễ lắm ! Muốn tránh nạn Bom Nguyên-tử thì **BIỆN PHÁP TRƯỚC-TIÊN, GIẢN-DỊ NHẤT, VÀ CÓ HIỆU-QUẢ NHẤT, LÀ VỀ ĐỒNG RUỘNG Ở, CHO XA THÀNH PHỐ.** Vì không ai đem Bom thả nơi đồng ruộng làm gì.

— Như thế, hễ nghe thế-giới rục-rịch có chiến-tranh, thì Mình với em về ruộng ở nhé ? hay là hai đứa mình lên núi ở chắc chắn hơn ?

— Ruộng, hay núi, miễn là xa các đô thị lớn ngoài 50 hay 60 kí lô-mét là được, nghĩa là ngoài vùng nguy-hiểm.

Nói thế mà nghe, chứ ở Việt-Nam mình đây, chẳng có thành-phố nào xứng-đáng để lánh một trái Bom Nguyên-tử ! Cùng

lắm thì chỉ có Saigon với dân số gần 2 triệu, là nơi tập-trung quân sự, kỹ-nghệ, hành-chánh, là có thể bị Bom... Chúng ta nên nhớ rằng một trái Bom nguyên-tử nhỏ nhỏ như loại Bom A ném ở Hiroshima đạo nọ chỉ cân nặng 15 kí-lô, đã tốn đến **1.000.000 MỸ-KIM** (1) thì không phải là bạ đâu ném đó.

— Như ở Saigon, thì tránh Bom Nguyên tử cách nào hả Minh ?

— Ở Anh, Mỹ, Pháp, Nga, người ta đã trù liệu hai biện-pháp: thứ nhất là tản-cư dân chúng về các vùng quê, thứ hai là đào hầm trú-ẩn, xa ngoài thành-phố chừng 12, 13 kí-lô-mét. Nên hiểu rằng Bom Nguyên-tử có BA nguyên-nhân nguy-hiểm :

10) NGUY-HIỂM VỀ MÁY. MÓC, (*d'ordre mécanique*), do làn gió mạnh gây ra, mạnh gấp nghìn lần một trận bão-tố lớn nhất.

20) NGUY-HIỂM VỀ SỨC NÓNG, (*d'ordre thermique*) do nhiệt-độ gây ra, nóng hơn nghìn lần nhiệt-độ của Mặt-trời.

30) NGUY - HIỂM VỀ

PHÓNG - XẠ, (*d'ordre radioactif*) do bụi phóng-xạ gây ra.

Nói tránh nạn Bom Nguyên-tử, tức là tránh ba thảm-trạng tang-tốc kinh-hoàng kia. Tản-cư dân-chúng ra khỏi những đô-thị nào có thể bị Bom Nguyên-tử, là bảo-vệ dân-chúng khỏi cả 3 tai-họa khủng-khiếp ấy. Quyển sách « *Phòng-thủ thụ-động tránh nạn Bom Nguyên-tử* » của Đại-tá Không - quân JOHN HODSOLL, chủ-tịch cơ-quan Phòng-thủ Thụ-động Anh-quốc, có cho biết rằng phải một triệu trái Bom Nguyên-tử kiểu Hiroshima mới tiêu-diệt cả Quả Đất. Nếu Chiến-tranh nguyên-tử nổ ra, có lẽ người ta sẽ dùng loại Bom nhỏ ấy, hơn là loại Bom Siêu-dã, như Bom H, để tránh khỏi họa tiêu-diệt toàn-thể. Trên diện-tích nước Nga chẳng hạn, chỉ 40 trái Bom A ném xuống 40 thành-phố lớn nhất cùng trong

(1) Tài liệu trong **Armed Forces Chemical Journal** của Quân đội Mỹ, theo lời của Bác sĩ Robert Oppenheimer, cha đẻ của trái Bom Hiroshima.

một ngày, như Moscou, Lenigrad, Omsk, Stalingrad, Kiev, Vladivostock, Smolensk, v. v... cũng đủ làm tê-liệt hẳn các cơ-cấu quân-sự, kỹ-nghệ, chính-trị, hành-chánh của Nga-xô. Từ năm 1949, Mỹ sản-xuất thường xuyên mỗi năm 500 trái Bom A. Tính đến cuối năm 1961, Mỹ đã dự-trữ trên 6000 trái. Không kể Bom H. mới bắt đầu chế-tạo từ 1955, với một số lượng mà người ta còn giữ bí-mật.

Nước Anh cũng đã sản xuất được nhiều Bom A, và Bom H, nhưng chính phủ Anh-Hoàng vẫn giấu kín, nên không ai biết được là bao nhiêu. Hiện nay chính phủ Anh chú trọng đặc-biệt về phòng thủ thụ-động tránh nạn Bom Nguyên-tử. Đã có 16 triệu người Nam và Nữ trên 40 tuổi tình nguyện vào các cơ quan phòng thủ, và đã học-tập, thao-luyện mọi biện-pháp thích ứng và cấp-tốc để bảo vệ cho Dân - chúng ngay trong giờ phút đầu-tiên nước Anh bị bom Nguyên tử. Mỹ cũng đã tốn trên 3 tỷ mỹ-kim thực - hiện chương - trình Phòng thủ thụ động cấp tốc.

— Sao Minh không nói cho em

nghe là Phòng-thủ thụ động như thế nào ?

— Chính phủ Anh đã sắp đặt sẵn sàng các tổ chức chuyên lo về việc tản cư Dân chúng, rồi đến việc đào hầm trú ẩn khắp các nơi, và dự trữ lương thực để sống dưới hầm ít nhất trong MỘT THÁNG ! Chính phủ đã sắp đặt trước hạng người nào sẽ được tản cư theo quyền ưu-tiên, con nít, đàn bà, con gái, người tàn tật già cả, học sinh, v.v... Người nào sẽ được tản cư đến vùng nào, và sẽ chuyên chở bằng cách nào, sẽ ở đâu, sẽ làm gì, sẽ được tiếp tế lương thực cách nào học trò sẽ học ở trường nào v.v.. Toàn là những vấn đề phức tạp, trọng đại, mà các cơ quan phòng thủ đã tính toán sắp đặt đầu vào đây. Theo chương trình ấy, toàn thể dân chúng ở Thủ đô London sẽ được tản cư hết trong kỳ hạn 5 ngày, trước khi chiến tranh bùng nổ. Người Anh cũng đã lo liệu việc đào các hầm trú ẩn, TRÊN 100 TRIỆU THUỐC KHỐI ĐẤT và dự trữ 4 TRIỆU TẤN LỬA MÌ cùng các nguyên liệu khác, như đường, dầu, mỡ, đồ hộp, súng, đạn, và các loại thuốc-men phải chờ đầy 200 xe cam-nhông.

Người ta còn dự-tính trong 6 giờ đầu sau khi bị Bom Nguyên-tử sẽ phải dùng đến 10.000 lít máu tươi để sang máu cho nạn-nhân trong các vùng có thể bị Bom (Target areas), và hàng nghìn trạm thuốc cấp cứu (Cushionhospitals) đặt kế-tiếp dọc theo các ngã đường tản-cư và các đường chiến-thuật quân-sự.

— Minh ơi, những công việc bề-bộn và khó-khăn phiền toái như thế, người Anh làm thế nào mà sắp-đặt chu-đáo được ? Ai chỉ-huy nổi những cơ-quan phức-tạp ấy ?

— Hiện nay « Trường Đại-học Cán-bộ Phòng-thủ Dân-sự » ở Sunningdale, đang huấn-luyện tất cả mọi công-tác, và tất cả các chi-tiết của các trạng-thái Phòng-thủ để đối-phó với tai-nạn Bom Nguyên-tử. Người ta cũng đã xây-cắt sẵn-sàng các thành-phố ở dưới đất để dời xuống đây các xưởng máy kỹ-nghệ có tính cách tối quan-trọng.

— Minh ơi, người ta có chỉ cách đào hầm trú-ẩn tránh 3 tai họa Nguyên-tử kia không ?

— Hầm phải đào sâu xuống 15 mét, phải xây bằng xi-măng cốt sắt, và cửa hầm phải dày 60 phân, thì mới tránh được quang-tuyến gamma của Phóng - xạ. Người ta đã đào những hầm rộng lớn có thể chứa được 60.000 người không bị chen-chút lấm. Có hàng trăm nghìn xe cam nhông tiếp-tế, hàng trăm nghìn tấn thuốc men, hàng nghìn xe Hồng-thập-tự và cả các tàu-thủy bệnh viện, phi-cơ bệnh-viện, đã được giấu-diểm tại các nơi có an-ninh chắc-chắn, để sẵn-sàng tiếp-tế thuốc-men cấp-cứu bất cứ trong trường-hợp nào, và bất cứ giờ phút nào.

Chính phủ Anh đã phân phát cho Dân chúng mỗi người một quyển sách « phương pháp phòng thủ dân sự », trong đó có đầy đủ tất cả các chỉ-dẫn cần-thiết về việc tránh nạn Bom A và Bom H. Có cả những đèn pin và pin để thay đổi, trong lúc đứt các giây điện, hoặc sụp đổ các nhà máy điện. Đàn-ông thì có các áo blousons và quần bằng cao-su, giày cao-su tất cả đều MÀU TRẮNG, để khỏi bị nhiễm quang- tuyến Gamma của Phóng xạ. Đàn-bà phải mặc

quần cao-su, mang giày cao-su. (yêu-cầu bỏ giày cao gót, kéo dính bụi phóng xạ, xin cảm ơn!) mặc áo cao su (Nếu muốn đeo « chuỗi-chiên » cũng yêu-cầu đeo chuỗi - chiến cao - su xin cảm ơn!) và mang găng cao-su toàn màu trắng. Đội nón hoặc mũ rộng vành để che mắt và bảo vệ đôi mắt khỏi bị mù-loà. Mỗi người phải có thường xuyên trong túi áo một bàn chải để chải bụi và luôn luôn nên tiếp xúc với những người có Radio (nên đem theo máy Radio) để nghe lệnh cấp tốc của cơ-quan trung-ương Phòng thủ dân-sự. Ngoài ra, không được để trong người một món nào khác cả, mặc dầu là một miếng thuốc, một khăn mặt, một miếng giấy, một tấm hình, v.v...

Nên ghi trong trí nhớ rằng máy-bay ném Bom Nguyên-tử, Bom A, bay cao trên Thành-phố 600 mét, mới thả Bom. Còi báo-động đã rú lên trước đó một vài phút, tức thì ai nấy bắt cứ đang làm gì ở trong nhà hay ở ngoài đường, đều phải NẢM SẬP XUỐNG ĐẤT LẬP TỨC, VÀ LẤY HAI TAY ÔM CÁI ĐẦU, lấy nón, mũ,

hoặc một tờ báo, một chùm lá, hoặc bất cứ một vật gì CÓ THỂ ÚP LÊN ĐẦU ĐƯỢC, úp xuống kín được chừng nào hay chừng ấy ĐỂ CHE ĐÓNG ĐƯỢC MỘT PHẦN QUANG TUYẾN infra-rouge. Quang-tuyến này có thể cháy ngay trong 0,3 giây đồng-hồ đầu-tiên sau khi Bom nổ.

Đó chỉ là những phương-pháp phòng thủ tạm thời trong giây đầu-tiên, có thể tránh được một phần nào nhỏ-nhỏ cái tai-nạn khủng khiếp mệnh-mông đang giết hại con người, do Bom A. Nếu là Bom H., mọi sự phòng-thủ đều vô-hiệu quả từ trung-tâm hiểm-địa rộng ra ngoài 11, 12 ki-lô-mét. Nhờ phòng-thủ Bom A như trên kia, 3 giây đồng hồ sau khi Bom nổ số người chết không kịp cử-động, vẫn có trên 60.000 người là ít, và 60.000 bị thương nặng. Ước độ 27000 người sẽ bị GIÓ NGUYÊN-TỬ thổi mạnh đập người vào đá, vào tường, gãy xương hoặc bay ra sông, ra biển, 13.000 người bị lửa nguyên-tử đốt cháy tóc, cháy da, cháy cả móng tay, móng chân, và

12.000 người bị bụi PHÓNG-XẠ NGUYÊN-TỬ.

Vì thế nên vấn-đề đào hầm trú-ẩn rất là quan-trọng, có thể cứu được một số đông những người trốn kịp xuống hầm đào đúng theo kiểu-mẫu đã nói trên kia. Hiện nay nhiều nước Âu-Mỹ đã hoàn-thành chương-trình đào hầm trú-ẩn (ở Việt-Nam, nhất là ở Sài-gòn, ai cũng sợ Bom Nguyên-tử, nhưng không ai nghĩ đến việc đào hầm trú-ẩn!). Ở Anh, Pháp, nhất là ở Suede, và Suisse, các hầm trú-ẩn đã được xây cất rất chắc-chắn và rất có ngăn-nấp.



Máy Compteur de Geiger để dò kiếm vết bụi phóng-xạ

— Mình ơi !

— Ơi.

— Coi bộ các nước Văn-minh tiến-bộ đã sẵn-sàng hết để phòng thủ tránh nạn Bom H, Bom A... Còn nước mình...?

— Nước mình thì... chắc là không bao giờ bị Bom A, Bom H. nên cần gì phòng thủ.

— Mình nói thế nhưng biết đâu ! Thời buổi này, chữ Anh, chữ Mỹ, chữ Đức, ai cũng có thể học, nhưng chữ «Ngờ», không ai học được.

— Nếu Sài-gòn bị bom Nguyên tử, thì hai đứa mình khỏi may áo cao-su, quần cao-su, cứ việc chạy vô nằm trong rừng cao-su là không việc gì !

— Em thì Em cũng không cần đào hầm đào hố, Em với Minh chạy lên núi kiếm cái hang nào đó ở là khỏi chết !

— Lỡ chui nhầm hang chuột thì sao ?

— Thôi Minh, Em đã sợ chuột chết điếng người mà Minh còn nhắc đến nó để dọa em hoài, hề !... Minh xấu quá !...

Diệu-Huyền

một ông già

90 tuổi

chống chiến

tranh

NGUYỄN-TỬ

S
E
L
L

MỘT nhân-vật lỗi-lạc, một nhà triết-học đại-danh, một ông già 90 tuổi đương tranh-dấu quyết liệt để bảo-vệ Hòa-Bình chống chiến-tranh và thù nhút là chiến-tranh nguyên-tử Đặc biệt là cuộc tranh-dấu của ông không có tánh-cách chính-trị, hoàn-toàn vô tư và hoàn toàn nhân đạo.

Tôi muốn nói tới Huân-tước Bertrand Russell, năm 1950 đã được giải thưởng Nobel về Văn-chương, tác-giả những bộ sách trứ-danh như : « *Lịch-sử những tư-tưởng triết-học của*

tôi. Nhập-môn triết-lý toán-học. » v. v... Ông là một nhân vật vĩ-dại, có uy tín nhứt ở nước Anh bây giờ.

Nhưng nhà triết-học vĩ-dại đó lại không chịu sống cách biệt với đời. Năm 1915 ông đã ở tù vì không chịu tham-gia chiến tranh. Gần đây ông lại bị thêm 7 ngày tù vì không chịu giải tán một cuộc biểu-

★ THIẾU-SƠN

tình bất bạo-động chống những thí-nghiệm nguyên-tử. Lần này bà vợ ông cũng bị nhốt khám với ông.

Từ ngày xuất - hiện bom nguyên-tử thì ông nhứt định lao mình vào một cuộc thánh-chiến đòi cấm-chỉ vô điều-kiện thứ khí-giới tàn khốc này.

Năm 1955 ông cùng với nhà bác-học Einstein kêu gọi những nhà Khoa-học thế-giới cùng hội nghị ở Pugwash (Gia-nã-Đại) để cùng nghiên - cứu những phương-tiện để ngăn cản sự chế-tạo vũ-khí hạch-tâm.

Đầu năm 1961, ông nhận thấy rằng chiến-dịch đòi giải-giới đơn-phương không hiệu-nghiệm nên ông đã tổ-chức một « Ủy-Ban một trăm người » (Comité des cent) để cổ-động sự bất - tuân pháp-luật.

Bất-tuân pháp-luật thì ở tù. Nhưng ông vui lòng ở tù để làm sáng-tỏ những ý-kiến của ông.

*

Ông Bertrand Russell nói : « Cái hình-thức bất-tuân pháp-luật mà tôi chủ-trương là nhằm mục-dịch đòi có sự thay đổi pháp-luật hay chánh-sách quốc-gia. Nhìn theo khía cạnh đó nó là một phương - tiện tuyên -

truyền. Có nhiều người cho phương-tiện đó là đáng trừng-phạt. Nhưng nhiều người trong đó có tôi nghĩ rằng trong lúc này nó là cần-thiết. »

Ông lấy một thí-dụ là sau cuộc thế-chiến thứ hai những nước chiến-thắng đã kết-tội những người Đức đã tuân theo pháp-luật của nước họ mà gây nên những tội-ác tày trời. Cổ nhiên là pháp-luật của chế-độ quốc-xã không thể so-sánh được với pháp - luật của các nước dân-chủ. Nhưng ông cho rằng không có một luận - lý nào chứng-minh được rằng một chánh-phủ dân-chủ có thể tuyệt đối không ra lệnh cho người ta làm nên những tội-ác tày trời. Nếu có chuyện xảy ra như thế thì sự bất-tuân là nên hay là không nên, là tốt hay là xấu ?

Ngay trong những nước dân-chủ người dân vẫn bị lừa dối như thường. Chánh-quyền có đủ thứ phương-tiện để dối gạt người ta bằng báo chí, bằng đài phát-thanh, bằng vô tuyến-truyền-hình, v.v..

★

Theo luận-diệu của chánh-quyền thì người dân không có gì phải lo-lắng về một trận giặc nguyên tử vì chính Thủ-Tướng Anh đã tuyên bố một cách long

trong rằng không có một trận giặc nào có thể xảy ra một cách ngẫu-nhiên được. Vậy mà ở Hội-nghị Pugwash và theo những bản báo-cáo của nhiều nhà bác-học chuyên-gia thì rất có thể có những trận giặc ngẫu-nhiên đột-phát. Ông Oskar Morgenstern, một chuyên-gia Mỹ về những vấn đề phòng-thủ đã viết : « Có nhiều cơ-hội cho một trận giặc hạch-tâm xảy ra hơn là không xảy ra. »

Nhà bác học Charles Snow, đã tuyên-bố :

« Người ta có thể cả-quyết với tất cả trách-nhiệm rằng lâu lắm là trong mười năm nữa phải có vài trái bom nguyên-tử nổ. Đó là một điều chắc-chắn. » Những chuyên gia trên đây nói tới những trận giặc ngẫu-nhiên và không ngẫu-nhiên nghĩa là có người cố-tâm và tự-y gây ra.

Huân-tước đưa ra một thí dụ về những căn-cứ quân-sự Mỹ ở trên lãnh thổ của Anh. Mỗi căn cứ có một trung-tâm không-lực gồm một số phi-công sẵn-sàng chuẩn-bị đối-phó lập-tức với mọi cuộc bạo-động và có thể cất cánh trong 1 hay 2 phút đồng hồ.

Những phi-công này không bao giờ được ra khỏi cửa trại.

Ở trong đó họ có cầu lạc bộ, có phòng ngủ, có thư viện, có xi-nê, tóm lại có đủ cả tiện-nghì. Ngay những người Mỹ làm việc ở căn-cứ cũng không được phép tiếp-xúc với họ. Cứ mỗi tháng thì tất cả bọn phi-công đó được về thăm Mỹ và một đội khác được gọi qua thay thế.

Mục-dịch của sự ngăn-cấm nói trên là để cho người Anh tuyệt-đối không biết gì tới công-việc của bọn phi-công Mỹ và để cho bọn này tuyệt-đối tuân theo mạng-lệnh của cấp trên. Những mạng-lệnh này lại không do viên chỉ-huy của căn-cứ mà do từ Hoa-Thịnh-Đốn đánh sang, chính-phủ Anh cũng không quyền kiểm-soát. Giả-thiết như có những mạng-lệnh đánh qua cho bọn phi-công nhầm mắt thì-hành để đem lại sự trả đũa của lực-lượng Xô-viết thì chỉ trong nội một giờ dân-tộc Anh sẽ hoàn-toàn bị tiêu-diệt.

Tình-trạng của những trung-tâm không-lực cũng tương-tự với tình-trạng của những tàu ngầm Polaris. Người ta nhớ rằng Thủ-Tướng Anh đã tuyên-bố rằng hai chánh-phủ Anh, Mỹ sẽ thảo luận với nhau trước mỗi khi muốn phóng một Hỏa-tiên Polaris đi đâu. Nhưng lời

tuyên bố đó tức thời bị chánh-phủ Mỹ đình-chánh. Và tất cả những chuyện đó đại-chúng Anh nào có được biết gì đâu.

Đời sống của nhân-dân Anh già, trẻ, lớn, bé, trai, gái, hết thầy đều làm nguy từng giây, từng phút. Và cái nguy-cơ đó là phát-nguyên ở cái mà người ta gọi là phòng-thủ với những biện-pháp để che-dấu sự thật với nhân-dân.

Huân-tước Russell thấy có bốn-phần phải phan-phui sự thật cho tất cả mọi người đều biết để phát-động phong-trào đòi giải-giới vũ khí hạch-tâm để bảo-vệ sanh mạng nhân-loại, bắt đầu từ sau-hạng người Anh. Ông nói : « Chiến-dịch này đã phát-triển và đương-tiến-triển một cách khả-quan. Nhưng báo chí dường như đã lớn và bắt đầu hoài-nghĩ cả cái hiệu-lực của nó. Bởi thế nên bọn chúng tôi thấy cần phải bổ-túc chiến-dịch này bằng những hành-động mà báo-chi không thể không nói tới. »



Đề-cập tới vai-tướng của cá-nhơn đối với chánh-phủ, ông cho rằng người ta thường làm rằng cá-nhơn bất-lực, không làm sao cải-lại chánh-phủ được.

Ông nghĩ rằng tất cả những kẻ nào không tán-thành chánh-sách của chánh-phủ đều nhất loạt tham gia một cuộc biểu-tình chống đối vĩ-dại thì họ có thể ngăn-ngừa được sự điên-cuồng của chánh-phủ và bắt buộc những nhà gọi là lãnh-đạo quốc gia phải có những biện-pháp cho nhơn-loại được sống còn.

Huân-tước Russell nhắc tới trường-hợp của phi-công Claude Eatherly người đã thả bom nguyên-tử xuống Hiroshima. Người ta không cho chàng hay trước về những hậu-quả khủng-khiếp của trái bom. Nhưng sau khi đã thi-hành phận-sự chàng mới ghé-tóm về việc làm của mình. Chàng khô-sở vì lương-tâm hành-hạ và đã có những hành-động ngang-tàng vô kỷ-luật. Nhà cầm-quyền quyết-định rằng phải coi chàng như một thằng điên và chỉ-định một ban y-sĩ chuyên môn về chứng bệnh thần-kinh để khám-nghiệm. Ban này chiều theo công-thức của chánh-quyền đã kết-luận đúng theo ý-muốn của chánh-quyền.

Và Huân-tước Russell nói : « Eatherly hối-hận và bị coi là điên. Truman không hối-hận và không bị coi là điên ». Ông còn nói thêm rằng ông đã được đọc nhiều lời tuyên-bố của Eatherly

để giải-thích những động-cơ về thái-độ của chàng. Những lời tuyên-bố đó chứng-minh rằng chàng không điên chút nào cả. Như thế đủ chứng về quyền lực của dư-luận gian-dối làm cho nhiều người đã lầm tưởng rằng chàng đã mất trí. Chính Huân-tước cũng đã có hồi tin lầm như tất cả mọi người.

Trong một thế-giới đảo lộn như thế-giới của chúng ta ngày nay, những kẻ cầm quyền sanh sát của loài người có thể khiến cho nhơn-dân thế-giới tin rằng người nào còn tha-thiết đến mạng sống của loài người đều điên cả.

Huân-tước Bertrand Russell kết luận : « Tôi sẽ không lấy làm lạ nếu tôi sẽ sống những ngày chót của đời tôi trong một nhà thương điên chung với những người còn có linh nhơn-loại. »



Những ý-kiến trên đây của Huân-Tước Russell làm cho tôi nhớ đến một nhà triết-học cũng của Anh-quốc là ông Stuart Mill ở thế-kỷ 18. Ông này cũng đề-cao giá-trị của cá-nhơn, của tư-tưởng và chủ-trương con người phải được hoàn-toàn tự-do phát biểu và bảo-vệ tư-tưởng của mình dầu cho tư-tưởng đó trái

ngược với tất cả những tư-tưởng hiện-hành trong nhơn-loại. Ông nói : « Nếu tất cả nhơn-loại trừ một người đều đồng một ý-kiến mà người kia lại có ý-kiến trái ngược thì nhơn-loại bắt người đó ngậm miệng là nhơn-loại bất-công, nhưng nếu người đó có quyền bất nhơn-loại phải làm thình thì người đó cũng vô đạo. »

Lịch-sử đã chứng minh rằng Stuart Mill có lý vì chọn lý không phải là cố-dịnh vì loài người đã bất-công khi bắt Socrate phải uống thuốc độc và bắt chúa Jésus phải chết trên thánh-giá. Hai nhơn-vật lỗi lạc trên đây đã đưa ra những chọn-ly khác với những chọn-ly được người đương thời chấp-nhận. Ngược lại biết bao nhiêu bạo-chúa, hôn-quân đã dùng cường-quyền để áp-đạo tư, tưởng của loài người và bất thiên hạ phải làm theo ý-muốn của họ.

Nhơn-loại phát-triển theo chiều hướng dân-chủ thì những lạm-dụng nói trên cũng đỡ bớt được nhiều và những người như Huân tước Russell cũng không đến nỗi phải chịu chung một số phận với Socrate hay Jésus.

Ông bị tù là bởi ông bất tuân pháp-luật chứ không phải

bởi ông có những tư-tưởng đối-lập với tư-tưởng của chánh-quyền.

Hơn nữa, nếu ông bằng lòng bãi bỏ cuộc biểu-tình thì ông được yên như bàn thạch.

Nhưng ông lại sống trong thời đại nguyên-tử và cái học quảng bác của ông thấy rõ một nguy-cơ trầm-trọng đương đe-dọa loài người nên ông thấy có bổn-phận phải dùng những biện-pháp cương quyết hơn, hữu-hiệu hơn.

Ông không làm chánh-trị. Ông ở trên các đảng phái. Ông tha thiết yêu đời, yêu sự sống, yêu đồng-bào và nhơn-loại. Ông cũng như Mặc-Tử, sống trước ông 2500 năm, khi nghe vua Sở sắp dùng một chiến-khi lợi-hại ghê-gớm mới chế tạo là « Thang mây » (Vân thê) để tàn-sát nhơn-dân nước Tống là đồng-bào của ông thì ông lật-đật qua thuyết-phục vua Sở đừng gây nên một tội ác như thế. Vân-thê đối với những chiến-khi thô-sơ hồi đó có thể so-sánh với bom nguyên-tử đối với những vũ-khi tối-tàn ngày nay.

Hai ông cùng một tâm-trạng không muốn cho loài người giết hại nhau một cách tàn-nhẫn như thế.

Hai ông đều bị thúc đẩy bởi một lòng khiêm-ái cao sâu vô-tận.

Ta có thể nói rằng Bertrand Russell bây giờ chính là Mặc-Tử tái-sinh, tái-sinh để chứng tỏ rằng loài người còn đáng sống và còn có quyền sống.

Trong một thế-giới lộn ngược như thế-giới ngày nay những người như Bertrand Russell là những ngọn hải-dăng để chiếu sáng nhơn-loại.

Ngay trong những nước dân-chủ như nước Anh mà những ngọn hải-dăng đó còn là cần thiết thì ở những nơi mà mây mù chiến-tranh đương bao-phủ người ta càng khao-khát được thấy ánh-sáng dụu-hiến tiết ra ở những tâm-hồn nhơn-đạo.

Cuộc thánh-chiến của Russell thành-công là một may mắn cho loài người. Dầu thất-bại ông vẫn làm vinh-dự cho Anh-quốc và cho Nhơn-loại.

THIẾU-SƠN

Một giấc Mơ hoa



● DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P. T. số 71)

★ 23-9 — 10 giờ đêm.

HỒNG đã nhất định không nghĩ đến tấm ảnh của Hải chụp với con Lang và Thanh... Nhưng tự nhiên bức ảnh bỗng-thình hiện ra trong trí nhớ của Hồng, bắt Hồng phải nghĩ đến mãi không thôi.

Nghĩ đến làm gì nhỉ ? Người ta thích đi chơi với nhau, người ta chụp hình với nhau để làm kỷ-niệm, thì mặc người ta, chứ ăn thua gì đến Hồng mà Hồng cứ phải bận tâm cơ chứ ?

MỘT GIẤC MƠ HOA

Bắt đầu từ giờ phút này, Hồng nhất định không thềm để ý đến chuyện lật-vật tầm thường ấy nữa.

★ 12 giờ đêm.

Tại sao Hồng khóc ? Hồng rõ thật là lẫn-thẩn ! Hải bảo Hải yêu Hồng rất thành thật và Hồng cũng tin nơi lời Hải rất thành-thật. Hồng không nghi-ngờ Hải. Hải chụp hình đứng gần con Lang nào đấy, có nhẽ tại vì con nhỏ nhí-nhảnh muốn đứng gần Hải chứ chắc gì Hải thích đứng gần nó.

Nhưng con Lang là ai đấy ? Hay là nó có bà con họ hàng với Hải ? Một đứa em họ hay là một đứa cháu, của Hải và của Thanh ? Nhưng, anh em, hay cậu cháu, có thể đứng gần nhau để chụp hình như thế được ư ? Dù sao, Hồng cũng chả nên cho việc ấy là quan trọng. Hồng chả cần. Hồng chờ Hải giả nhời 2 thư Hồng, xem Hải bảo sao ?

★ 24-9 — 7 giờ sáng.

Sáng nay thức dậy, Hồng thấy đời toàn là màu xám, màu đen cả. Chả thấy đâu là màu hồng, đời chả tươi đẹp tí nào. Hồng cảm thấy đau khổ, rầy-dứt đau khổ. Hồng giận Hải lắm. Hồng không hiểu sao Hải lại đứng gần cô thiếu nữ nào đó trong bức ảnh ? Nó xấu như ma-mút, cái mặt bánh-dúc thể mà Hải yêu nó ư ? Hải yêu nó, mới đứng chụp-hình với nó chứ ? Hải yêu nó sao Hải bảo Hải yêu Hồng ? Ôi ! Đời toàn là giả-dối cả ! Đời tàn-nhẫn lắm ! Hồng chán lắm rồi !

● trưa.

Giờ chơi, Hồng bảo Thanh : « Hồng để ý thấy Thanh thích chơi với Lang lắm, Lang ngoan lắm nhỉ ? » Thanh rất điềm nhiên : « Hồng muốn mình giới thiệu Lang với Hồng không ? »

Hồng bảo : — Thôi để có dịp nào tự nhiên làm quen cũng được, giới thiệu ra về trịnh trọng người nhón quá ! Hồng không thích làm quen với ai cả. » Một lúc, Hồng hỏi : Lang có bà-con với Thanh hả ?

— Hồng không biết à ? Lang là em, con dì Năm của Thanh đấy.

Lang thường đến chơi nhà Thanh luôn.

— Thật không ?

— Thật, chứ mình nói dối với Hồng làm gì ?

Hồng bỗng cười rồ lên. Hồng ôm Thanh vào lòng rồi lúi lúi Thanh chạy lung tung ngoài sân trường. Mấy đứa bạn trông thấy, cũng cười lên: «kìa xem con Hồng nó bỏ với con Thanh «quá xá» chưa !»

Hồng bảo Thanh :

— Hồng chưa quen Lang, nhưng trông Lang đứng chụp ảnh hôm nọ, đẹp lắm.

Thanh chạy tìm Lang, đưa Lang đến giới thiệu với Hồng. Lang cứ tấm-tắc khen Hồng diễm-lệ. Lang rất vui về lịch-sự, khả-ái lắm. Đứng gần trông Lang đẹp, nụ cười có duyên lạ. Mới quen mà Lang tỏ vẻ quyến-luyến Hồng, và rất thành-thực với Hồng. Hồng có cảm tình với Lang lắm. Lang bảo : « Hôm nọ tụi em rủ anh Hải đi sở thú chụp hình chơi, anh Hải bảo chị Thanh sao không rủ Hồng đi cho vui ? Xem chừng anh Hải mến chị Hồng lắm đấy. » Hồng đỏ bừng mặt, thẹn quá, chỉ cười không giả nhời được lấy nửa câu.

● 9 giờ đêm.

Hồng nghi oan cho Hải, vì hôm nay Hồng đã biết rằng Lang là em con bạn dì của Hải và Thanh. Hồng rất có cảm-tình với Lang. Hình như Lang biết (chắc Thanh nói, hay là chính Hải nói) rằng Hải yêu Hồng, cho nên chưa chi Lang đã gọi Hồng bằng « chị », và tỏ vẻ âu-yếm thân-mật với Hồng lắm.

Lang đẹp lắm và dễ thương lắm.

★ 25-9.

Xem thư Hải giả nhời, hôm nay Hồng hối-hận là đã viết thư hôm nọ và đã nghi oan cho Hải. Hồng viết thư mỉa-mai mà không suy-nghĩ kỹ, không đợi điều-tra cho rõ thật-hư thế nào. Hồng rõ

thật còn con nít, hời-hợt, nóng-nảy, chưa biết góc ngọn ra sao đã viết thư nói « móc » người yêu. Nhưng Hồng không thể nhịn cười được khi đọc đoạn thư Hải chế-nhạo Hồng :

«Thế mà em bảo là «em không biết ghen» ! Anh xem lại thư em, em lặp đi lặp lại hai lần rằng em chẳng biết ghen là gì ! Em Hồng của anh ngây-thơ quá nhỉ ! Nhưng bức thư của em gửi anh hôm nay mới thật là câu giả-nhời. Hôm nay em Hồng của anh đã chứng tỏ là người rất thông-hiểu chữ «Ghen», thông-hiểu hơn cả anh nữa đấy ! Vì chính anh chưa biết ghen ra sao cả ! Hay là nói đúng hơn : anh chưa có dịp để thi-thố xem cái tài ghen của anh như thế nào.

Bài «Ghen» của em hôm nay ngăn-ngán thế mà hấp-dẫn lắm đấy ! Nếu anh là Giáo-sư, anh sẽ cho em 20 điểm trên 20.»

Đáng nhẽ Hồng giận Hải về đoạn thư này lắm, vì Hải có ý mỉa-mai Hồng. Nhưng nghĩ kỹ lại, Hồng có lỗi nên im đi thì hơn...

● 11 giờ đêm :

Chép lại bài Thơ của Hải.

DUYÊN-HỒNG YÊU-QUÝ

Ôm-áp ngày đêm giấc mộng lòng,
Tình anh, em có thẩn cho không ?
Đồng-hồ Tim điểm từng giây phút,
Mỗi phút, mỗi giây, một phím Hồng !

Mỗi phút, mỗi giây, giấc mộng lòng
Téch thành mây gió, ngáp mênh mông,
Trương-tư rào-rạc đêm khuya vắng,
Thôn-thức muôn sao ánh lệ Hồng !

Bài thơ cảm-dộng lắm. Hồng không ngờ Hải cũng có tâm-hồn thi-sĩ rất tế-nhị ! Nhưng văn-chương có đúng với thực-tế không nhỉ ? Hay là nói : thực-tế có đúng như văn-chương hay

không ? Làm sao ta phân tách được màu sắc thực-tế của văn-chương ? Trong một bài thơ, đâu là thành-phần của thực-tế, và đâu là thành-phần của mơ-mộng ?

Hồng cũng mới làm được một bài thơ, hôm nọ. « Tác-phẩm » đầu tay của Hồng (nói thế cho rườm !) Chính Hồng làm ra trong lúc quá buồn. Xem lại « bài thơ » của Hồng, Hồng thấy cái buồn vắng, buồn vô căn-cứ, cái buồn xôn-xao nháo-nhác của tuổi « dậy-thì » còn quá nồng-nổ. Được yêu mà tưởng bị phân-bội, sợ mất hạnh-phúc khi thấy một bóng người lạ, hốt-hoảng tưởng bóng ấy đến cướp mất hạnh-phúc của mình !

Còn bài thơ của Hải, có phải Hải làm ra trong lúc Hải « tương-tư rào-rạc » thật không ? Có phải « Đồng hồ Tim điểm từng giây phút » không ?

Hồng không phải là Thi-sĩ. Hồng không muốn cuộc đời hoàn-toàn là Thơ-mộng. Nhưng Hồng cũng không muốn đời quá thực-tế, bần-tiện và tro-trên, Hồng thích cuộc đời có một nửa phần thơ-mộng và một nửa phần thực-tế.

Hồng muốn sao Tình-Yêu cũng đừng quá thơ-mộng, (như quan-niệm của một số đồng mảy đưa bạn trong lớp Hồng), mà cũng đừng quá chú-trọng về thực-tế. Thơ-mộng quá thành ra bừa-bãi, phóng-dăng, rồi cuộc là thế nào cũng vô-mộng. Còn thực-tế quá thì phải cộng trừ nhơn-chia, mất cả trạng-thái diễm-lệ của Tình-yêu.

Quan-diểm của Hồng chưa biết đúng hay sai ? Thích hợp hay không ? Hồng còn cần nhiều kinh-nghệm lắm.

* 26.9

Trưa nay cãi nhau kịch-liệt với Thúy A, về vấn-đề « Nữ Sinh và Tình yêu ». Thúy A lên mặt « thầy đời », công-kích con Liễu vì Liễu yêu một sinh-viên trường Võ-khoa Thủ-đức.

Quan-niệm của Thúy A: Nữ sinh phải lo học, không nên nghĩ đến chuyện yêu đương vớ vẩn.

Quan-niệm của Hồng : Đồng ý : Nữ sinh phải lo học. Nhưng không đồng ý : cấm họ có tình yêu ngoài những giờ học.

Thúy : Nghi đến chuyện yêu đương, tức là bỏ-bê việc học.

Hồng : Một ngày có 24 giờ. Phải chăm học trong 12 giờ. Còn 12 giờ có thể nghỉ đến tình yêu. Bận-bịu với tình yêu, không lo học, là nô-lệ cho ái-tình, nhất định là hư hỏng rồi. Nhưng dúi đầu dúi mũi vào sách vở mà không để cho con Tim rung-động với đôi chút tình-cảm thì biến thành con sâu mọt của sách giáo-khoa, đời người con gái sẽ như khúc gỗ mục.

Thúy : — Xem gương con Loan. Loan chẳng bao giờ thuộc bài. Lúc nào cũng lo diện, và chỉ ưa nói chuyện con trai. Con gái như thế là hư-hỏng chứ còn gì ?

Hồng : Hoàn toàn đồng ý về trường hợp con Loan. Nhưng Loan trác-táng, là lỗi tại các bậc cha mẹ để nó quá tự-do, không giáo-dục cho nó, để nó giao-du với hạng thanh-niên truy-lạc. Trái lại, Liễu có người yêu, sao Liễu vẫn chăm học, Liễu vẫn thuộc vào hạng cử-nhất lớp ? Liễu học còn giỏi hơn cả Thúy và Hồng nữa, không thấy sao ?

Thúy : Dù sao tình yêu quá sớm chỉ có hại chứ không có lợi cho thiếu-nữ, nhất là nữ-sinh.

Hồng : Đồng ý. Nhưng phải nhận xét thực-trạng của thời buổi bây giờ, con người ta khôn-ngoaan sớm hơn người thời trước. Càng khôn-ngoaan sớm càng biết giá-trị của mình, và càng biết gìn-giữ mình. Ngó-ngẩn, khờ dại, dầy mới là có hại cho đời người thiếu-nữ trong thời buổi hiện-tại. Tình-yêu trong-sạch không thể làm hại được.

Thúy : Chính vì tuổi còn nhỏ nên thiếu kinh-nghệm. Thiếu kinh-nghệm, nên dễ bị lầm-lạc... Đến khi biết ăn-năn hối hận thì đã muộn.

Hồng : Thiếu nữ đời nay, chính như bọn mình đây, có đứa nào còn quá ngây-thơ như thiếu-nữ thời xưa đâu ? Nếu khôn-

ngoan thì làm-lạc thế nào được ? Chúng ta đều biết ái-tình là con dao có hai lưỡi, đã biết như thế là không bao giờ bị đứt tay.

Kết cuộc tranh luận, Thúy vẫn cho rằng Thúy nghĩ đúng và Hồng nghĩ sai. Có nhẽ, nhưng nếu Thúy nghĩ đúng chẳng nữa, thì chỉ đúng một phần nào thôi, Hồng có nghĩ sai cũng chỉ sai một phần nào thôi.

Phần sai ấy chính là do nơi hoàn-cảnh xã-hội, nơi gia-đình, nơi cả học-đường nữa ! Không nên đổ lỗi cho tuổi trẻ ! Bằng chứng : là Hồng yêu Hải, Hồng cảm thấy tâm-hồn của Hồng càng khoan-khoái, hớn-hở, hân-hoan, Hồng học càng thấy chăm-chỉ thích-thú, và lo học để lo cho xứng đáng với tình yêu ! Một tình-yêu trong-sạch, êm-đẹp, và hoàn-toàn vô-tội !

Hồng có lỗi-làm gì đâu ?

(Còn nữa)

Công-Ty Bảo-Hiêm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiêm và Liên-Hiệp những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

trụ sở chánh : 30-32, Đường Laffitte

PARIS (9ème)

Chi Cuộc Viễn-Đông : 16 Đại Lộ Nguyễn-Huệ
(Charner cũ), SAIGON

Điện-Thoại : 20.461

Bồi thường mau lẹ — Nghi thức giản-tiện,

Khi hữu sự hầy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự để dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo hiêm.

ĐỒ BẠN :

IV.— CHIA CÁCH NÀO ĐÂY TA ?

CÁI chị Diệu-Huyền thật là quái-ác ! Gần đến lễ Noel, chị có lòng tốt dời gót ngọc lại tề-xá đã là vinh-hạnh cho Ba-Tui lắm rồi, chị lại còn đem một gói đồ-chơi



● NGUYỄN-BA-TUI
Biệt-hiệu BA-TÈO

*Ráng cái-sáng
Đoán Bài Toán!!*

để làm quà cho ba đứa con của tui. Đợi lúc ra về, chị mới trao gói đồ-chơi cho 3 đứa nhỏ, và bảo :

— Cô cho Cu-Tèo một nửa số đồ chơi trong gói này, cho cu-Tạo một phần ba, và cho cu-Teo một phần chín.

Dặn xong, chị Diệu-Huyền cười ra về.

Ba đứa con tui vội-vàng mở gói ra xem, thì thấy toàn đồ-chơi của Nhứt-Bổn, những con mèo, con chó, con gấu, con ngựa, con cọp, con bò, con vịt, con thỏ, v.v... trong ruột độn bông gòn, ngoài khâu bằng các thứ vải màu đẹp tuyệt. Đếm tất cả là 17 con vật

lớn bằng nhau. Ba đứa con tui mừng quýnh, đòi chia ngay để chơi. Nhưng rồi chúng nó không biết chia làm sao cho đúng theo lời dặn của chị Diệu-Huyền ? Chúng giành nhau, cãi nhau, oánh nhau, la khóc ồm-tôi. Thằng cu Tèo phải nhờ tui làm trọng-tài để chia giùm. Nhưng tui cũng bứt đầu bứt tai : chia cách nào đây, ta ? 17 con vật này chia làm sao cho thằng Tèo được MỘT NỬA số ấy, thằng Tẹo được 1 phần 3, và thằng Tèo 1 phần 9 ?

Tui chịu thua, xin nhờ quý Bạn đọc Phổ-Thông chia giùm vậy...
Bốn cha con tui xin tạ ơn lắm lắm.

Ba-Tèo

Biệt-hiệu của Nguyễn-ba-Tui
kính hỏi.

● Bài đáp, sẽ đăng trong số sau.

★ Đáp bài hỏi thứ III (Phổ-Thông 70 — trang 105)

Cô HUỲNH-HOÀ, ở Ngã-Ba Chú-Ấa, Gia-định, đã đáp bộ bài toán ngang-dọc như sau đây :

	5	4	9				
	10	6	2				
	3	8	7				
Ngang :	5	+	4	+	9	=	18
	10	+	6	+	2	=	18
	3	+	8	+	7	=	18
Dọc :	5	+	10	+	3	=	18
	4	+	6	+	8	=	18
	9	+	2	+	7	=	18
Chéo :	3	+	6	+	9	=	18
	5	+	6	+	7	=	18

M E

và

C O N

(La mère et la fille)

★ A.T.

● THẨM-THỆ-HÀ dịch

thành trụ-sở Trinh-sát Đức Quốc-Xã. Từ đó dân làng xa lánh chốn ấy, còn bà Mỹ-Hạnh phải tránh đi ngõ trước, lần theo đường hẻm để vào ngõ sau nhà.

Đứng bên đường, Mỹ-Lan bắt gặp Lô-Khẩu từ trong trụ-sở Trinh-sát đi ra. Hắn đi ngang qua tên lính gác, dúi chân đập vào nhau đánh bốp một tiếng theo điệu nhà binh, rồi thung-dung tiến bước. Về mặt hăn tãi mết để lộ những nét nhăn, giống như một kẻ quảng-manh vì ánh sáng. Đến trước mặt



HÍA bên kia đường, đầu mặt với ngôi nhà mộc-mạc của bà Mỹ-Hạnh, có một ngôi trường xây bằng gạch. Gần đây, một chiếc cam-nhông chở đến đó một tốp người mặc y-phục và đội mũ toàn màu đen. Họ quăng bàn ghế ra ngoài cửa sổ, trát phẩn nhầy-nhựa những khung kính, rồi bao bọc khu vườn nhỏ bằng một hàng rào dây kẽm gai : thế là ngôi trường biến

Mỹ-Lan, hân dưng bước và trở mắt nhìn con bé :

— Mày làm gì nhìn tao thế hử, con ranh ?

Rồi hân cũng vào đầu con bé một cái nện thân ; chưa vừa ý, hân lại toan tổng cho nó thêm vài đập. Nhưng ngay lúc ấy bà Mỹ-Hạnh trở tới. Bà thét lên hân, đưa hai tay quào vào má hân. Bà vọt hân ngã xuống đất, vừa tát vào mặt hân vừa cất giọng hòa-hòa :

— Tại sao mày đánh con tao, hờ Quý-vương ?

Chẳng hiểu vì đang say hay vì khiếp-sợ, Lỗ-Khẩu không hề chống-trả. Cho đến khi cánh cửa trụ-sở chi Trinh-sát mở toang, một người bước ra ngưỡng cửa ra lệnh, cuộc ấu-đả mới chấm dứt.

Lỗ-Khẩu đã tìm cách trả thù. Ngay đêm ay, hai người lính vận y-phục đen, chiếc đèn bấm trên tay, tiến vào nhà bà Mỹ-Hạnh. Một vị sĩ-quan cùng Lỗ-Khẩu đi phía sau. Run-rẩy, bà Mỹ-Hạnh bảo con : « Chết mẹ rồi, con ơi !... » Lỗ-Khẩu rút Mỹ-Lan ra khỏi bàn tay mẹ nó và đẩy nó vào phía trong vách. Lỗ-Khẩu hỏi vị sĩ-quan.

— Cô tra-tấn không, thưa

trung-úy ?

Vị sĩ-quan ngồi xuống ghế, đáp với giọng chậm-rãi :

— Ngươi cứ làm việc của ngươi.

Qua kẽ vách, Mỹ-Lan thấy Lỗ-Khẩu bước đến gần bàn, chia trong tay ra một phong thư :

— Đây là bức thư của Thái-Thạch, con bà ấy.

Mỹ-Lan nghe tiếng mẹ nó, tuy giọng rất thấp nhưng rất rõ-ràng :

— Bức thư ấy do chính hân thảo ra. Ông ơi, ông hãy tin tôi : thằng Thái-Thạch đã biết tích, cả làng này đều biết. Nó không thể viết thư cho tôi được.

Vị sĩ-quan móc trong túi ra một cái hộp trắng, bấm vào một cái nút, một diều thuốc hiện ra khỏi hộp và một ngọn lửa nhỏ tự-dộng bén cháy vào đầu diều thuốc. Hân hít một hơi khổi, làn môi trên trề ra, đôi tay chống trên bàn. Hân bắt đầu đọc bức thư.

Lỗ-Khẩu lắc-nhải :

— Chính thư của hân, của Thái-Thạch. Hân hiện ở trong một biệt-dộng-đội và vẫn an-lạc với mẹ hân. Còn Thái-Sơn,

đưa con trưởng của bà ấy, đã vượt tuyến đề theo quân kháng-chiến.

Mỹ-Hạnh lại kêu lên :

— Ông ơi, ông hãy tin tôi, con tôi không thể viết thư cho tôi được : tôi không hề biết chữ.

— Lát nữa đây chúng tôi sẽ biết bà biết chữ hay không. Tôi không muốn mất thời-giờ với bà. Tôi khuyên bà hãy khai tất cả sự thật, vì cực-hình bà phải chịu sẽ thật là ghê-gớm.

Vị sĩ-quan ngảnh nhìn lại phía mấy tên lính :

— Chuẩn-bị vài sợi thừng, một chiếc ghế dài và một lò lửa than !...

Rồi đôi mắt hân, ẩn trong bóng tối của vành nón, chiếu thẳng vào đôi bàn tay tái mét đang chấp lại trước bụng của bà Mỹ-Hạnh...

Đến đây, Mỹ-Lan ngưng kể. Với bất cứ ai, cả với anh chàng Trọng-Khang khả-ái, nó cũng không thể tiếp-tục kể đoạn cuối. Đôi hàm răng nó nghiến chặt, cổ nó nghẹn-ngào, nó chỉ buông ra những tiếng rú khiếp đảm, người ta có thể cho đó là những tiếng chuột kêu...

Tuy nhiên, mọi người đều hiểu rằng con bé đã phải chứng-kiến hàng giờ, sau kẽ vách, cảnh cực hình của mẹ nó ; nó đã nghe tiếng nức-nổ, tiếng rên-siết, tiếng kêu van, và còn những tiếng thét kinh-hồn, và còn những tiếng rú thảm-thiết, không giống chút nào với giọng nói đầm-âm hiền-hòa của người mẹ mà nó từng nghe hằng ngày...

Qua ngày sau, một bà láng giềng lên vào nhà bà Mỹ-Hạnh. Bà ấy trông thấy dưới đất một vũng máu, vài lọn tóc và vài mảnh giẻ rách... Sau vách, trên chiếc giường xiêu-vẹo, giữa mấy chiếc gối tả-toi, con Mỹ-Lan đang nằm bất tỉnh tự bao giờ. Bà vội khép cửa lại và lo cứu-chữa cho con bé vô phước.



Những ngày vừa qua thật là nặng-nề, khó chịu. Trên đường, vô số xe tung những văng bụi trong bầu không-khí tĩnh mịch. Mặt trời chiếu ánh vàng rực-rỡ qua làn sương mù. Ích-Tôn ít khi trở về chỗ trú. Mọi người có cảm giác con bão tố sắp nổi dậy và quân Đức sẽ đánh vào họ những vố kinh-hồn.

Một ngày kia, vị đại-úy chỉ-huy-trưởng pháo-dài đến chỗ họ trú bằng một chiếc cam-nhông. Toàn thân ông lấm đầy bụi, gương mặt hiền-lành như-nhược của ông dường như phi-nộn thêm. Ngồi trên một chiếc ghế dài, dưới bóng một cây sồi, ông ta lột nón xuống một cách thoải-chí và, đôi uống nước suối. Ông ta bảo Ích-Tôn :

— Tôi đi một vòng đến thăm chiến-hữu. Dường như tôm ở đây ngon lắm : nào, chiến-hữu cho nếm thử chừng năm mươi con.

Ông ta gọi Mỹ-Lan lại gần và đưa tay nựng gò má con bé :

— Chà, con bé này thật là xinh, đôi mắt nó thật là to ! Con còn nhớ có lần con đã từ-chối không nhận sô-cô-la của ông không ? Bây giờ thì con ăn tất cả, phải không ? Tốt lắm, con ạ ! Con đi kiếm cho ông những con tôm bự đi !

Sau khi uống hết một chảo nước lã, ông ta dốt thuốc hút và ba-hoa kể chuyện này sang chuyện nọ, ông nói chuyện gia-đình ông, những kỷ niệm thân yêu trong đời ông. Ông muốn Ích-Tôn cứ đi công-tác, còn ông, như con chồn luôn luôn ở lại để phòng-vệ pháo-dài.

Ông tiếp : « Tôi mơ được những tác phẩm của Alexandre Dumas. Chiến-hữu đã đọc những tác-phẩm đó chưa ? Tôi chưa được đọc, nhưng hình như nó thật vô-cùng hấp-dẫn. »

Ích-Tôn ngắt lời :

— Người ta nói gì về quân-Đức ? Tình trạng này còn kéo dài đến bao giờ ?

— Có lẽ chừng năm hôm nữa. Chúng ta chờ đợi.

Ích-Tôn hình lỗ mũi nhon lên không, gần giọng :

— Chúng sẽ bị đánh vỡ mặt.

— Chắc-chắn như vậy. Ta dọn cho chúng những sự bất ngờ.

Trông thấy Mỹ-Lan xách về một giỏ đầy tôm, vị đại-úy vội trở câu chuyện. Ông ta đứng dậy vừa đội nón lên đầu vừa nói.

— Tôi không mời chiến-hữu đến pháo-dài. Ai biết được ? Biết đâu ngay đêm nay chúng không tấn công ? Bọn lính tuần của tôi báo tin: bọn Đức dự định bao vây ta trong vòng ba ngày và tiêu-diệt ta trong vòng bốn ngày. Thật là hài-hước !... Thôi, từ giã chiến-hữu. Chúng ta sẽ gặp lại nhau gần đây.



Bây giờ, không còn phải là những bánh xe làm tung bụi; ở phương Đông, chân trời găm thét, bao phủ bởi một bức màn đen. Trên không, hai đàn phi-cơ rú lên, làm nao-động cả bầu trời vẩn-vũ.

Như một đàn kiến, giải-phóng quân sẵn-sàng chiến đấu : tiểu-đoàn, trung-đoàn, sư-đoàn tiến lên mạnh-mẽ, những chiếc xe chở đầy đạn được chạy bon bon trên đường, người ta có cảm-trưởng như từ các miền Volga, Oural, Sibérie đã tuông ra hàng khối than đá nóng hổi trên giải đất ngùn lửa, điều-tàn.

Một lần nữa, bị thúc-dây bởi cơn giận-dữ điên-cường, quân đội Đức Quốc-Xã toan đánh thẳng phòng tuyến địch. Những chiếc xe cam-nhông tuông ra hàng sư-đoàn quân-sĩ mặc y-phục màu xanh. Những chiến-xa bị tấn-công, bị đốt cháy, bị bắn tung lên không...

Trải qua những ngày ấy, Mỹ-Lan bị bỏ quên. Có một lần, Ích-Tôn ghé về chỗ đồn trú để kiểm thuốc hút. Đôi má hần hóp lại, đôi mắt hần lồm sẫm, mất sắc. Nơi đồn trú bị bỏ quên từ tám ngày nay vẫn sạch-sẽ. Con bé Mỹ-Lan ngồi

trên chiếc ghế dài đang may một chiếc áo lót nhỏ xíu bằng một mảnh vải đã phai màu. Bên cạnh nó có một con búp-bê làm bằng vải vụn, đôi mắt được vẽ bằng viết chì.

Ích-Tôn hỏi :

— Mỹ-Lan, cháu ở đây một mình không sợ sao ?

— Không, cháu không sợ đâu, chú Ích-Tôn ạ.

— Nhưng mà cháu có gì nóng để ăn không ?

— Cháu không có hộp quẹt, chú Ích-Tôn ạ. Hãy để lại cho cháu vài que diêm.

— Được rồi ! Đây, cháu hãy giữ lấy ! Công-việc của chúng ta đang tiến-triển khả-quan. Thôi, từ-giã cháu nhé.



Ngôi làng đã được chiếm lại một cách nhanh chóng, đến nỗi không một tên lính Đức nào có kịp thì-giờ để tẩu-thoát ; về phần chi Trinh-sát (Gestapo), một chiếc xe không-lò chứa đầy bọn lính hắc-y đã bị chặn bắt trên đường và bị đốt cháy toàn xe. Mặt trận giải phóng tiếp tục tiến về phương Tây. Ích-Tôn di-động đại-đội mình vào một khu rừng nhỏ cạnh làng.

Khi hoàng-tôn về và sau buổi cơm chiều, Minh-Kha bảo với các bạn :

— Con bé Mỹ-Lan của chúng ta thật là can-dảm ! Hôm trước, nó đã lên vào làng để tìm một người mang cái tên quái dị là Lỗ Khẩu. Nhưng nó đã trở về thất-vọng, vì người mà nó tìm kiếm đã biến mất, không để lại một dấu vết gì. Dân làng đã bàn tán với nhau : « Con người ấy thật là ghê-tởm ! Chúng ta quyết chôn sống hắn. Có lẽ hắn cũng biết số-phận nên mới tìm cách trốn thoát ».

Nghe nói đến Lỗ, Mỹ-Lan tiến lại gần đám quân nhân. Nó ngồi xuống cạnh Ích-Tôn, đôi môi nó mím chặt, mày nó cau lại, nghiêm-trang như một người lớn. Khi mọi người đã dứt bàn cãi và khi Trọng-Khang bắt đầu thổi một điệu phong-cầm, Mỹ-Lan mới cúi đầu bảo khẽ :

— Chú Ích-Tôn này, phải tìm cho được người đó, vì chính hắn đã tra tấn mẹ cháu.

Mọi người đều ngảnh lại nhìn con bé. Ích-Tôn hình mũi đáp :

— Ta sẽ làm hết sức mình, Mỹ-Lan ạ. Nghe đây, các bạn, chúng ta phải mở cuộc điều tra.

Minh-Kha lãnh nhiệm-vụ ấy. Cách vài ngày sau, hắn đã tìm được vài tài liệu về gã họ Lỗ.

★

Con người đó, xa lạ với dân làng, đã xuất hiện nơi đây từ tám năm trước. Gã đã cưới một phụ-dân bà goá, mà cách đó không lâu, phụ-dân đã chết vì sự đối xử tàn-nhẫn của gã.

Gã tự xưng là thợ mỏ. Gã là một người nguy-hiêm, hung dữ và xảo-quyệt. Viên thú-y trong làng thường đến chơi nhà gã, cùng nhau nhậu-nhẹt và cùng thông-dồng nhiều trò đáng thất-cổ, mà về sau, dưới thời kỳ bị chiếm, người ta mới rõ sự thật vì sự phò-trương thành-tích của gã.

Và đây là một trò xảo-quyệt đáng chú ý : trước một ngày lễ thánh-giáo, một người chủ gia-súc vào chuồng thăm đàn bò, thì thấy con bò cái đẹp-nhứt của mình đang nằm chết trên đồng-rơm. Cả làng đều xáo-động vì tin ấy. Viên thú-y đến nơi, sau khi quan-sát, đã kết-luận : «Hãy dang-ra xa, con bò này bị bệnh-dịch» Thế là dè-dặt, người ta mang con bò ra khỏi làng và chôn nó luôn cả bộ da. Nhờ Trời, sự truyền-nhiễm không hề xảy-ra.

Nhưng Lỗ và viên thú-y đã có thịt ướp-mặn ăn suốt cả mùa đông. Về sau, người ta mới biết gã và viên thú-y đã thông-dồng giết con bò cái ấy, rồi lại thông-dồng đào nó lên để làm thịt.

Khi chiến-tranh bùng nổ, Lỗ không dấu được sự vui-mừng đần-quai. Gặp người nào qua đường, gã cũng nói : «À, máu đã bắt đầu chảy rồi đây ! Nó sẽ chảy, sẽ chảy như làn sóng». Khi quân ta, trong lúc rút lui, mệt-mỏi và đói khát

đến gõ cửa nhà gã để xin sữa, gã lạnh-lùng đáp : «Không còn gì cả, các bạn ạ». Và khi quân Đức đến nơi với chiến-xa, Lỗ mặc y-phục chính-tề, đầu chải láng-bóng, ra đứng đón chúng ở tận cổng, chia ra cho chúng thấy, trên một chiếc khăn thêu, một ổ bánh mì và một bình bạc. Cử-chỉ của gã làm cho một sĩ-quan chú-ý. Hắn cầm lấy ổ bánh và bảo gã : «Tốt lắm, ta có lời khen !...»

(Còn một kỳ)





TÊN ĐỒ TÈ KHÁT MÁU

TRONG lịch sử thế-giới chắc rằng chưa có một tên đồ tề nào khát máu bằng TRƯƠNG HIỂN - TRUNG, tiểu vương cai trị xứ Tứ-Xuyên ở Trung-Hoa. Trong thời gian trị vì là 5 năm (1643 — 1648) tên HIỂN TRUNG đã sát hại 40 triệu dân số.

Với mục đích đề củng cố ngôi báu, tiểu vương tàn ác này đã áp dụng ngay từ lúc lên ngôi một chính sách cai trị vô cùng tàn bạo, vô nhân đạo là xử tử những kẻ nào có ý phản loạn, chống lại chế độ này. Đầu dóng và uất ức hơn nữa là những kẻ mới hơi nghi cũng chung số phận bị đoạn đầu

Ngày nay ở mục thứ 7 trong sách lịch sử Trung - Hoa tổng quát của tác giả Joseph còn ghi chép

★ ĐIỀN SƠN

lại rành rẽ một danh sách những nạn nhân của tiểu - vương TRƯƠNG - HIỂN - TRUNG như sau :

— 32.310 thư sinh
2.000 binh sĩ



CHUYỆN LẠ KIM CÔ

27.000 tu sĩ Phật giáo
3.000 cung nữ diễm kiều.
600.000 dân chúng trong thủ đô CHENGTA
280 bà vợ của hân.
400.000 thân nhân binh sĩ.

Theo bảng danh sách trên, ta mới biết tổng số nạn nhân đã lên đến hơn một triệu. Ngoài ra tiểu vương họ Trương còn sát hại 38 triệu dân cư trong tỉnh Tứ Xuyên bằng mọi hình thức như : chôn sống, xử lăng trì, hỏa thiêu, chém hay thả sông.

Nhưng « hoàng thiên hữu nhãn, ác lai ác báo » cho nên về sau đến năm 1648, tiểu vương HIỂN-TRUNG bị dân chúng truất ngôi và bị giết tại Mãn-châu, Tứ-Xuyên là một thành phố lớn nhất ở TRUNG - HOA và không riêng gì tên đồ tề họ TRƯƠNG bị nhân dân xử tử để trả món nợ máu mà những bà con thân thuộc hay những bộ hạ đặc lực của hân cũng không còn một ai được diễm phúc sống sót cả.

MỘT PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN LẠ LÙNG

NGÀY nay Khoa-học đã đem đến cho nhân loại nhiều phương tiện di chuyển nhanh chóng và tiện lợi. Ở các nước văn-minh ngoài các phương-tiện thông thường xe hơi, tàu bay, tàu thủy, còn có một loại tàu hỏa ngầm dưới đất hay xuyên đại dương.



Ngày xưa thì than ôi ! cả một vấn đề phiền phức khi muốn di chuyển. Ở nước ta thì đi cang đi vông, còn ở miền VERA CRUZ có lối di chuyển thật lạ lùng là vác người hay « cồng ». Lối này khởi đầu năm 1520. Ở vùng này có một số người chuyên sống về nghề cồng mướn, họ mạnh khỏe nên sương tuyết hay khô cực cũng không chế ngự nổi họ.

Họ khởi sự đi từ VERA-CRUZ đến thành phố MỄ-TÂY-CƠ, khoảng cách hơn 300 dặm, chừng 330 cây số.

Họ dùng một tấm vải to bọc sau lưng người khách rồi họ dùng đôi tay gân guốt rần rần họ xách bổng người khách vác lên vai, rồi cầm đầu đi mãi suốt ngày đêm qua thung lũng, đồi núi, lội sông, vượt sa mạc, băng rừng hay leo sườn núi tuyết giá buốt.

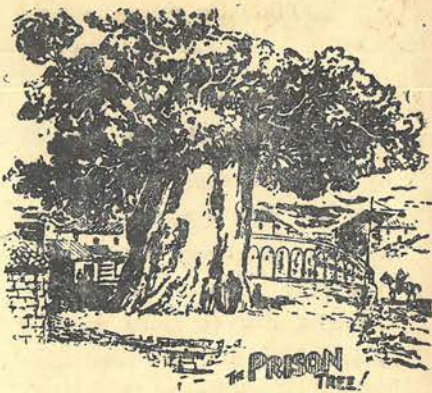
Nhờ sức khoẻ phi thường nên bước đường dài hơn 330 cây số mà họ chỉ đi trong vòng 4 ngày thôi.

Thật là một phương tiện di chuyển lạ lùng nhất trên thế giới. Đến năm 1608 thì lối « vác người » này không còn nữa.

MỘT NHÀ TÙ ĐỘC NHẤT TRÊN THẾ GIỚI

BẤT cứ ở quốc - gia nào, cũng có kẻ bất lương, phản loạn cho nên nhà giam cũng là một vấn đề quan trọng phải lo cho chu đáo.

Nhưng có điều lạ là vào thế kỷ thứ 18 có một cái nhà tù rất kiên cố nhưng khác hơn các nhà tù khác



là không xây cất bằng gạch đá mà chính các tù nhân lại bị giam trong bụng một thân cây. Ngay giữa thành phố Vastitza trên hải đảo ZANTE ở GREECE, có một cổ thụ khổng lồ, chu vi thân cây được hơn 17 thước, bên trong trống rỗng chừng 14 thước, cho nên chính quyền địa phương nghĩ ra cách dùng cây này làm nhà giam, khỏi phải xây cất tốn kém. Vì trong thành phố nhỏ, số can nhân cũng ít nên nhà tù này rất tiện lợi, thích hợp vô cùng. Nhà tù này bắt đầu từ năm 1791 đến 1821, tức là 30 năm cây cổ thụ này đã giúp ích rất nhiều cho nhà chức trách, các phạm nhân không tài nào tìm cách thoát thân được.

MỘT ĐẠI THI-HÀO MÙ CHỮ

CHÚNG ta thật hết sức ngạc nhiên khi đọc đến đầu đề : « một đại thi-hào mù chữ », vì buâng-khuâng tự hỏi không hiểu tại sao mù chữ mà lại làm thơ đề cho người đời gọi là đại thi-hào ?



Nhưng xin mời các bạn hãy đọc câu chuyện sau đây, ông DUNCAN MACINTYRE (1724 - 1812), là một đại thi hào của xứ Scottish, nhưng

không biết đọc lẫn viết một chữ nào.

Trong sự quan trọng của văn chương, nếu đem so sánh với thi hào Robert Rurus, thì ông DUNCAN vượt rất xa về tình tiết cũng như âm-điệu của thơ.

Thuở sinh thời, ông ta thường hay xúc cảm và xuất khẩu thành thơ, ngâm cho các người trong vùng nghe, họ cảm thấy say sưa nên viết lại và học thuộc lòng.

Sau khi ông qua đời năm 1812, hàng ngàn bài thơ bất hủ của ông được gom góp lại và in thành sách bán khắp nơi, được người ta không ngớt ca ngợi thiên tài thi phú của ông, cho nên mặc dầu các tập thơ của đại văn-hào DUNCAN được tái bản nhiều lần mà vẫn không đủ để cung ứng nhu-cầu đòi hỏi của mọi người.

Sau đó, người ta dựng một bức tượng bán thân của đại thi hào DUNCAN MACINTYRE trên một đài cao để họ được chiêm-ngưỡng mãi bậc thiên tài ấy.

MỘT HOÀNG-ĐẾ CÒN NẪM TRONG NÔI

BẤT cứ ở nước nào, triều-
đại nào cũng có những vị vua
lên ngôi báu lúc hãy còn là một
trẻ thơ năm, bảy tuổi, và cũng
có những vị vua chỉ được cai trị
muôn dân trong khoảng thời gian
ngắn ngủi ba, bốn ngày mà thôi.

Chẳng hạn như ở nước ta
có vua Kiến-Phúc, Hiệp-Hòa..
v.v... Còn ở Pháp, có vua Jean
đệ-nhất trị vì ngôi báu từ khi
còn nằm trong nôi đến khi lìa xa
cõi tục chỉ đếm được vòn vẹn
năm ngày. Vua Jean đệ nhất

là con đẻ sau khi phụ vương
Louis đệ thập băng hà, nghĩa là
vua cha qua đời ngày 5 tháng 6
năm 1316 thì Ngài ra đời ngày
5 tháng 11 năm ấy, và được lên
ngôi thánh chúa trị đời.

Nhưng chẳng may ngài lại
sớm theo vua cha về bên kia thế
giới, thời gian lên thiên tử chỉ
được 120 giờ mà thôi; thật là
ngắn ngủi thay.

Philip đệ ngũ, cậu của vua
Jean đệ nhất và cũng là vua kế vị
bị dân chúng không ngớt lời
phỉ báng vì họ cho rằng Philip
đã ám hại Jean đệ chiểm ngôi,
nhưng sự thật thì không có
bằng chứng gì để kết tội như
vậy được.



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KÉO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THÈ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯỞNG ẨM-ĐƯỢC

Bệnh hoạn



Bỏ lại đằng sau tuổi hai mươi mười tám
Tôi vào đời với nếp nhăn vùng trán
Vết thương chìm trên cân-não hiện sinh
Với ung-thư mọc nhọt thành hình
Đang đục khoét người tôi từng thờ thọt
Hơi thở năm đen màu thổ huyết
Cơn ho chiều rầy ít máu trong tim
Chối cuộc đời tôi chối cả tình em
Niềm hy-vọng cũng vừa thôi rụng xuống
Đôi con mắt biểu-dương sầu muộn
Đôi bàn tay động lấy tháng năm thừa
Tôi đầu hàng định mệnh cay chua
Đành cúi xuống không dám nhìn thiên-hạ
Em gần-gũi cũng trở thành xa lạ
Nay tôi còn mãi tôi chết sao không?
Phố bao chiều thiên-hạ vẫn qua đông 1...

KIỀU-TRUNG-PHƯƠNG
(Huế)

THÂM MƠ

Thời gian ngừng đọng trên trang giấy
Mắt lệ viên mi đếm tháng ngày
Nhớ thương ôm ấp đêm trường vắng
Một chút thắm mơ riêng gối tay



Vườn xưa bướm cũ nay tàn úa
Thén tặng cho tôi nét chỉ sâu
Mộng cũ sang ngang đồ trọn chuyển
Nào ngờ đang dở phải xa nhau

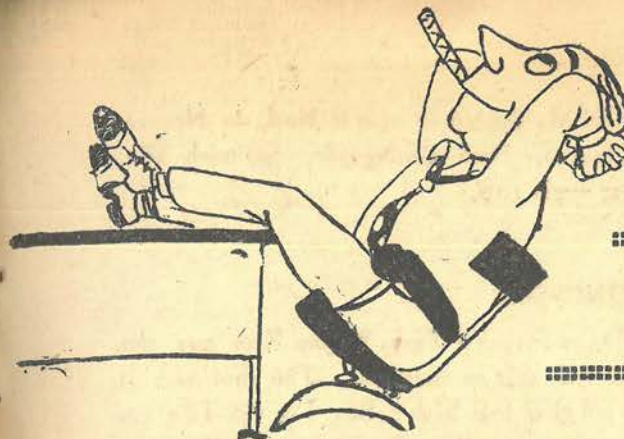


Đêm nay cầm bút em ngồi viết
Mai một làm thơ khóc chuyện mình
Khóc muốn thương vay đành một kiếp
Trong trần còn mãi sống linh đình ! !



Đò xưa chôn cũ ai còn đợi
Sao khách sang sông chẳng đoái hoài
Mộng cũ tan rồi, đâu thấy nữa
Tôi trách người sao sớm đổi thay !

KIỀU-MỘNG-THU
(Saigon)



..... Sách

..... Báo

..... Mới

★ Luận-Lý học. Đề-Nhất A.B.C.D.

Của hai ông ĐÀM-XUÂN-THIỀU, và TRẦN-TRỌNG-SAN, Giáo-sư triết-học và văn-chương Trường Chu-văn-An, Saigon. Sách soạn theo chương trình Trung-học hiện hành, rất công-phu và theo tài-liệu quý-giá của các Giáo sư, Triết-học Pháp và Anh. Dày 325 trang — giá 70\$ Ấn-loát đẹp.

★ Nhân-Quyền (Cộng-đồng nhân-dân Đông-Nam-Á) Báo chính trị và văn-ngệ» — Cơ-quan tập hợp các cây bút chiến-đấu trong mọi tầng lớp nhân-dân Việt-Nam ». Ra mỗi tuần một lần. Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút : Nhựt-Tân. Tòa-soạn và Trị-sự: 57 Nguyễn Du Saigon Mỗi số 2\$. Số 1 đã ra ngày 9-12-61. Nhiều bài có giá-trị. Xin thành-thật chúc bạn đồng-nghiep Hà-đức-Minh thành-công trong nhiệm vụ ngôn-luận.

★ Thơ-Mỹ của Cao-My-Nhân.

Nhà xuất-bản « Đại-Nam Văn-Hiến » 201—11 Nguyễn-Huệ, Phú Nhuận, Saigon

Tất cả trên 50 bài, quay Ronéo, 51 trang — giá 30\$.

★ Tuyển tập Văn-ngệ, « cơ quan phát-huy Văn-ngệ mới Việt-Nam ».

Tập đầu, tựa đề « SAO ĐÊM. đặc-biệt về ngày lễ Noel, do Nguyễn-thạch-Kiên, Trần-thế Nguyên, Đinh-trần-Nguyễn, Đỗ minh Thu, Hà-Thủy, v.v.. 25 trang — giá 10\$,

★ **Thú chơi Sách**
của **VƯƠNG-HỒNG-SỂN.**

Nhà xuất bản Tự Do. 25-29 Võ Tánh, Saigon. Xem qua mục lục cũng đủ thấy tác-giả viết thật có công phu : Thú chơi sách là gì ? Thi sĩ Léo Larguies nói gì về loài Sách ? Bản Lục vân Tiên của nhà thuốc Renoux. Hạng diên chữ. Bơm chọt Sách v.v... Gần 100 chương mục, dày 166 trang. Văn viết dí dỏm, dễ thương. Đọc giải trí và được thêm nhiều kiến thức. Ấn bản đặc-biệt, không đề giá.

Xưởng cưa máy

LƯ-NAM-HƯNG

190, Đại-Lộ **NGUYỄN-THÁI-HỌC**
Cầu Bông-Ky Gia-Định



**Bán sỉ và bán lẻ đủ các
sắc gỗ xẻ và gỗ súc**



Truyện dài tình cảm thời đại ● **NGUYỄN-VỸ**

TÓM TẮT KỲ TRƯỚC.

(Tiếp theo P.T. số 71)

Cô giáo Toàn giúp đỡ chàng nghệ-sĩ mù trong bệnh viện, bị một vài kẻ tiểu-nhân dèm pha ghen ghét, nói xấu cô. Cô không đến-xỉa đến dư-luận đáng khinh bỉ ấy, và cứ tiếp tục làm việc nghĩa.

Sự hiện-diện thường-xuyên của cô chỉ trong thời-gian vài ba chục phút mỗi ngày ở bên cạnh chàng, đối với chàng là một linh-dược có hiệu-nghiem và quý-báu hơn tất cả những vị thuốc rất hay của Bác-sĩ.



SUỐT ba tháng, không một buổi chiều nào cô Toàn không vào thăm người bệnh của cô. Cô săn-sóc chàng với tất cả lòng tận-tụy hiền-từ, và có những cử-chỉ hồn-nhiên rất dịu-dàng, khiêm-nhượng.

Cứ vào khoảng 5 giờ chiều, chàng nằm trên giường bệnh, nghe tiếng giầy của cô nhẹ-nhàng từ ngoài cửa bước vào, rồi tiếng nói êm-dịu âu-yếm, hỏi chàng : « Hôm nay anh đã bớt nhiều chưa ? », chàng có cảm-giác như một vị Ngọc-nữ trong Thần-thoại hiện ra hỏi thăm chàng. Chàng cứ nghĩ rằng chàng đang sống một giấc mơ Tiên. Đã sẵn có

tâm-hồn nghệ-sĩ, lại bị mù lòa, chỉ nghe tiếng nói của thiếu nữ thanh-thanh như tiếng nhạc, mờ mờ chàng tưởng tượng đây là một giai-nhân diễm-kieu trong mộng chứ không phải một người thật ở ngoài đời.

Chàng có thấy gì đâu ? Chàng có biết gì đâu ? Chàng đang rên-rỉ giữa đêm thắm vô-biên, với những vết thương không thể nào hàn gắn được, trong giờ phút gần như hấp-hối, bỗng-nhiên chàng nghe tiếng gọi huyền-diệu của Hư-Vô. Chàng tưởng như đã nhìn thấy ánh-sáng... Một tia sáng diễm-lệ đã chiếu rọi vào vực thẳm mù-mịt của đời chàng.

Nàng là ai ? Cũng không phải một hình-ảnh nữa, vì chàng có trông thấy gì đâu. Nhưng chàng cảm giác như một hiện-diện thiêng-liêng, đem đến cho chàng nguồn hy-vọng an-ủi vô-vùng linh-nghiem. Chàng thấy bệnh-tình đã thuyên-giảm được nhiều, vết thương mỗi ngày mỗi êm-dịu.

Bác-sĩ đã phải nói với cô Toàn, một buổi chiều gặp cô trong bệnh-viện ra về :

— Nhờ cô mà bệnh-nhân đã

mau khỏe-mạnh. Anh ta sống được, là cái ơn của cô.

Cô Giáo-sư trẻ tuổi nhả-nhận đáp :

— Tôi có làm gì được đâu. Người bệnh khổn khổ ấy không thể nào bình-phục được nếu không có sự săn-sóc thuốc-men rất tận-tụy của Bác-sĩ, và tài-nghệ tinh-vi của Bác-sĩ. Bác-sĩ đã cứu anh ta khỏi chết và khỏi bị tàn-phế !

— Tôi chỉ dựa vào chút ít thôi, cô Giáo ạ. Tôi biết theo kinh-nghiem của tôi trong bao nhiêu năm hành nghề, Y-học cố gắng có thể sửa chữa lại một phần nào những tan-nát đồ-gây trong sức khỏe của con người, nhưng chỉ có yếu-tố tâm-lý mới cứu-vãng được nguy-biến lớn-lao. Biết bao nhiêu những chứng bệnh mà Y-học có thể cứu-chữa được, nhưng rốt cuộc vẫn không thành công, hoặc chỉ thành-công được một nửa thôi, chính vì Y-học không có tài gì cứu chữa tâm-lý bị suy-nhược của bệnh nhân. Người ta có nói cho tôi nghe về tình-trạng của anh «Nghệ-sĩ-mù» này. Kề ra, anh ta cũng đáng thương và đáng mến. Biết đâu, anh ta có thể

trở nên một nghệ-sĩ tài-hoa của Đất-Nước, nếu gặp cơ-hội thuận-tiện cho tài-năng này-nở. Vì cô là Giáo-sư, cô cũng biết rằng tất cả những thiên-tài đều do hoàn-cảnh đào-tạo một phần lớn. Biết bao nhiêu những người mù đã trở thành vĩ-nhân của thế-giới trong các lĩnh-vực âm-nhạc, Văn-chương, Học-thuật, Xã-hội, vì nhờ hoàn-cảnh khuyến-kích thiên-tài của họ. Hoàn-cảnh của anh Nghệ-sĩ-mù đang nằm trong bệnh-viện, cách đây 3 tháng có thể làm cho anh tuyệt vọng, oán-dời, chán-dời, rồi tinh-thần khủng-hoảng, suy-nhược dần-dần. Dù thuốc men có tài giỏi chẳng nữa cũng chỉ hàn-gắn tạm cái vết thương nguy-hiêm của anh mà thôi. Đến khi anh ra khỏi bệnh viện, anh sẽ chỉ còn là một kẻ tàn-phế vô ích, oán-hận xã-hội và cũng bị xã-hội ruồng-bỏ, khinh-khi. Nhưng anh được may-mắn có cô săn-sóc, an-ủi. Sự hiện-diện thủy-mị dịu-dàng của cô mỗi ngày đã cứu vớt anh ta hơn tất cả những món thuốc của Y-khoa. Tôi chỉ là Bác-sĩ của một cái chân bị gãy, cô là Bác-sĩ của cả một cuộc đời bị nguy-tai trầm-

trọng. Cô đã cứu được tinh-thần của anh. Cô đã cứu được lẽ sống của anh...

— Tôi chỉ thấy tôi vui-sướng trong khi làm một bổn-phận nhỏ-nhỏ.

— Còn hơn một bổn-phận nữa: cả một hy-sinh lớn-lao đấy chứ ! Nếu tất cả mọi người đều vui-về hy-sinh như cô, hay là hy-sinh một chút, một chút thôi, để cứu vớt những kẻ đau khổ, thì cuộc đời sẽ tốt đẹp hơn nhiều. Nhưng loài người tàn-nhẫn lắm, xã-hội ích-ký lắm, đến cả đạo-dức của con người cũng có phần giả-dối, cho nên đời sống của nhân-loại còn đầy rẫy những cảnh lầm than khổ hận !..

Đứng nói chuyện một lúc rồi Bác sĩ mời cô Giáo-sư Phạm thị Toàn lên xe-hơi của ông để ông đưa cô về. Cô Giáo nhả-nhận cảm ơn mỹ-ý của ông, nhưng cô viện lẽ đường gần, và khí trời mát-mẻ, cô thích đi bộ để hóng gió chiều.

Hầu-hết bệnh nhân và y-tá trong nhà-thương Thủ-Khoa Huân đều biết cô Giáo-sư Phạm thị Toàn và rất mến-phục hành-vi của cô.

Chàng nghệ sĩ Mù đã gần bình phục hẳn. Ông chân của chàng khỏi bị tàn phế, chàng đã đi được gần vững và sắp-sửa được ra khỏi bệnh-viện.

Một buổi chiều chủ-nhật, cô Toàn vừa đến, mỉm cười trông thấy chàng ngồi trên chiếc ghế đá ngoài sân bệnh-viện. Cô đến gần hỏi thăm như thường lệ, xem vết thương đã khá nhiều. Cô đưa biếu chàng mấy trái cam. Người mù vui mừng nhận-lãnh, cảm ơn cô, và bảo :

— Thưa cô Hai, Bác-sĩ bảo độ nửa tháng nữa thì chân tôi lành hẳn, nhưng Bác-sĩ cho phép tôi ở lại thêm một thời-gian nếu tôi muốn. Tôi chưa biết tính sao... Tôi cứ phó-thác cho bàn tay định-mệnh...

— Anh định ra khỏi nhà-thương anh sẽ ở đâu, và sẽ làm gì ?

— Tôi trở lại nhà Chùa, xin ở trọ như trước. Và tôi mong được tiếp-tục đàn và ca, để làm kế sinh-nhai.

— Tôi muốn đưa anh ý-kiến như sau đây, tùy anh suy-nghĩ nhé. Anh biết mỗi tháng tôi về Saigon hai lần. Chuyến vừa rồi, tôi đi thăm một người bạn gái ở

Chợ-lớn, ngẫu nhiên đi ngang qua một đường phố trông thấy một Trường học khá lớn, ngoài cổng có tấm bảng đề là « Trường tiểu-học người Mù ». Tôi có vào xem, thì mới biết là ở đây có mấy lớp dạy người Mù, toàn là Nam học-sinh, từ 10 đến 12, 13 tuổi. Thầy giáo có hai ba ông đều là người Mù. Hiệu-trưởng, một viên Đại-Úy, cũng là người mù. Trước kia ông là Đại-Úy trong Quân-đội Pháp, ra trận bị đạn hư hai con mắt thành ông bị mù. Ông được chở máy bay sang Pháp, để cứu chữa nhưng không khỏi. Ông xin học nơi một trường Mù. Ngày nay ông trở về Việt-nam, vẫn được chức Đại - Úy trong quân-đội Việt, và đặc biệt được bổ nhậm làm Giám-đốc trường Mù. Tôi ở Sài-gòn đã lâu, nhưng lần đầu-tiên do sự ngẫu nhiên tôi mới được trông thấy một trường-học riêng biệt dành cho các thanh thiếu niên mù-lòa, học chữ Việt, chữ Pháp, Địa-lý, Sử-ký, và nhất là âm-nhạc. Theo lời viên Thư-ký nói chuyện với tôi thì số học-trò mù mỗi ngày vào thêm mỗi đông mà nhà trường thì thiếu Giáo-sư. Ở đây hiện nay chỉ có hai Giáo-sư mà thôi,

dạy học bằng phương - pháp Braille..., của người mù dạy cho học-sinh Mù. Được biết đại-khái như thế, tôi bỗng nảy ra một ý nghĩ là anh nên đến đây xin làm Giáo-sư Âm-nhạc.. Hay là, nếu anh bằng lòng, tôi sẽ hỏi kỹ-càng các điều-kiện xin làm Giáo-sư ở đây, và nếu được, tôi sẽ tìm cách giới-thiệu anh ?...

Chàng Nghệ-sĩ-mù suy-nghĩ một lát rồi hỏi :

— Tôi làm sao có điều-kiện xin dạy ở đây được ?

— Tôi cũng chưa biết rõ những chi-tiết nhưng tôi thấy hai Giáo-sư ở đây đều là người

mù mà họ vẫn dạy học được cho gần 50 học-sinh mù, thì có lẽ anh cũng dạy được vậy chứ. Anh chưa quen với phương-pháp Braille để dạy chữ, nhưng anh là Nhạc-sĩ, anh có thể dạy về âm-nhạc.

— Vâng, hôm nào cô có dịp đi Sài-gòn, nhờ cô hỏi thử xem... Nhưng tôi sợ tôi không có đủ khả-năng để dạy ở trường Mù. Và lại tôi chưa nghe nói đến trường Mù bao giờ. Bây giờ cô nói, tôi mới biết...

— Tôi xin hứa với anh rằng tôi sẽ cố gắng vận động để anh được vào dạy ở trường ấy.

— Vâng, nhờ ơn cô...

(Còn nữa)

THUỐC MUỐI SUI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA-BUỒN NÔN-ÓI MỬA

ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RUỘT

BAO-TỬ CƠ RÚT

CÓ BÁN KHẮP

ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ



★ Đồng-bào Sơn-cước không có Ngải.

(Của ông Mnũ Hae, đồng bào thượng Darlac).

« ... Cô Diệu-Huyền có đáp cho một độc-giả trong tập Phở-Thông số 66 rằng phần nhiều dân Sơn-Cước chúng tôi có các thứ Ngải đề ếm... Nay tôi xin có mấy giòng chữ dưới đây đề cời mở được một phần nào cái dị-doan mê-tín cò, hoặc của buổi mới sơ khai mà ngày nay còn sót lại, rồi đâm ra ngờ-vực, không có chứng-minh xác-đáng. Đã đành rằng Ngải và ếm cũng có và có một phần nào ở những người cha truyền con nối, đó chỉ là một con số nhỏ mà thôi, chứ nói « phần nhiều », như cô Diệu-Huyền nói, thì không đúng. Thí-dụ, ai dám nói hầu hết người Việt nam biết lái xe Auto và đạp xe xích-lô khéo không ? Có lẽ là không, và Zéro 2/5 vậy. Nếu giữa người Kinh và Đồng-bào Sơn-Cước chúng tôi có e-sợ nhau vì Ngải đề ếm, thì cái ý-chí đoàn-kết giữa người Kinh và người Thượng bị giảm bớt không ? Đã có sự chia-rẽ thì làm sao đoàn-kết diệt Cộng và mong thống-nhất Bắc-Nam nữa. Như vậy là phản-ảnh lại cái chủ-trương của chánh-phủ không ? ? ? Và chúng tôi là dân Sơn-cước dễ buồn tủi lắm... »

... Giữa lúc nước nhà đang bước tiến trên đường cứu quốc, nỗ dẫu chúng tôi lại đem những cái tội-bại mê-tín đó ra đề mua bán hay chỉ mưu ám-hại người cùng giống máu hay sao ?... Tuy là dân Sơn-Cước chúng tôi vẫn hèn sức yếu, chúng tôi thiết-tưởng mê-tín còn sót lại là tại ở lòng dân trên 80 năm thực-phong tàn-bạo, chớ chúng tôi cũng được vinh-dự sống trong giải đất chữ S, há lại chúng tôi không dám dùng đến danh-từ con Rồng cháu Lạc của 4000 năm hay sao ?... »



ĐÁP BẠN

≡ BÓN ≡

PHƯƠNG

★ DIỆU-HUYỀN

★ Bạn V. Đ. Khiết, Y-tá, KBC. 6088

Phù-hiệu của các bệnh-viện và các nơi bán Âu-dược : LY RUỘU, CON RẮN, CÂY GẬY, CON GÀ TRỐNG, là theo điển-tích của Hy-Lạp Đồi Thượng-cổ, người Hy-Lạp thờ Thần-Y-Dược là Y-Sur ASCLÉPIOS (người Roma gọi là Esculape), con trai của Thần Apollon và nàng Tiên Coronis. Tượng Thần Asclépios một tay chống CÂY GẬY CÓ NHIỀU KHÚC MẮT, tượng-trưng những tuổi-tác của con người, và một tay nắm một CON RẮN tượng-trưng cho sức khỏe. Năm 290 trước J.C, dân chúng Roma bị bệnh dịch, chết nhiều quá, không có cách nào cứu hơn là dâng ly rượu cúng thần Esculape, và nhờ đó họ khỏi bệnh. Họ liền vẽ thêm một LY RUỘU vào hình con Rắn và cây gậy, đề tỏ lòng biết ơn của loài người đối với Thần Esculape, Thủy-tò của Y-dược Âu-châu. Từ đó về sau, các vị Thầy-thuốc Âu-dược thường dùng các phù-hiệu trên kia đề tôn thờ Esculape, và tượng-trưng cho Y-khoa. Có nơi lại vẽ thêm CON GÀ TRỐNG, cũng là biểu-hiệu cho sức khỏe.

★ Ông T. V. V. Giáo-viên Kiêng-Phước.

● Sinh con ra, theo Luật, phải khai-sanh ngay trong thời-hạn 3 ngày sau ngày sinh. Mặc dầu mới 4 tháng sau lễ Hôn-thú vợ

đã dễ, cũng phải khai sanh liền chứ đừng đợi đến 9 tháng 10 ngày

● Về vấn-đề quân-dịch, xin hỏi nơi Hội-đồng Trưng-binh ở Địa-phương.

★ **Em Thi-Chương, Túy-Loan.**

Tóc trắng, muốn cho đen phải nhuộm, chứ không có thuốc gì chữa cho hết trắng được.

★ **Cậu Hoài-Chơn, 13A Trịnh-minh-Thế, Huế.**

Muốn thêm bớt hoặc thay đổi tên, họ, phải do cha mẹ làm đơn ra tòa, và phải có lý-do chính đáng. Không phải giản-dị đâu.

★ **Ô. Đoàn-sĩ-Ngô, Quảng-Ngãi.**

Quyền «Thi-Tù Tùng-Thoại» của cụ Huỳnh-thúc-Kháng không hề bị cấm tái-bản. Ở Sài-gòn nhiều hiệu sách vẫn có bán quyền ấy.

★ **Ô. Long-Vân, Tuy-Hòa.**

Chúng tôi không thấy «vật gì xanh xanh bay trên không-phận Phú-Yên hồi 7 giờ 30 ngày 1-12-1961», nên không thể đoán-được là vật gì.

★ **Ô. Lương-Mô, ga Tam-kỳ.**

● Đoạn thơ «*Lorsque le pélican lassé d'un long voyage...*» trích trong tập «*Les Nuits*» của A. de Musset.

● La Palice (hay là La Palisse), Đại-úy Pháp, sinh năm 1470, chết tại trận Pavie năm 1525. Sự thật quá hiển nhiên, diễn tả trong hai câu thơ :

*Un quart d'heure avant sa mort,
Il était eucor en vie,*

(Mười lăm phút trước khi chết, ông ấy còn sống)
không phải do chính La Palice làm ra. Đó là hai câu chót trong một bài về bình-dân do quân lính của ông đặt ra để khen tặng lòng dũng-cảm của Đại-úy La Palice trong trận giặc Pavie, 15 phút trước

khi ông chết, người ta còn thấy ông đang hăng-hái xáp chiến. Nhưng vì người đặt ra bài về ấy nói vụng-về quá thành ra hai câu thơ ngớ-ngẩn. Người sau lại dùng hai câu thơ ấy để ngạo lại La Palice. thành ra một thành-ngữ thông-dụng đời đời (sự thật của La Palice).

● Về vấn-đề Do-Thái, chúng tôi đã có bài nói rất rõ-ràng trong Phò-Thông số 55 (15-4-1961).

● Nhắm mục-dịch, là ngó vào mục-dịch, hướng về mục-dịch. Nhầm mục-dịch, là đi đúng vào mục-dịch.

★ **Ô. Trần-tân-Định, Institut Franco - Vietnamien Paris**

Vâng, bài Thơ «*Tiếng Thu*» của Lưu-trọng-Lưu không biết có phải hoàn-toàn của Lưu-trọng-Lưu hay không ?

Thế-Kỷ thứ VIII, Thi-sĩ Nhật SARUMARU đã có làm bài thơ sau đây cũng tựa là «*Tiếng Thu*» :

Oku yama ni
Momoji fumi wake
Naku shika no
Koe kiku toki zo
Aki wa kanashiki

(Trong núi rừng sâu,
Ta nghe tiếng xào-xạc
Của con nai vàng ngơ-ngác
Đạp trên lá bàng khô
Buồn làm sao !)

Bài thơ này, một Thi-sĩ Pháp, MICHEL REVON, có dịch ra Pháp-văn trong «*Anthologie des Poètes Japonais*» :

*Combien triste est l'automne
Quand j'entends la Voix
Du Cerf qui brame
En foulant et dispersant les feuilles des érables
Dans les profondeurs de la Montagne.*

Thế-kỷ XII, Thi-sĩ Ba-Tur, OMAR KHAYYÂM, trong tập Thơ *Rubaiyat* (Thơ 4 chữ) cũng có một bài thơ « Tiếng Thu », lời và ý cũng giống như bài thơ Nhật. Bài thơ « Tiếng Thu » của Omar Khayyâm đã được một nhà Thơ Anh, E. FITGERALD, dịch ra Anh-ngữ năm 1859, và Thi-sĩ Pháp, NICOLAS, dịch ra Pháp-ngữ năm 1867. Bài thơ « *Tiếng Thu* » của Lưu-Trọng-Lư giống y-nguyên bài « *Tiếng Thu* » của Nhật hơn là bài *Tiếng Thu* của Omar Khayyâm

★ **Cô Thanh-Ngọc, trường Trưng-học Trưng-Vương.**

Không có sách nào viết chung về tiêu-sử các danh-nhân. Nhưng có nhiều sách bằng ngoại-ngữ, viết riêng về mỗi danh-nhân, nhiều lắm, không thể nào kể hết từng quyển. Bạn nên tìm trong thư viện hoặc các hiệu sách lớn.

★ **Ông Phan-sang-Tài, Kiến-Hòa.**

Chữ Tàu, ta gọi là chữ *Hán*, vì truyền sang nước ta từ thời nhà Hán (từ năm 206 trước Tây-lịch). Chữ *Nôm*, là chữ Hán sửa đổi lại cách viết đúng theo tiếng nói của người Việt Nam (*Nôm*, là nói trại của chữ *Nam*). Chữ *Quốc-ngữ*, là dùng mẫu-tự Roma phiên-âm ra tiếng Việt.

Từ Thế-kỷ XIX trở về trước, người Việt viết và đọc chữ Hán hoặc chữ Nôm. Chữ « *Quốc-ngữ* » đã có từ Thế-kỷ XVII, do mấy ông Cố-Đạo Gia-Tô-giáo đặt ra để viết sách Đạo truyền bá lên - lút trong dân-gian. Nhưng mãi đến cuối Thế-kỷ XIX ở Nam-kỳ, và đầu Thế-kỷ XX ở Trung Bắc-Kỳ mới được chính-thức truyền-bá, và bắt đầu thịnh-hành sau khi chữ Hán bị người Pháp bãi-bỏ ở khắp nước Việt nam.

★ **Cô Trần-thị-Thanh-Lan, Bờ-đề Nha-Trang.**

Nếu chúng tôi không lầm thì theo thông-lệ hiện nay, Tiêu-thuyết giao cho các nhà xuất-bản ở Sài-gòn ấn-hành, hình như tác-giả được số tiền bản-quyền 10% theo giá bán. Cô nên hỏi kỹ lại các nhà xuất bản.

● Muốn in một quyển sách thì điều-kiện thứ nhất là phải đưa bản thảo lên Ty kiểm-duyet. Được giấy phép của Ty ấy rồi mới được in.

★ **Cô Lê-thị-Phượng, Mỹ-Tho.**

● Đôi mắt bị cận-thị phải đeo kính thuốc, chứ « cạy nhau » không khỏi được.

★ **Cô Phan-thị-Cầm, Bến Ngự, Huế.**

● Vàng, pháp-danh của N.V. là Tâm-Trí.

★ **Ô. T. H. T. Huế.**

Cháu bé mới sinh ra bị sút môi, vì nhiều nguyên nhân, thường là hậu quả của một chứng bệnh di truyền của cha mẹ. Ông muốn vá môi cho cháu, thì phải đến bác-sĩ chuyên-môn, nhưng nên để cháu lớn đã.

★ **Bạn Hoàng-văn-Huỳnh, thợ điện, Sài-gòn.**

● Nếu bạn có máy télévision, thì bạn có thể xem hình theo như chương-trình đài T. V. của Mỹ.

● Ở Đ. N. Á, nước nào cũng có đài T. V.

● Những danh-từ như « *Mạnh-đức-tư-cư, Phổ-lỗ-sĩ, Ý-đại Lợi*, » v.v..., do người Tàu phiên-âm từ ngoại-ngữ ra Hán-văn, rồi các nhà văn-học Việt-nam ở thế-hệ trước theo chữ Hán ấy mà phiên-âm lần thứ hai ra Việt-ngữ. Vì thế nên thường có sự sai-biệt quá nhiều

★ **Em Phi-Phi Điện-Bàn.**

Con Rồng, do người Tàu thời xưa vẽ theo óc tưởng-tượng, rồi người Việt bắt chước đó vẽ theo, chứ không có sách nào mô-tả rõ-ràng cả.

★ **Bạn Hồ-Đông Phú-Thọ.**

● Nước thủy-triều lên xuống, là do sức hút của Mặt Trăng, và Mặt Trời, theo các sách khoa-học.

★ **Bạn Ng.-t-Lãm, Đà-nẵng.**

Cuộc cách mạng tháng 10-1956 của Hung-gia-Lợi, do ông Imre Nagy cầm đầu ● Nhà Thơ ái-quốc nổi tiếng nhất của Hung-

gia-Lợi tên là Alexandre Pétófi (1823-1849).

★ **Ô. Nam-Sinh Cần-Thơ.**

Vâng, theo «*Việt-Nam Sử-lược*» của Trần-trọng-Kim thì hai chị em cuối đời nhà Lý :

Người chị là *Thuận-Thiên công-chúa*.

Người em là *Chiêu-Thánh công-chúa* tức là Vua *Lý-chiều-Hoàng*.

Xin cảm ơn ông đã đính chính hộ.

★ **Bạn Thiện Tâm, Qui-nhơn.**

Đức Không-Tử sinh năm 551, mất năm 479 trước J.C.

● Các bạn trẻ thích hoạt-động, ham học hỏi, muốn trao-đổi Văn-hóa — Hãy đón đọc :

TÂN THIẾU NIÊN

Sẽ phát hành vào đầu tháng Giêng
dương-lịch — năm 1962

Do TÂN VĂN HÓA xuất bản mỗi tuần, với sự
hợp tác của các nhà Văn, Họa sĩ tên tuổi thủ-đô.



POLYVIT Ca
Têvê-tê

ĐÀN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÈO-OT, CHÂN MỘC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHÔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ ẦU-DƯỢC

Nhắn tin riêng với Bạn Đọc

★ **Cậu Hoài-Chơn, 13A Trịnh-minh-Thế, Huế**

Tên thật của Diệu-Huyền là Diệu-Huyền.

★ **Một bạn đọc không ký tên, ở Hà-Tiên**

Quyền báo của bạn bị thợ đóng sách vô-ý sắp lộn trang. Vạy xin cho biết địa-chỉ để chúng tôi gửi đổi quyền khác.

★ **Bạn J.M.A. KBC. 4061**

● Khi nào có số đông Bạn đọc yêu cầu mở thêm mục «*Sưu-tập Bru-hoa*», chúng tôi sẽ vui lòng mở ngay, nhưng hiện nay chỉ có một vài bạn hồi thời. Xin bạn thông cảm cho.

● Quyền «*B.S. Long*», tiếp theo *Giấy Bì Rợ*, hiện nay chưa được phép xuất-bản. Cảm ơn thư bạn.

★ **Ô. Ng.văn.Sửu, Bàn-Thạch, Duy-Xuyên**

Xin thành thật cảm ơn thư ông. Đồng ý sẽ nói thêm về vấn-đề thai-nghén, nhưng xin hứa một dịp khác.

★ **Một học.sinh đệ II. Quốc . học Huế, không ký tên.**

Rất tiếc, chúng tôi không thể trả lời tỉ-mỉ về việc «*miễn thai*».

★ **Ô. Đình-Cường, Phú-Hương**

1) Nếu vợ chồng có giấy giá-thú hãn-hoi, mặc dầu vợ bỏ nhà đi mất đã lâu, chồng cũng không được cưới vợ khác (theo «*Luật gia-đình*» hiện nay).

2) Ông không thể sống cô-độc được, thì phải đi kiếm người vợ cũ về bắt buộc người ấy phải ở với ông. Theo «*Luật gia-đình*» hiện nay, chúng tôi không thể chỉ bảo ông cách nào khác được !

★ **Ô. Phan-v-Mỹ, y tá Đồn-điền Michelin, Dầu Tiếng**

Muốn xin miễn dịch, ông hỏi nơi Hội đồng Trưng bình tỉnh Bình-Dương.

★ Cô Lê-thị-Giang, Thừa-Thiên

Bị cấm thi các kỳ thi « Công-cộng », nghĩa là các kỳ thi do các cơ-quan chính-quyền mở ra, (kể cả thi Tú-tài như trường hợp của cô)

★ Bạn Quốc-Chi 172 Phan-chu-Trinh, Tam-kỳ.

Rất tiếc, chúng tôi không bán báo dài hạn ở trong Nước, vì báo gởi thường bị thất lạc, hoặc đến trễ. Bạn nên mua tại nơi bán báo ở địa phương, tiện hơn. Thành thật cảm ơn thư bạn.

★ Bạn Lý-anh-Thu, Cống-Quỳnh Saigon.

Rất tiếc chúng tôi không được rõ về trường-hợp kiểm-tra trung-bình của bạn. Bạn nên hỏi kỹ lại nơi Quận 5.

★ Bạn Nguyễn-x-Lãm, Đà-nẵng.

Những thắc-mắc về tuổi thọ của cụ Nguyễn-Khuyến, chúng tôi đã có trình bày rõ ràng trong một số Phổ-Thông cách đây mấy tháng.

★ Ông Thanh-Châu, La-thôn-trang, Huế

Bài thơ « Sonnet d'Arvers » chúng tôi đã đăng nguyên hết cả bài trong một số Phổ-Thông cũ. Rất tiếc chúng tôi không thể đăng lại một lần nữa.

★ Ông Nguyễn hiệp Thành (Vinh Lợi) — Ông Nguyễn-Tơ (Duy xuyên) và các bạn muốn mua PHỔ-THÔNG từ số 30 đến số mới phát hành.

Xin các bạn cứ gởi tem bưu-điện đến tòa soạn và cho địa-chỉ rõ-ràng, chúng tôi sẽ gởi báo đến các bạn. Mỗi số báo tính 10\$. Tiền cước phí gởi bảo-đảm chúng tôi sẽ đài thọ.

★ Chúng tôi đã nhận được bài và thơ của các bạn, từ ngày 1-12 đến ngày 15-12:

Thăng-Trầm (Đà-nẵng) — Nguyễn-chí-Khả (Huế) — Dương-trung-Lành (Châu-Phú) — Cường-Tâm (Huế) — Hoa-Phượng (Huế) — Huy-Trang (Phan-Rang) — Hoài-Mai (Bình-Định) — Ngân-Vũ (Tân-Châu) — Châu-chánh-Sâm (Huế) — Huyền-Linh (Qui-Nhơn) — Trần-nhâm-Thân (Qui-Nhơn) — Dạ-hương-Sơn (Huế) — Đào-thị-Năm (Hội-An) — Dạ-Lý-Hương (Huế) — Lê-quốc-Hưng (Qui-Nhơn) — Thương-hoài-Vân (Huế) — Thanh-Hưng (Phước-Hưng)

— Đình-Quang (Huế) — Nguyễn-phương-Lam (Phong-Dinh) — Trần-huỳnh-Hoa (Vinh-Điện) — Trần-công-Trọng (Quảng-Ngãi) — Phong-Châu (Huế) — Hồng-Minh (Phan-Thiết) — Cao-hữu-Duyên (Huế) — Dzoãn-Hoàng (Vũng-Tàu) — Mai-Quang (k.b.c. 4.883) — Hoàng-Sơn (Saigon) — Lê-văn-Phương (Tây-Ninh) — Tâm-Linh (Phan-Rang) — Hoàng-Quy (Hội-An) — Thạch-Liên (Huế) — Ngô-thành-Long (k.b.c 3044) — Hàn-Song-Tâm (Saigon) — Thiên-Phong (Huế) — Đỗ-nguyệt-Anh (Saigon) — Dã-Thảo (Saigon) — François Triết (Saigon) — Võ-thức-Lès (Bình Long) — Kỳ-Sơn (Saigon) — Nguyễn-vân-Tia (Saigon) — Vũ-Hồ (Quảng-Ngãi) — Minh-Đức (Ninh-Hòa) — Khánh-Linh (Nhatrang) — Hoàng-Quy (Hội-An) — Huỳnh-minh-Tân (Phan-Thiết) — Minh-Vân (Bồng Sơn) — Trần-Hùng (Tam-Kỳ) — Phạm-vân-Sur (Saigon) — Chi-Oanh (Long-An) — Thái-tú-Hạp (Hội-An) — Kiều-trung-Phượng (Huế) — Hoài-Nguyên (Quảng-Trị) — Hoài-huyền-Vân (Sagiang) — Vũ-chiều-Thu (Qui-Nhơn) — Huyền-Vân (Huế) — Trần-thế-Phượng (Phú-Nhuận) — Hàn-Song-Tâm (Saigon) — Chi-Oanh (Long-An) — Thu-Hồng — Minh-Phong (An-Giang) — Trần-kim-Loan (Trường-Trần-Quốc-Tuấn) — Trung-Ủy Phạm-duy-Anh (k.b.c. 6.090) — Trần-thanh-Hoa (Đà-nẵng) — Bá-Tùng Trà-kim-Long — Văn-Trúc (Phú-Yên) — Trung-sĩ Hồ-ngọc-Hạng (Đà-Nẵng) — Hồng-Lệ (Huế) — Thái-Anh (Nhatrang) — Thanh-Tâm (Hoài-An) — Độc-hành-Nhân (Mô-Cây) — Trần-duy-Bằng (Tây-Ninh) — Nguyễn-vân-Thiện (Sadéc) — Hứa-Pha (Đà-Nẵng) — Hoài-Sơn (Long-An) — Lê-Tân Thái-Sơn (Đà-Nẵng) — Nguyễn-nam-Tử (Đon-Phượng) — Trúc-Bằng-Tử (Hà-Tiên) — Lê-thùy-Lam (Saigon) — Văn-Loan (Huế) — Đan-Trưởng (Đà-Nẵng) — Bích-Ngô (Quảng-Trị) — Tổ-Hoàng (Huế) — Trần-Ngọc-Thanh (Vinh-Long) — Lê-vân-Miền (Tuy-Phong) — Thanh-Châu (Huế) — Mê-Kung (Quảng-Ngãi) — Nguyễn-hữu-Hiệt (Quảng-Trị) — Văn-Hoa (Huế) — Hồng-Hương-Chy (Nhatrang) — Hoài-việt-Nhân (Bình-Dương) — Nguyễn-vân-Thứ (Khánh-Thiện) — Thế-Vũ (Quảng-Ngãi) — Lê-Vân (Saigon) — Ngọc-Cầu (Hội-An) — Thương-Hoài (Đà-Nẵng) — Bà B.TH. (Saigon) — Trọng-Cường (Đà-Nẵng) — Nguyễn-vân-Tấu (Khánh-Hòa) — Hứa tự Khanh (Qui-Nhơn) — Đỗ-phương-Tuyền (Thừa-Thiên) — Tường-Tâm (Huế) — Thanh-Huy (Huế) — Tài-Chung — Vũ-Nguyên (Hội-An) — Trần-Hoành (Huế) — Tâm-Tinh (Saigon) — Cầm-Thủy (Huế) — Hoàng-Sơn (Huế) — Khánh-Vân cư-sĩ — Thanh-Lan (Nhatrang) — Đào-giang-Tân (Châu-Phú) — Hà-văn-Thuận (Cái-Sơn) — Y-Vân (Đalat) — Nhất-phương-Trinh (Hné) — Phan-tử

Bình (Saigon) — Mặc-mai-Nhân (Đà-Nẵng) — Mai-đức-Quy (Quảng-Ngãi) — Ai-Hồng (Quế-Sơn) — Tử-Phong (Huế) — Huyền - Nhất-Phương (An-Cựu-Huế) — Trần-xuân-Đài (Quế-Sơn — Quảng-Nam) — Cao-hoàng-Nhân (Phan-Rang) — Minh-Thao (Ninh-Hòa) — Uy-Nghiêm Ngõ Quang-Triệt (An - Giang) — Mang-viên-Lông (Qui-Nhơn) — Hoàng-Mai (Hội-An) — Nương-Châu (Saigon) — Nguyễn-khắc-Thiệu (Huế) — Võ-văn-Rỡ (Khánh-Hòa) — Lâm-kim-Chi, (Chí Hòa) — Trần-ngọc-Phú (Saigon).

★ **Thư riêng của các bạn :**

Liên-Đường (An-Giang) — Hồng-Hải (Huế) — Nguyễn-văn-Nhân (Saigon) — Thu-Lâm (Hội-An). Xin thành thật cảm ơn thư quý bạn.

★ **Đáp bài đố trong P.T. số trước**

Tất cả các bạn đều đáp trúng. Nguyễn-Ba-Tui xin thành thật cảm ơn quý bạn.

TIN MỪNG

Được tin ông **VÕ BÁ HẢI** quý nam của ông bà Võ văn Thoại, nghiệp chủ ở Vĩnh Long, đẹp duyên cùng cô Nguyễn Kim Thiên, trưởng nữ của bà sường phụ Nguyễn Anh Kiệt, ngụ tại 70/3 Cống-Quỳnh, Phong Dinh.

Hôn lễ sẽ cử hành tại 100/20 ấp Tân-Phú, Phong-Hòa, ngày 25-12-1961.

Nhân dịp vui mừng, chúng tôi thành thật chúc tân lang và tân giai nhân được muôn vàn hạnh phúc.

NGUYỄN VỸ — BẠCH YẾN

TIN MỪNG

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiệp của Nữ-Sĩ Mộng-Hoa báo tin đến ngày 20 tháng 11 âm lịch năm Tân-Sửu tức ngày 27 tháng 12 năm 1961 sẽ làm lễ vu-quy cho cháu là Cô Joséphine **NGUYỄN-ÁNH-TUYẾT**, Trưởng nữ của Ông Bà Nguyễn-Khánh-Tâm, số 2, Trần-tấn-Phát - SAIGON đẹp duyên cùng cậu Sébastien **NGUYỄN-THANH-TÔNG**, thứ nam của Ông Bà Nguyễn-văn-Phước, 87 B, Phát-Diệm Saigour.

Thành thực chia mừng cùng Nữ sĩ Mộng-Hoa và chúc đôi Tân-lang và Tân-giai-Nhân được bền duyên cầm sắt.

NGUYỄN-VỸ

Xin quý-vị Đại-lý Sách Báo các tỉnh lưu-ý

● **Nhà « Xuất-bản PHỔ-THÔNG tạp-chí »** đang dự bị ấn-hành **THƯỜNG-XUYỀN** hai tháng một quyển, các sách của **NGUYỄN-VỸ, THIẾU-SƠN, THẨM-THỆ-HÀ, TẾ-XUYỀN, HOÀNG-THẮNG, B.s. HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG, VƯƠNG-HỒNG-SẴN, NG.-THU-MINH, VI-HUYỀN-ĐẮC** v.v..

● **NHÀ XUẤT-BẢN PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ**

Chủ-trương ấn-hành những tác-phẩm về :

VĂN, THƠ, KHOA-HỌC, Y-HỌC, LỊCH-SỬ, PHÊ-BÌNH VĂN-NGHỆ

với 5 ĐẶC ĐIỂM :

I. — **Phổ - biến rộng rãi trong nhân-dân : Văn hóa Đông-Tây, kim-cổ. Nâng cao trình độ văn.hóa của Đại-chúng.**

II. — **Sáng-tác những văn nghệ-phẩm có tính cách ĐẠI - CHÚNG. Nâng - cao phẩm-giá của những hạng người nghèo - khổ, lầm.than, uất.hận, bị bóc-lột, bị đè nén bởi đồng-tiền và thế lực.**

PHỔ THÔNG —

III.— Bảo-vệ và đề cao
tinh thần, luân-lý,
đạo-đức của Dân-
tộc Việt - Nam.

IV.— Tự phiên-dịch các
tác-phẩm của nhà
« Xuất - bản Phổ-
Thông Tập-chí » ra
Anh - ngữ, Pháp-
ngữ, Đức-ngữ và
Hoa-ngữ, để phổ-
biến ra ngoại-quốc.

V.— Giá bán đại - chúng
trong toàn - quốc
Sách trình bày cùng
một loại như nhau.
(Có riêng loại sách
in rất mỹ thuật để
bán ra ngoại-quốc,
và những người
thích sách đẹp.)

• Nhà Xuất Bản

Phổ - Thông Tập - Chí sẽ tự phát-hành các sách của
mình khắp trong nước và ra hải-ngoại. Chúng tôi thân mến yêu-cầu
quý-vị Đại lý các tỉnh vui lòng viết thư sớm về hỏi
trước các điều kiện (dễ-dãi) làm đại-lý bán sách của Nhà
xuất-bản Phổ-Thông Tập-chí tại nơi địa-phương của
mình.

Địa-chỉ gửi thư, xin đề:

Ông Giám - đốc

Nhà « xuất bản PHỔ-THÔNG Tập-chí »

283, Gia-Long, Saigon

BẠN ĐỌC ĐÓN COI

BÁCH-KHOA SỐ KỶ-NIỆM ĐỆ-NGŨ CHU-NIÊN

Phát hành ngày 15.1.1961

Những nét chính trong năm 1961 :

về : Chánh-trị, Kinh-tế, Khoa-học, Văn học, Nghệ-thuật...

với : Hoàng-Minh-Tuyên, Tiểu-Dân, Quốc-Dũng, Nguyễn-
Phúc-Sa, Võ Quang-Yến, Cô Phương-Thảo, Trần-văn-Khê...

Những vấn-đề hiện tại :

— vấn-đề khắc khổ — vấn-đề tiết dục — văn - chương
triết-lý — hiện tượng học — thời-đại tính trong văn-ngệ —
quan-niệm sáng-tác (Tổng kết cuộc phỏng vấn).

Các bạn yêu hội-họa, quả bài « Xem tranh Tàu » của Đoàn-
Thêm sẽ được tác-giả trình bày về hội-họa Trung-Hoa từ Hán,
Đường, Tống, Nguyên, Minh... đến cận đại với 30 bức tranh
tiêu biểu của các họa-sĩ Trung-Hoa từng thời-đại.

Các bạn tìm hiểu triết-học Đông-Phương sẽ được thỏa mãn
về thiên khảo luận : « Dịch Lý với Thiên-Địa chi tinh » tiếp
theo « Dịch Lý với Thiên-Địa chi tâm » của Nguyễn-văn-Ba,
đã đăng trên Bách-Khoa từ số Kỷ-niệm năm ngoái.

Các bạn đọc Bách-Khoa sẽ vui thích theo dõi « Tấn bi
kịch ngàn năm chưa dứt » của Nguyễn-Hiến-Lê thuật lại sự
thành lập và củng-cố kỳ-diệu quốc-gia Do-l'hái

BÁCH-KHOA ĐỆ-NGŨ CHU-NIÊN sẽ cống hiến
bạn đọc : « Tia nắng rớt » của Võ Hồng, một chiếc « bướm
lạ » của Nhật Tiến, rất nhiều « tấm lòng vàng » của Vũ Hạnh
và cuộc phiêu du chưa biết « về đâu » của Võ Phiến.

• Bách-Khoa số kỷ-niệm năm nay.

Một công trình tập-thể của các cây bút trong nước và
một số cây bút ngoài nước : Minh-Đức, Mộng-Trung, Phan-
văn-Ngân, Nguyễn-Trần-Huân, Võ-Quang-Yến, Trần-văn-Khê,
Hoàng-Xuân-Hân...

Sẽ xứng đáng với lòng tin yêu mà bạn đọc đã dành
cho Bách-Khoa trong suốt 5 năm.

MORINDOL

TẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên-bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác-học ngoại-quốc công-nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công-nhận *rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (Hypertention artérielle)*. Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bịnh ấy. *Bịnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v..* »

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bịnh nói trên »
(B. s. Đặng văn Hồ).

COQUELUCHE

Trị bằng thuốc này, bịnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thề lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bịnh này.

HEMOPTYSOL

Trị chứng *thở huyết* rất hiệu nghiệm và ngừa biến chứng rất hay.

Nếu bịnh nhơn không còn phải sợ chứng *khái huyết* nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc hẳn bịnh lao sẽ không còn là chứng bịnh nan-y.

Bốn dược-phẩm kể trên có bán tại các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

Bán sỉ tại 246 đường Công-Quỳnh Saigon.



Tinh chế với toàn rễ cây xá-xị,
Không pha thêm hương chất giả tạo
Khiến mùi vị hắc gắt, Xá-xị « CON CỌP »
Giữ nguyên được hương vị tự nhiên với
Các đức tính quý giá của cây xá-xị:
Bổ khỏe, trị suy nhược, giải cảm,
Lọc máu, trừ tê thấp, trị tiêu chảy.

NƯỚC NGỌT CON CỌP mỗi chai
Là nguồn Vui Mạnh kéo dài tươi lâu

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN.

Rất cần có:
SÂN PHU, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU MỎI MẠNH

HEPATANA

Pharmacie **TANA**
42-44 NGUYỄN TRẠI CHOLON

Nhà thuốc **VAN-XUAN**
Phát hành tại THUỐC BƠ:

HUYET-SON-DUONG

*Ở tập Đại lý
và khách hàng tại*

Nhà thuốc **VAN-XUAN**
4 Đường THUAN-KIEU CHOLON

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại: 23.187



PHẠM-VĂN-LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÀN KHÁP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Asphélyne



Đặc biệt trị:
• SUYỄN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

**PHARMACIE
KIM-QUAN**
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

Giấy phép số 2921CDVITINH ngày 9-10-1961
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon
Quản-nhiệm NGUYỄN-VỸ

SỐ XUÂN (74)

CÓ NHỮNG BÀI CỦA :

* Biên - tập - viên Hải - ngoại :

(có ảnh của các Tác-giả) :

VÕ-QUANG-YẾN, Đại-học-đường Khoa-học . . . PARIS
NGUYỄN-VĂN-CỒN, Tiến-sĩ Văn-chương Pháp . . . PARIS
NÔNG-BẰNG-GIANG, Đại-học-đường . . . TOKYO
ĐÀO-TỨ-LANG, Đại-học-đường Philippines . . . RIZAL
ANANTA TOER, Nhà-văn . . . INDONESIA
S. K. CHETTUR, Nhà-văn Ấn-Độ . . . NEW DELHI
CHRISTA ABEL, Nữ-kỹ-giả Đức . . . HAMBURG

* Biên-tập-viên trong Nước (có ảnh) :

THIẾU-SƠN ● **TẾ-XUYỀN** ● **HUỲNH-KHẮC-DỤNG** ● **TÔ-NGUYỆT-ĐÌNH** ● **VI-HUYỀN-ĐẮC** ● **HOÀNG-THẮNG** ● **TRỊNH-THIÊN-TỬ** ● **BÁC-SĨ HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG** ● **THÂM-THỆ-HÀ** ● **THU-MINH** ● **NG-TRIỆU** ● **BẰNG-BÁ-LÂN** ● **THANH-NHUNG** ● **JAYA PANRANG** ● **TỪ-TRẦM-LỆ** ● **THANH-NGUYỄN** ● **THU-NHI** ● **MẶC-THU** ● **TÚ-BE** ● **TRỌNG-TÁU** ● **TUYẾT-LINH** ● **NG-TỬ-QUANG** ● **PHƯƠNG-DUYỀN** ● **ĐIỀN-SƠN** ● **LÂM-HỮU-NGÂN** ● **NGUYỄN-VỸ** ● **DIỆU-HUYỀN** ● **DUYỀN-HỒNG** ● **TÂN-PHONG** v.v...

* Phụ - bản thân tặng Bạn đọc :

(In riêng, hai màu, khổ lớn, giấy Blanc-fin, kèm với số XUÂN PHỔ-THÔNG), KHÔNG BÁN :

« **DANH-NHÂN THẾ-GIỚI**, tiền-bán Thế-kỷ xx »

44 bức ảnh của 44 Danh-nhân Thế-giới, có ghi chú Tiểu-sử tóm-tắt, từ 1900 đến 1961),

* **Bìa 5 màu, offset**, của Họa-sĩ DUY-LIÊM

■ **Số Phát-hành chính-thức : 30.000** ■